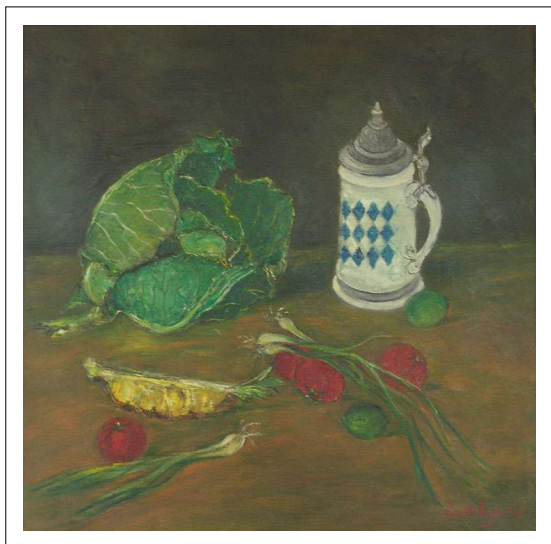


## F O R U M



Camille Huyên, *Hoa trái quanh tôi* - sơn dầu, 2004

## Mục lục

- 1 Hộ khẩu : bỏ hay không bỏ ?
- 2 Bạn đọc và Diễn Đàn

### Thời sự, những vấn đề

- |                              |                |
|------------------------------|----------------|
| 4 Tai nạn hạt nhân           | Đặng Đình Cung |
| 7 Tin tức                    |                |
| 10 Lạc đề                    | Hà Dương Tường |
| 12 Trả lời phỏng vấn Talawas | Đinh Bá Anh    |
| 14 Còn lại gì                | Phạm Thị Hoài  |
| 16 Số tay                    | Phong Quang    |

### Văn hoá, Khoa học, Nghệ thuật

- |  |                  |
|--|------------------|
| 18 Văn hoá minh bạch                         | Dạ Ngân          |
| 20 Đọc sách Lê Thành Khôi                    | Văn Ngọc         |
| 23 Bài học tiếng Việt ( <i>truyện ngắn</i> ) | Nguyễn Huy Thiệp |
| 27 Thơ                                       | Phan Huyền Thu   |
| 28 Đi tìm tác giả Gia huấn ca                | Nguyễn Dư        |

### Hộ khẩu : bỏ hay không bỏ ?

Trong kỳ họp quốc hội tháng 5 vừa qua, khi dự thảo sửa đổi bộ luật dân sự được đưa ra thảo luận, một số đại biểu đã mạnh dạn nêu lên mâu thuẫn giữa quyền tự do đi lại, tự do cư trú ghi trong dự thảo bộ luật và chế độ hộ khẩu áp dụng hiện hành. Ngay lập tức, họ đã nhận được sự ủng hộ, trên báo chí, của dự luận cả nước.

Theo bộ luật dân sự hiện hành, công dân có quyền cư trú « theo quy định của luật pháp ». Trên cơ sở đó, chính phủ đã ra nghị định số 51 về « quản lý hộ khẩu » nhằm hạn chế làn sóng di dân đến các đô thị lớn. Người cư trú tại thành phố mà không có hộ khẩu mặc nhiên mất một số quyền nhân thân, công dân như : xin cấp giấy chứng minh nhân dân và hộ chiếu ; đăng ký khai sinh và khai tử, kết hôn và ly hôn, học ở trường công lập và chữa ở bệnh viện công ; đứng tên mua nhà đất và đăng ký quyền sở hữu tài sản...

Trong lúc đó, với tính cách là công cụ quản lý dân cư, chế độ hộ khẩu đã không ngăn chặn được người dân các nơi đổ về những thành thị có công ăn việc làm. Thành phố Hà Nội có trên 3 triệu nhân khẩu, trong đó chỉ 2,6 triệu có hộ khẩu thường trú, và có đến hơn 100 000 nhân khẩu đã mua nhà cư trú ổn định nhưng không được đăng ký hộ khẩu. Ở Thành phố Hồ Chí Minh, một phần tám dân số không có hộ khẩu. Tại tỉnh Bình Dương, có những xã chỉ có 2000 dân có hộ khẩu, trong khi nhân khẩu nhập cư lên đến trên 30 000 người.

Trong kỳ họp quốc hội, một uỷ viên Trung ương đảng, ông Tráng A Pao, chủ tịch Hội đồng dân tộc, nêu lên một thực tế khác của chế độ hộ khẩu. Ông cho biết đã mất gần 5 năm mới chuyển được hộ khẩu của vợ, con từ Lào Cai về Hà Nội : « Vì họ (*công an*) cứ đòi hết giấy này lại giấy kia. Khi đủ rồi thì lại nói chưa được. Nói thật, nếu tôi chỉ ít tiền chắc chắn sẽ xong ngay. Ngay ở cơ quan tôi, có cậu vừa từ miền núi về, đi lo hộ khẩu chỉ vài ngày là xong hết. Như thế, chắc phải có cái mà nhà báo thường nêu, đó là cái 'đếm đấm' ».

« Ông Tráng A Pao mà còn nhọc nhằn vì hộ khẩu như vậy thì người dân thường còn khổ đến chừng nào ? », một cán bộ, trưởng Đài truyền thanh huyện Châu Thành, Đồng Tháp, công khai đặt câu hỏi trên báo Tuổi Trẻ ngày 18.5.

(xem tiếp trang 7)

## MÙA LEN TRÁU

Cuốn phim của đạo diễn **Nguyễn Võ Nghiêm Minh** (giải thưởng ở các liên hoan Locarno, Chicago, Amiens, Manaus) đang được chiếu tại nhiều rạp ở Pháp bắt đầu từ ngày 23.3.2005. Xin vào mạng [allocine.com](http://allocine.com) để xem thêm chi tiết. Đồng thời **The Buffalo Boy** đang được trình chiếu ở miền Đông Bắc Hoa Kỳ.

### Triển lãm tác phẩm của ĐẠO DROSTE

**DIESEITS JENSEITS**

(*Cõi Dương Cõi Âm*)

tranh, tượng, video, bố trí, đồ vật

từ 24.4 đến 26.6.2005

tại Fürstenbau der Festung Rosenberg, Kronach (Đức)

### Lịch trình tấu của NGUYỄN LÊ

**Tháng 6** : 3 Nantes Pannonica trio, 11 Parc Floral fest, Paris « Tiger's Tail » 4tet, 15 > 18 Tiburg festival Mundial, Netherlands Metropole Orchestra với Vince Mendoza, Hương Thanh, 21 Ministère de la Coopération, Fête de la Musique Hương Thanh, 27 Brescia, song tấu với Paolo Fresu

**Tháng 7** : 2 Waidhofen/A Hendrix, 4 > 7 Nice Workshop, 9 Torino, với Furio di Castri bigband, 11 > 12 Sunside, Paris, ELB với Peter Erskine, Michel Benita, 15 Baie-Mahault, Habitation Birmingham, Guadeloupe - *Les Nuits des Rythmes Mêlés*, Hendrix, 18 > 23 Salzburg Workshop với Peter Herbert, Jim Black, G. Garzone..., 28 Palermo, với Maria Pia de Vito band

CD mới phát hành : **Walking On The Tiger's Tail** (ACT Music 9432-2) với **Nguyễn Lê Quartet** : Nguyễn Lê (*electric & electroacoustic guitars, electronics*), Art Lande (piano), Paul McCandless (*tenor, soprano & sopranino sax, oboe, english horn, bass clarinet*), Jamey Haddad (*drums & percussions*).

Xem tin sinh hoạt cập nhật thường xuyên trên mạng :

[www.diendan.org](http://www.diendan.org)

## DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đổ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban biên tập, quản lý, kỹ thuật :

Vũ An, Trần Hữu Dũng, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong

Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh,

Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuý, Đặng Tiến, Nam Trân,

Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Văn

## Bạn đọc & Diễn Đàn

### Gửi Diễn Đàn về Việt Nam ?

*Thưa quý Anh Chị, gửi biểu báo Diễn Đàn cho bạn ở Việt Nam, có khó khăn cho họ hay không ? Tôi phân vân lắm.*

V. Đ. (Torcy, Pháp)

▶▶ Theo chúng tôi biết, tuy không có một văn bản chính thức nào cấm đoán, các số báo Diễn Đàn gửi qua bưu điện tới tư nhân ở Việt Nam đều bị công an "bảo vệ văn hoá" ngăn chặn, người nhận (đúng hơn, người không được nhận) có khi được mời tới để thị uy. Cách đây vài năm, một bạn đọc mang Diễn Đàn về nước tặng bạn bè đã bị công an làm khó dễ nhiều ngày. Trên mạng internet, tuy Diễn Đàn không chính thức bị "tường lửa" ngăn chặn, nhưng bạn đọc nhiều nơi ở trong nước không truy cập được, chắc vì do rào cản ở các trạm trung chuyển ISP. Những rào cản này, người nào rành tin học, hoặc được chỉ dẫn cặn kẽ, có thể vượt qua tương đối dễ dàng. Từ đầu năm đến nay, số bạn đọc qua mạng ở Việt Nam xấp xỉ với số bạn đọc ở Hoa Kỳ và số bạn đọc ở Pháp.

Vì vậy, hiện nay, chúng tôi đề nghị với bạn đọc không gửi báo về Việt Nam, mà giới thiệu với bè bạn trong nước trạm [www.diendan.org](http://www.diendan.org) của Diễn Đàn để họ đọc báo qua internet. Độc giả nào muốn vượt "tường lửa" có thể viết thư điện tử về [diendan@diendan.org](mailto:diendan@diendan.org) để được chỉ dẫn.

### Làm sao mua bản dịch Kant ?

*Qua Diễn Đàn và mạng internet, tôi được biết bản dịch Immanuel Kant (Phê phán lý tính thuần túy) của Bùi Văn Nam Sơn là một công trình giá trị. Tôi có nhờ bà con ở nhà mua hộ nhưng họ tìm không ra. Xin quý báo vui lòng cho biết có thể mua cuốn này ở đâu ?*

Nguyễn H. K.. (Paris, Pháp)

▶▶ Theo chúng tôi biết, cuốn này đã tuyệt bản và hiện đang được nhà xuất bản Văn học tái bản. Tuy nhiên, ở châu Âu, còn khoảng 10 bản, ông có thể liên lạc với ông TRẦN, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG (Cộng hoà Liên bang Đức) để đặt mua (giá bán + cước phí : 35 €).

## Tin buồn

Được tin

**Anh Phạm Tư Mạnh**

đã từ trần ngày 5-5-2005 tại Paris, hưởng thọ 73 tuổi. Lễ an táng đã cử hành ngày 11-5 nghĩa trang L'Orme à moineaux (Les Ulis).

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng chị Phạm Tư Thanh Thiện, anh Nguyễn Ngọc Giao và toàn thể gia đình.

## Giới thiệu sách mới



**Nguyễn Thị Ngọc Hải**  
**Tôi chết bắt đầu một thế giới sống**  
**Phạm Xuân Ân, tên người như cuộc đời**

Nhà xuất bản Công an Nhân dân, 2004, 376 trang.

Cuốn sách này gồm hai tác phẩm độc lập : 1° *Tôi chết bắt đầu một thế giới*

*sống* là truyện bác sĩ Trần Văn Bản đã chiến đấu ở Củ Chi, sau 1975 đi tìm hài cốt đồng đội và giúp tìm cả quân nhân Mỹ mất tích ; 2° *Phạm Xuân Ân tên người như cuộc đời* hé mở một vài "bí ẩn" của một nhà tình báo lỗi lạc hàng đầu của thế kỉ 20. Điều làm suy ngẫm nhất ở thiếu tướng Trần Văn Trung (tên ông) có lẽ không phải là bản lĩnh và tinh anh của ông, mà chính là con người, là sự ứng xử đầy nhân nghĩa đối với từng cá nhân đối phương mà ông chung đụng suốt 20 năm trời. Độc giả ở Mỹ khó tìm cuốn sách này có thể đọc tạm bài báo khá hay của ký giả Mỹ Thomas A. Bass *The Spy who loved us* (The New Yorker, 23.05.05, tr 56-67) khai thác khá nhiều tác phẩm của Nguyễn Thị Ngọc Hải.



**V. S. Naipaul**

**Khúc quanh của dòng sông**

tiểu thuyết, bản dịch của Cao Việt Dũng, Nxb. Lao Động, 2004, 422 tr.

Đây là bản dịch từ nguyên tác tiếng Anh *A Bend in the River*, cuốn tiểu thuyết quan trọng của nhà văn Anh gốc Ấn Độ, giải Nobel văn chương

2001. Một cuộc giải phẫu tài tình "phơi bày những ung nhọt, từ những vết thương lâu năm khó lành lẫn những vết thương mới của một Châu Phi già nua mà ngây thơ, đã giành được độc lập nhưng vẫn còn nguyên vẹn mặc cảm nô lệ, tự ti và thấp kém. Lẫn trong sự miêu tả tinh vi, thấu đáo là một niềm thương cảm kín đáo, một day dứt cho số phận của châu lục đang trong giai đoạn bế tắc". Dịch giả là một sinh viên trẻ, học sinh Ecole Normale Supérieure, đã dịch Milan Kundera, Michel Houellebecq.

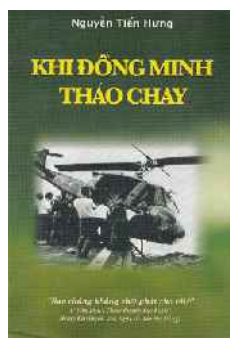
**Nguyễn Tiến Hưng**

**Khi đồng minh tháo chạy**

Cơ sở xuất bản Hứa Chấn Minh 2005, 706 trang

[www.khidongminhthaochay.com](http://www.khidongminhthaochay.com)

Tác giả đã từng làm phụ tá cho Nguyễn Văn Thiệu, tổng trưởng kinh tế của chính quyền Sài Gòn. Tựa sách (xem tiếp trang 22)



## Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên : .....

Địa chỉ : .....

Email : .....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng ..... (số ..... )

Kèm theo đây là ngân phiếu : ..... €

*Giá mua 1 năm báo (11 số)*

Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €

Châu Âu ngoài Pháp : 45 €

Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4 416 14 W PARIS-DIENDAN (nhưng xin báo cho toà soạn tên và địa chỉ).

**Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp Âu châu UE : có thể chuyển số tiền 45 € vào trương mục của DIENDAN FORUM, số IBAN (International Bank Account Number) đầy đủ là : FR 90 30041 00001 0441614W02076 Bank Identifier Code : PSSTFRPPPAR

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông Trần, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15\$ US, xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về toà soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank : SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE, số ngân hàng và tài khoản : 15 1050 1285 1000 0022 5595 5185.

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70\$ CND đề tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50\$ US đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

**Úc và các nước khác** : xin gửi 50 € bằng *money order* đề tên Diễn Đàn về địa chỉ toà soạn :

DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)

FAX : 33 1 43 68 91 44 (quốc tế), 01 43 68 91 44 (Pháp)

Email : [diendan@diendan.org](mailto:diendan@diendan.org)

Địa chỉ mạng : [www.diendan.org](http://www.diendan.org)

# Những tai nạn hạt nhân

Đặng Đình Cung  
Kỹ sư tư vấn

LTS. Báo điện tử *Tiền Phong*, thứ bảy 7/5/05, dẫn lời ông Vương Hữu Tấn, viện trưởng viện Năng lượng Nguyên tử, xác định lại thông tin theo đó “ nhà máy điện hạt nhân đầu tiên tại Việt Nam sẽ đi vào hoạt động trong khoảng thời gian từ 2017 - 2020 với công suất từ 2000 - 4000 MW ”.

Ông Tấn khẳng định các loại lò phản ứng « nước -nước » (bao gồm : lò nước áp lực (PWR), lò nước sôi (BWR) và CANDU) mà VN sẽ chọn lựa « có độ an toàn rất cao ». Điều đó chắc không phải không có cơ sở, nếu chỉ nói về kỹ thuật. Nhưng... vâng, nhưng vấn đề không chỉ là lò, mà là người. Diễn đàn số trước đã đưa tin về hiện tượng (phổ biến!) các công trình bị « rút ruột ». Gần đây hơn, theo **Lao Động** 18.5.2005, chỉ 3 ngày sau khi chính thức thông xe trên cầu Bình – cây cầu dây văng vào loại đẹp nhất Đông Nam Á, niềm tự hào của thành phố cảng Hải Phòng – hơn 1.000 êcu thép trên cầu đã bị tháo mất. Một tuần trước đó, ở Hà Tây, kẻ gian đã tháo mất hơn 70 thanh giằng trên cầu Xuân Mai... Chúng ta có thể tưởng tượng nếu những vụ việc đó xảy ra cho nhà máy nguyên tử, hậu quả sẽ ra sao ? và sẽ có chăng một đội ngũ điều hành, bảo trì và cấp cứu đủ tiêu chuẩn ? câu hỏi không thừa sau kinh nghiệm của Nga và Nhật.

Bài viết dưới đây so sánh các điều kiện đã xảy ra những tai nạn hạt nhân trên thế giới, cho thấy vấn đề không chỉ là kỹ thuật !

Ngày 4 tháng chín 2004, ở nhà máy nhiệt điện Mihama, Nhật-bản, xảy ra một biến cố nghiêm trọng : một ống hơi siêu nhiệt ở máy số 3 nổ làm thiệt mạng bốn người.

Về mặt kỹ thuật, đây là một tai nạn không có liên quan gì đến năng lượng hạt nhân. Một nhà máy điện hạt nhân có ba mạch : mạch thứ nhất tải nhiệt từ lò phản ứng đến một bộ chuyển nhiệt, mạch thứ nhì tải hơi nước từ bộ chuyển nhiệt đó đến tua bin và mạch thứ ba làm động hơi nước của mạch thứ nhì. Mạch thứ nhất dùng để ngăn những chất trong lò phản ứng hạt nhân không liên lạc trực tiếp với hai mạch thứ nhì và thứ ba và, như vậy gia tăng an toàn của nhà máy. Ống hơi của nhà máy Mihama nổ là một ống hơi của mạch thứ nhì.

Với những tiến bộ của ngành luyện kim những tai nạn đó trở nên hiếm nhưng vẫn có khả năng xảy ra trong một nhà máy nhiệt điện, một nhà máy hóa học hay ở mọi nơi cần đến hơi nước siêu nhiệt. Có nhiều trường hợp ống dẫn hơi siêu nhiệt của hệ thống sưởi công cộng nổ, kể cả ngay giữa tỉnh Paris. Ống dẫn hơi nhà máy Mihama nổ là một tai nạn cổ điển đáng tiếc ngẫu nhiên xảy ra trong một nhà máy điện hạt nhân. Nói như vậy không có nghĩa là phủ nhận những tai nạn thuần túy hạt

nhân. Từ năm 1942, khi lò phản ứng hạt nhân đầu tiên phân tỏa tại Chicago, hơn sáu chục năm đã trôi qua và nhiều tai nạn hạt nhân đã xảy ra làm nhân loại sống trong lo âu.

Để đóng góp vào thảo luận về vấn đề này chúng tôi xin trình bày và phân tích diễn tiến của ba tai nạn điển hình và trầm trọng nhất của ngành năng lượng hạt nhân.

## Three Mile Island

Ngày 28 tháng ba 1979, nước làm nguội chảy ra khỏi lò phản ứng hạt nhân số 2 nhà máy điện Three Mile Island, huyện Middletown, tiểu bang Pennsylvania, Hoa-kỳ, làm cho thùng lò bị nguy cơ nấu chảy. Thống đốc tiểu bang Pennsylvania thận trọng ra lệnh di tản phụ nữ có thai và trẻ em chưa tới tuổi đi học, sống trong vòng 5 dặm (9 km) xung quanh nhà máy có tai nạn. Rất may không có tử vong mà cũng không có thương vong.

Tai nạn khởi đầu ở mạch thứ nhì của nhà máy. Khi mạch đó bị cháy mất nước làm nguội thì những máy bơm mạch thứ nhất tự động ngưng để tránh làm hỏng bộ chuyển nhiệt giữa mạch thứ nhì và mạch thứ nhất. Vì mạch thứ nhất không tải nhiệt ra ngoài lò phản ứng, nhiệt độ trong lò tăng cao, nước trong lò bốc hơi và không tải ra ngoài nhiệt của những thanh nhiên liệu. Thùng lò phản ứng có nguy cơ bị nấu chảy làm cho những chất phóng xạ chảy thấm vào lòng đất. Đây là tình huống nguy kịch nhất mà các chuyên gia về năng lượng hạt nhân có thể tưởng tượng được : hiện tượng "Chinese syndrome"<sup>[1]</sup>.

Nhiệt độ hơi nước tăng làm những phân tử nước phân tách thành khí hydro và oxy. Hai khí này pha trộn như vậy có khả năng nổ. Với khối lượng hỗn hợp khí chứa trong lò phản ứng nếu nổ thì sẽ có sức tàn phá tương đương với 300 tấn chất nổ TNT.

Để làm giảm nhiệt và để tránh cho hai sự cố đó xảy ra, nhân viên cấp cứu khẩn tốc cho chạy những máy bơm của mạch thứ nhất. Nhờ thế, sau một thời gian lo lắng, nhiệt độ trong lò phản ứng giảm và dây chuyển phản ứng trở về trạng thái ổn định. Giai đoạn này suýt nữa dẫn tới một tai biến tương tự như thảm họa Tchernobyl mà chúng tôi sẽ kể trong phần sau.

Ngay khi tai nạn xảy ra nhân viên điều hành nhà máy đã khẩn tốc báo động để được cấp cứu. Khi khí hydro và oxy đọng trong lò phản ứng, nhân viên cấp cứu hiểu ngay rằng cần phải làm nguội lò và khởi động ngay những máy bơm mạch thứ nhất đã tự động tắt.

Vì hiện tượng Chinese syndrom là một tình huống đã được rà xét trước nên những biện pháp đối phó đã được bố trí ngay từ khi thiết kế nhà máy. Khi lò phản ứng bị nấu chảy thì những chất chứa trong lò sẽ ở nhiệt độ cao làm cho nền móng nhà máy bị nấu chảy. Lò phản ứng lún xuống lòng đất mang theo những chất phóng xạ chứa trong lò. Như thế những chất phóng xạ sẽ bị giam trong lòng đất và không tỏa ra ngoài làm nguy hại đến sức khỏe dân chúng địa phương. Địa điểm nhà máy đã được chọn để nước ngầm không chuyển những chất phóng xạ đó đi nơi khác.

Trong khi tai nạn xảy ra, một chút khí phóng xạ thoát



ra khỏi nhà máy. Nhưng vì nhà máy đã được thiết kế trước để khi khí phóng xạ thoát ra ngoài thì sẽ được phun lên cao để tỏa trên một diện tích lớn và, như thế, sẽ không làm nguy hại đến dân chúng địa phương. Trong tiến trình tai nạn một chút khí phóng xạ đã được thổi lên cao như đã dự đoán. Quả nhiên, sau vài ngày hoạt tính xung quanh nhà máy có gia tăng, nhưng vẫn ở xa dưới mức an toàn. Cho tới nay người ta không ghi nhận một việc gì đáng lo ngại cả.

### Tchernobyl

Đêm 26 tháng tư 1986, lò phản ứng hạt nhân số 4, nhà máy điện Tchernobyl, Liên Xô (bây giờ thuộc Ukraina), nổ và bốc cháy. Tai nạn làm 31 người chết vì bị đốt cháy hay bị trực tiếp nhiễm xạ, 135.000 người phải di tản, ít nhất 800.000 người hấp thụ những chất phóng xạ, ba triệu tera becquerel phóng xạ bị phun ra ngoài khí quyển và rơi trên hầu hết lãnh thổ Châu Âu. Thêm vào đó, một vạn kilô mét vuông được biến thành một cấm địa vô hạn định. Chưa ai ước lượng được tổng số tử vong gián tiếp của tai nạn này. Đây là thảm họa hạt nhân lớn nhất trong lịch sử loài người.

Trước ngày xảy ra tai nạn, một số thiết bị an toàn tự động bị nhân viên điều hành cố ý tắt đi. Ngày 26, một nhân viên không thạo nghề tự ý thực hiện một thí nghiệm. Bỗng nhiên mức nước làm nguội lò phản ứng giảm xuống làm cho công suất lò gia tăng. Người điều khiển nhà máy tắt lò. Nhưng những phản ứng hạt nhân thặng dư tiếp tục phát ra năng lượng làm cho nước trong lò bốc hơi. Áp suất của hơi nước làm nổ lò phản ứng. Vì lò không có vỏ ngăn chặn bảo vệ, những chất phân hạch tung ra khí quyển. Sau đó, nhiệt độ trong lò gia tăng và, như vậy, dây chuyền phản ứng tăng trưởng làm cho nhiệt độ lại gia tăng hơn. Những phân tử hơi nước trong lò bị phân tách thành một hỗn hợp khí hydro và oxy. Hỗn hợp này gây ra những sự nổ tiếp sau. Vì vỏ lò đã bị phá hủy, không khí bên ngoài xô vào làm cho vật điều tiết bằng than chì bốc cháy.

Gần một ngày sau thì chính quyền trung ương can thiệp. 5.000 tấn boron và dolomit<sup>[liii]</sup> được đổ từ trên trời xuống nhà máy để dập tắt dây chuyền phản ứng hạt nhân và đám cháy. Ngày 28, hai ngày sau tai nạn, dân địa phương được lệnh di tản. Khi dây chuyền phản ứng và đám cháy được dẹp tắt, một khối lượng bê tông rất lớn được đổ trên đơn vị bị nạn để kiểm chế những chất phân hạch phóng xạ không cho chúng tiếp tục tỏa ra khí quyển.

Trên phương diện kỹ thuật sự cố Tchernobyl rất là đơn giản: tất cả những nhân tố có thể tưởng tượng được để gây nên một thảm họa đều hội tụ. Và tai nạn « phải đến » đã đến.

Kỹ sư Grigori Medvedev là phó giám đốc xây dựng những nhà máy hạt nhân của Liên Xô. Sau biến cố Tchernobyl, ông phân tích trong một cuốn sách những tình tiết việc lấy quyết định xây những nhà máy hạt nhân tại Liên Xô và những quyết định của những nhà cầm quyền khi được tin có tai nạn ở Tchernobyl<sup>[liii]</sup>. Chúng tôi xin tóm lược sau đây.

- Nhà máy điện hạt nhân Tchernobyl là một tập thể bốn lò phản ứng RBMK. Đây là một loại lò phản ứng dùng than chì làm vật điều tiết và nước làm chất lưu chuyển nhiệt. Những chuyên gia Liên Xô nêu rằng loại lò này điều hành không ổn định. Nhưng ý kiến của họ bị gạt bỏ và họ được lệnh xây nhà máy với những lò thuộc loại RBMK bất chấp an toàn của dân chúng<sup>[liv]</sup>.

- Những người điều khiển nhà máy không được đào tạo quy củ. Họ vô trách nhiệm đến nỗi tắt những thiết bị bảo vệ an toàn để tự do làm những gì họ muốn mà không phải báo cáo lên cấp trên. Khi tai nạn xảy ra, họ tìm cách giấu giếm lỗi lầm của họ bằng cách xử lý một mình thay vì cầu viện ngay. Trong một thời gian họ đã dối trá rằng tai nạn đã được kiểm chế.

- Khi những lãnh đạo ở Mạc Tư Khoa nhận được hung tin thì phản ứng đầu tiên của họ là cấm không cho di tản dân chúng địa phương để không làm mất uy tín của ngành năng lượng hạt nhân Liên Xô. Họ chần chừ tới hơn một ngày trước khi ra lệnh di dân và gửi lực lượng cứu viện.

### Tokaimura

Ngày 30 tháng chín 1999 xảy ra một phản ứng dây chuyền quá hạn tại nhà máy sản xuất nhiên liệu hạt nhân JCO, một chi nhánh tập đoàn Sumitomo Metals and Mining, ở Tokaimura, hạt Ibaraki, Nhật Bản. Tổng cộng 63 người bị nhiễm xạ trực tiếp hay gián tiếp, trong số đó hai người chết vài tháng sau. Những gia đình gần nhà máy được di tản tạm thời và 300.000 người bị quản thúc trong hơn một ngày.

Tokaimura là một cơ sở sản xuất nhiên liệu hạt nhân chứ không phải là một nhà máy điện như Three Mile Island và Tchernobyl. Tai nạn xảy ra khi ba công nhân đổ một dung dịch uranil nitrat vào một thùng kết tủa. Vì thùng chứa đến 16,6 kg uranium, nhiều hơn lượng quá hạn, phản ứng dây chuyền tự nhiên khởi động. Sau đó, vì thùng không có hệ thống dập tắt dây chuyền phản ứng, phản ứng dây chuyền duy trì trong 17 đến 20 giờ. Trong mấy ngày liên tiếp hệ thống quạt thổi không khí nhiễm chất phóng xạ từ nhà xưởng tỏa sang làng Tokaimura lân cận.

Hai tuần sau tai nạn thủ tướng Keizo Obuchi đến ăn tối ở Tokaimura<sup>[lv]</sup>. Thực đơn gồm có dưa và rau hái từ một vườn cách nơi xảy ra tai nạn non 700 mét, cơm thổi bằng gạo địa phương và cá ngừ câu ở bờ biển gần đó. Ngài thủ tướng tuyên bố với các đài truyền hình ngài đã ăn một bữa cơm tuyệt vời.

Cũng như Tchernobyl, người ta không hiểu tại sao tai nạn Tokaimura không xảy ra sớm hơn.

Sau tai nạn, một ủy ban điều tra nhận thấy rằng lãnh đạo cơ sở Tokaimura đã cho phép dùng thùng kết tủa gây ra tai nạn mặc dù, trên nguyên tắc, thùng đó không được thiết kế để chứa uranil nitrat, tình trạng này đã kéo dài từ bảy tám năm trước nhưng cho tới ngày xảy ra tai nạn thì chưa có ai báo tình trạng không chuẩn này, và ba công nhân gây ra tai nạn làm việc đó lần đầu tiên và chưa được huấn luyện để làm việc đó, họ mặc áo thun thay vì áo bảo hộ quy định và không mang phim đo độ

nhiệm xạ.

Điều đáng sợ là những tai nạn tương tự, mặc dù không nghiêm trọng như vậy, thường xuyên xảy ra ở những cơ sở công nghiệp, hạt nhân hay không, của Nhật Bản. Sau mỗi tai nạn, một ủy ban điều tra khám phá ra những thiếu sót về thiết kế, điều hành an toàn và đào tạo nhân viên, lãnh đạo xí nghiệp công khai xin lỗi gia đình các nạn nhân và dân chúng địa phương, còn chính phủ Nhật thì ra lệnh rà xét và điều chỉnh những cơ sở tương tự.

Sau một thời gian ngăn những xí nghiệp lại ngưng thi hành lệnh rà xét và cải tạo những quy trình, thiết bị và nhân viên sản xuất. Họ lại vi phạm đại trà những quy định về an toàn. Công chức thanh tra Nhà Nước tiếp tục làm ngơ. Tai nạn Mihama gần đây là một bản kịch tương tự.

### Kết luận

Khi phân tích những tai nạn trên chúng ta nhận thấy tai nạn Tchernobyl và Tokaimura có bốn điểm giống nhau :

- thiết bị và quy trình sản xuất không được thiết kế để bảo đảm an toàn,
- nhân viên điều hành không được đào tạo để có khả năng làm những việc đã được giao phó,
- trước và sau khi tai nạn xảy ra nhân viên điều hành cũng như lãnh đạo Nhà Nước cố ý làm trái những quy định về an toàn,
- nhân viên cấp cứu không được huấn luyện, thiết bị không được bố trí và quy trình cấp cứu không được dự trù sẵn để đối phó một tai nạn.

Tại Three Mile Island

- nhà máy được thiết kế đúng theo những tiêu chuẩn an toàn thời đó,
- nhân viên điều hành được đào tạo để có đủ năng lực nghiệp vụ và được luyện tập lại thường xuyên,
- khi xảy ra tai nạn, mọi người đều biết sẵn những gì phải làm và có sẵn những dụng cụ cần thiết để thiết hại không tràn lan,
- và chính quyền địa phương đã lo ngay đến sự an toàn của dân chúng.

Có người nói rằng nếu Three Mile Island không trở nên một thảm họa là nhờ họ may mắn<sup>[vi]</sup>. Rất có thể hỗn hợp khí hydro và oxy nổ làm nổ lò phản ứng như ở Tchernobyl bảy năm sau. Nhưng vỏ ngăn chặn bảo vệ đã được thiết kế để không bị phá hủy khi lò phản ứng nổ và giữ những chất phóng xạ trong khối lượng vỏ ngăn chặn bảo vệ. Thêm vào đó, nhân viên điều khiển lò đã mau chóng khởi động những máy bơm của mạch thứ nhất để làm nguội lò phản ứng và kết tụ hỗn hợp hydro và oxy thành nước trở lại.

Nhà máy Three Mile Island đã không nổ và không ai muốn sự cố đó tái diễn để có cơ sở cụ thể để tranh cãi<sup>[vii]</sup>.

Khi xảy ra tai nạn Tchernobyl, nhà cầm quyền Pháp tuyên bố rằng một tai nạn như vậy sẽ không bao giờ xảy ra trên lãnh thổ Pháp. Rất có thể lời nó đó biểu lộ sự

thiếu khiêm tốn của người Pháp nhưng cũng có ít nhiều cơ sở.

Một cơ sở công nghiệp dù là cơ sở hạt nhân hay không chắc chắn cũng có rủi ro tai nạn. Vấn đề là rủi ro đó có thể chấp nhận được hay không. Vì một tai nạn hạt nhân sẽ ảnh hưởng đến hẳn một địa phương, nếu không nói đến một nước, những người quyết định chấp nhận rủi ro tai nạn đó phải là dân địa phương đó hay nước đó. Một cá nhân hay một nhóm cá nhân, dù giỏi về khoa học đến đâu, cũng không có quyền quyết định thay thế được cho những người sẽ chịu rủi ro.

Một khi đã quyết định xây một cơ sở công nghiệp thì phải giao việc thiết kế, xây dựng và điều hành cho những người có khả năng kỹ thuật, có tinh thần trách nhiệm đối với cấp trên cũng như đối với dân và có tự do nêu lên những khó khăn, sai lầm và rủi ro của dự án. Nhưng để dân có thể kiểm soát và sử dụng quyền quyết định cuối cùng thì những nhà khoa học và chính trị phải có khả năng và can đảm giải thích những chọn lựa kỹ thuật, những ưu điểm, khuyết điểm và mức độ hiểm nguy của dự án.

Mọi việc đó phải được quy định rõ rệt từ quy trình quyết định trên nguyên tắc đến các quy trình thực hiện thiết kế, xây dựng và điều hành cơ sở. Nhiều khi những nhà đầu tư cố ý không tôn trọng những quy định đó để tiết kiệm tiền và gia tăng lợi nhuận. Vì thế phải có một cơ quan độc lập, có khả năng kỹ thuật, thường xuyên kiểm tra việc thừa hành nghiêm chỉnh những quy định đó.

Nước Pháp và những nước công nghiệp dân chủ khác có môi trường chính trị và kỹ thuật để hội đủ ba điều trên. Nhờ thế mà rủi ro hạt nhân được dân chúng chấp nhận và xác suất tai nạn hạt nhân được tối thiểu hóa.

### Đặng Đình Cung

[i] Chúng tôi không biết tại sao họ gọi hiện tượng này như vậy.

[ii] Boron có tác dụng hấp thụ neutron và, như thế, làm tắt dây chuyền phản ứng. Chất này thường dùng để điều khiển một lò phản ứng hạt nhân. Còn dolomit dùng để làm tắt lửa những đám cháy cơ sở công nghiệp.

[iii] Bản dịch tiếng Pháp là *La Vérité sur Tchernobyl*, do Albin Michel xuất bản năm 1990. Chúng tôi được biết có bản dịch sang tiếng Anh.

[iv] Những lò của các nước Tây Âu thuộc loại PWR an toàn hơn vì nếu lò phản ứng mất nước làm nguội và nhiệt độ gia tăng thì dây chuyền phản ứng sẽ giảm cho tới khi tắt. Những lò RBMK ngược lại nếu nhiệt độ trong lò phản ứng gia tăng thì dây chuyền phản ứng sẽ duy trì hay tăng trưởng.

[v] Times [October 18, 1999 Vol. 154 No. 15](#).

[vi] Có người nói rằng người Mỹ đã cầu nguyện Đức Chúa một cách nhiệt tâm nên mới thoát nạn như vậy.

[vii] Những đơn vị sản xuất ở Tchernobyl không có vỏ ngăn chặn bảo vệ. Ví thế sau tai nạn phải đổ bê tông lên đơn vị bị nạn để tránh những chất phân hạch phóng xạ tiếp tục ô nhiễm khí quyển. Vỏ bê tông đó gọi là quan tài !

# Tin Tức - Tin Tức Tin Tức - Tin Tức Tin Tức - Tin Tức

## Hộ khẩu, bỏ hay không bỏ ? (tiếp theo trang 1)

Sửa đổi bộ luật dân sự năm 1995, bản dự thảo qui định ở điều 48 : « Cá nhân có quyền tự do đi lại, tự do cư trú ». Như vậy, luật dân sự không chấp nhận việc hạn chế quyền cư trú của người dân, đúng như điều 86 của bản Hiến pháp đã khẳng định. Song, theo bà Nguyễn Thị Kim Thoa (đại biểu Bình Dương), dù được thông qua, điều 48 nói trên sẽ khó lòng được tôn trọng nếu đồng thời chính quyền tiếp tục quản lý dân bằng hộ khẩu : « Nếu chúng ta khẳng định quyền tự do cư trú, tự do đi đi lại lại thì phải thay đổi cách quản lý con người bằng hộ khẩu. Chúng ta phải thừa nhận rằng việc quản lý hộ khẩu hiện nay không còn thích hợp với sự phát triển của đất nước ». Bà Thoa kiến nghị chính quyền chỉ cần quản lý dân bằng chứng minh thư nhân dân : « Người dân đã có chứng minh thư thì có thể giải quyết được tất cả mọi vấn đề liên quan đến nhân thân ở bất kỳ đâu. Chúng ta làm luật là để làm thế nào giải quyết những bức xúc của dân, vì vậy trong luật này phải có một điều hoặc qui định nào đó về quyền tự do cư trú và vấn đề hộ khẩu để các địa phương cùng áp dụng cho dân đỡ khổ ».

Nhiều đại biểu khác cũng đồng ý với bà Thoa. Ngay trong buổi thảo luận về luật giáo dục, có đại biểu cũng nêu lại vấn đề hộ khẩu : *những người không có hộ khẩu thường trú thì không có quyền bình đẳng về giáo dục, cha mẹ di chuyển chỗ ở, con cái theo bố mẹ, nếu không có hộ khẩu phải học dân lập, trái với quyền bình đẳng trong cơ hội học tập của công dân, như được ghi trong điều 10, luật giáo dục.*

Ngay cả ông Phạm Chuyên, giám đốc công an Hà Nội, trong bài trả lời phỏng vấn của báo VnExpress (ngày 11.5) cũng công nhận số hộ khẩu « trên thực tế đã không có tác dụng, bất lực hoàn toàn. Cuối cùng lại tạo ra thêm vô số những phiền hà, bức xúc cho người dân ». Tuy nhiên, tại diễn đàn quốc hội, ông yêu cầu « cần một lộ trình để tiến tới việc bỏ hộ khẩu », bởi vì cách quản lý mới phải được nghiên cứu để không gây « xáo trộn đáng tiếc ».

Còn một loại ý kiến khác, như của bộ trưởng tư pháp Ưng Chu Lưu, đề nghị giữ hộ khẩu như một thủ tục hành chính, nhưng sẽ không dính líu đến các quyền sở hữu, quyền học hành hay quyền sinh sống của người dân nữa. Vụ trưởng bộ tư pháp, ông Trần Thất, triển khai như sau : « Cần bóc tách ra, hộ khẩu đơn thuần chỉ quản lý về mặt cư trú. Không ngành nào được biến hộ khẩu thành điều kiện quản lý trong lĩnh vực của mình nữa. Khi hộ khẩu không còn gắn với quyền lợi dân sự nào nữa thì công an khu vực hết có mà hạch sách, vòi vĩnh. Về lâu dài có thể gộp chung hộ khẩu, hộ tịch, chứng minh nhân dân vào một ».

Ngày 19.5, quốc hội đã thông qua dự thảo bộ luật dân sự với những qui định mới về đủ loại vấn đề (hụi - họ,

quyền xác định lại giới tính ; quyền cá nhân đối với hình ảnh ; sự không phân biệt con có giá thú hay con ngoài giá thú...), nhưng vẫn để ngỏ vấn đề hộ khẩu.

Trong khi chờ đợi, bộ công an vừa thông báo mở đợt « tổng xác minh hộ khẩu », yêu cầu « các trường hợp đi vắng qua đêm phải khai báo tạm vắng » và những ai muốn đăng ký tạm trú thì phải xuất trình giấy khai báo tạm vắng đó !

Như vậy là bỏ hay không bỏ hộ khẩu ? Nếu đúng như điều 48 của bộ luật mới (có giá trị từ ngày 1.1.2006), người dân « có quyền tự do đi lại, tự do cư trú » thay vì chỉ có quyền cư trú « theo quy định của luật pháp », nghị định 51 về quản lý hộ khẩu đương nhiên vi phạm luật, và phải bãi bỏ. Và thực ra, nếu xem xét một cách độc lập sự tuân thủ Hiến pháp của các đạo luật, cái chuyện dùng luật pháp để hạn chế các quyền cơ bản của người dân đã được ghi trong Hiến pháp rõ ràng là vi hiến. Song, khi người ban hành luật và người nắm quyền giải thích và áp dụng luật... là một, chỉ thực tiễn trong thời gian tới mới có thể trả lời là yêu cầu bức xúc của người dân (và cả của rất nhiều người trong bộ máy, như trên cho thấy) về việc bãi bỏ chế độ quản lý lạc hậu này đã được đáp ứng hay chưa. Việc « cần một lộ trình » là có thể hiểu được. Nhưng, kỳ họp QH sắp hết, báo chí rất có thể... đồng loạt quên đi vấn đề vừa mới được nêu ra, ai sẽ là người nhắc chính phủ, nhắc bộ Công an sớm đưa ra cái lộ trình ấy ?

(D. Đ., viết theo tin các báo Tuổi Trẻ, Thanh Niên, Lao Động, VietnamNet v.v., từ 6 đến 20.5.2005)

## Từ năm 2006 bỏ thi tốt nghiệp THCS

Chiều 20.5, Quốc hội đã bỏ phiếu thông qua Luật giáo dục (sửa đổi), có hiệu lực thi hành từ năm 2006. Theo luật này, học sinh học hết chương trình trung học cơ sở (THCS), tức hết lớp 9, có đủ điều kiện quy định, sẽ được trường phòng giáo dục quận, huyện cấp bằng tốt nghiệp. Kỳ thi tốt nghiệp THCS ngày 25-26.5 vừa qua, với hơn 1,5 triệu thí sinh, là kỳ thi cuối cùng được tổ chức cho bậc học này.

Trong khi vấn đề bỏ thi tốt nghiệp THCS được đa số đại biểu tán thành thì trước giờ biểu quyết, cuộc tranh cãi về tên gọi các bậc học vẫn chưa ngã ngũ. Theo kết quả phiếu xin ý kiến đại biểu, có 45,48 % đại biểu tán thành phương án giữ nguyên 3 cấp, tiểu học, THCS, THPT. Trong khi, 43,9 % lại cho rằng nên đổi thành cấp 1, 2, 3. Với lý lẽ tên gọi tiểu học, THCS, THPT đang dần đi vào cuộc sống và phù hợp với câu chữ trong Hiến pháp, Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị phương án giữ nguyên tên gọi các cấp học. Quốc hội đã biểu quyết tán thành phương án trên.

Tuy nhiên, điểm mới trong dự án Luật sửa đổi là quy định « một chương trình thống nhất sẽ có nhiều bộ sách giáo khoa » đã không được Quốc hội thông qua, dù được Ủy ban thường vụ Quốc hội ủng hộ.

Diễn Đàn sẽ trở lại đạo luật này trong một số tới khi nó được công bố. Nhưng có thể nói ngay, như báo chí trong nước phản ánh, đạo luật chưa làm cho người dân yên tâm về khả năng định hướng tích cực của nó trong nỗ lực chấn hưng một lĩnh vực thiết yếu của quốc gia...

Cuối buổi chiều ngày 20.5, Quốc hội đã thông qua Luật quốc phòng. Buổi sáng, Luật thương mại (sửa đổi) và Luật kiểm toán cũng đã được thông qua. Dự kiến, cho tới ngày bế mạc (15.6), tất cả có 11 đạo luật sẽ được thông qua (ngoài các luật nói trên, còn có luật hàng hải, luật hải quan (sửa đổi), luật phòng chống tham nhũng...) và 12 dự luật khác được QH thảo luận nhưng chưa biểu quyết thông qua.

### **Cắt điện luân phiên toàn miền Bắc**

*“ Nếu tình hình nắng nóng tiếp tục kéo dài, nước tiếp tục về thấp thì Tổng công ty Điện lực VN (EVN) sẽ phải tiết giảm khoảng 6-7 triệu kWh điện mỗi ngày ”* - tổng giám đốc EVN Đào Văn Hưng nói trong cuộc họp báo "khẩn" của ngành điện chiều ngày 20.5.

Ông Hưng nhìn nhận : *“ Sẽ phải cắt điện "san tải" trên diện rộng ở tất cả địa phương miền Bắc, kể cả Hà Nội ”*. Theo kế hoạch, việc cắt giảm sẽ được bắt đầu từ điện dành cho sinh hoạt, chiếu sáng công cộng và một số dịch vụ khác [và đã bắt đầu được thực hiện ngay sau đó !]. Việc cắt điện cũng kéo theo tình trạng mất nước sinh hoạt trầm trọng ở nhiều khu tập thể như Giảng Võ, Thành Công...

Theo ông Hưng, nếu lũ tiểu mãn về hồ Hòa Bình vào cuối tháng năm như dự báo, lịch cắt điện sẽ kéo dài đến giữa tháng sáu. Còn trong trường hợp lũ chưa về hoặc về ít nước sẽ tiếp tục duy trì kế hoạch san tải. Khi số báo này lên khuôn (29.5), tin khí tượng cho biết trong khi các vùng trung du và đồng bằng bắc bộ đã có mưa nhiều, các tỉnh thượng nguồn sông Đà như Sơn La vẫn chỉ mới có mưa nhỏ, không đủ tăng mực nước trong hồ Hòa Bình.

Trong buổi họp báo, ông tổng giám đốc EVN nhấn mạnh về yêu cầu tiết kiệm điện : *“ Mỗi hộ dân trong cả nước chỉ cần tắt bớt một ngọn đèn, máy điều hòa không khí chỉ cần nâng nhiệt độ lên trên 25°C là đã có thể cứu được ngành điện qua cơn nguy khó này ”*. Tuy nhiên, gián tiếp trả lời ví dụ của ông Hưng, chỉ nói về yêu cầu tiết kiệm về phía người dân, tờ báo VnExpress viết một bài ngày hôm sau với tựa *« Tiết kiệm điện chỉ là khẩu hiệu »*, cho thấy chính các cơ quan nhà nước lại chẳng có động thái tiết kiệm nào ! Đèn được mở sáng suốt ngày, máy điều hòa chạy vô tội vạ kể cả trong giờ nghỉ... Nhưng đó mới chỉ là tiết kiệm trong tiêu dùng, còn trong xây dựng, sản xuất ?

Báo Lao Động ngày 24.5 bình luận về *« cuộc khủng hoảng được báo trước »* này, cho thấy EVN không phải không có trách nhiệm trong cơn khủng hoảng. Việc xây dựng các nhà máy nhiệt điện quá chậm so với tiến độ chẳng hạn, cũng là một nguyên nhân của cơn thiếu điện.

Giá điện tiêu dùng đã được EVN tăng lên từ đầu năm nay, tương đương với mức giá của một nước phát triển như Úc (thu nhập bình quân bằng khoảng 50 lần ở VN, theo một Việt kiều Úc viết cho VnExpress ngày 21.1.2005). Trong khi chất lượng phục vụ...

(tin tổng hợp báo chí 20-28.5.2005)

### **Hơn 10.000 công nhân Cty Keyhing Toys (Đà Nẵng) đình công phản đối chủ ngược đãi**

Sáng 11.5, công ty (Cty) trách nhiệm hữu hạn Keyhing Toys (sản xuất đồ chơi trẻ em), 100 % vốn nước ngoài

(Hong Kong) tại khu công nghiệp Hoà Khánh, TP.Đà Nẵng đã ngừng hoạt động hoàn toàn.

Hơn 10.000 công nhân (CN), 90 % là nữ, tụ tập trước cổng Cty giữa trời nắng gắt, nóng trên 37°, để phản đối giới chủ. Vụ đình công quy mô lớn nhất từ trước đến nay tại Đà Nẵng là hậu quả của quá trình ngược đãi công nhân kéo dài của Cty, nhiều lần CN đã kiến nghị, đình công vẫn không được giải quyết...

Các lý do cơ bản được đại diện công nhân tố cáo với các cơ quan chức năng qua bản "yêu sách" gồm : - thời gian làm việc quá dài (12 giờ/ngày, từ 6h30 đến 20h30, nghỉ 1 tiếng giữa ca) ; - mức lương 2.500 đồng/giờ làm việc đã không tăng từ nhiều năm nay, trong khi giá cả thị trường tăng vọt, ngay cơm căngtín của Cty cũng đã tăng từ 2.500 đồng lên 3.000 đồng/phần ăn. Nếu CN gói cơm trưa theo thì phải ngồi ăn giữa trời nắng ; - quản lý hà khắc coi thường con người : CN chỉ được đi tiểu tiện khi có phiếu (70 người chung 1 phiếu) và "định mức" 2 lần/ngày, "đi" nhiều bị trừ 20.000 đồng/lần. Mỗi phân xưởng trên 1.000 CN chỉ có 1 ly uống nước. Xe đạp CN gửi trong Cty bị mất trộm thường xuyên...

Thêm vào đó, các tổ trưởng, quản đốc, trưởng ca, trưởng kíp luôn miệng chửi bới, phạt cắt lương, trừ thưởng, lập biên bản cảnh cáo tùy tiện...

Việc đình công, tụ tập hò hét của trên 10.000 CN Cty Keyhing Toys diễn ra hơn 2 giờ đồng hồ thì các cơ quan chức năng TP.Đà Nẵng có mặt, can thiệp. Trong cuộc họp chung giữa cơ quan chức năng, ban GD Cty Keyhing Toys, đại diện CN và báo giới, ông Trần Văn Hào - chánh VP UBND TP.Đà Nẵng đã "dạy dỗ" CN rằng : *« Các cháu đình công vậy là sai pháp luật, là manh động..., phải có đơn kiến nghị trình GD Cty, công đoàn, các cấp chức năng... »* ! Đại diện CN đã bác bỏ lời "dạy dỗ" này, và cho biết, trên thực tế CN đã nhiều lần làm đơn kiến nghị nhưng đều bị "thất lạc", bị bác bỏ trắng trợn. CN chỉ có thể "nói chuyện" bằng đình công !

GD sở LĐTĐ BXH Đà Nẵng - ông Nguyễn Mạnh Hùng thừa nhận : *« Việc ngược đãi, dùng những ngôn từ thiếu văn hoá để mạt sát CN tại Cty này tôi đã nghe từ lâu nay... »*. Song, ông Hùng không lý giải vì sao sở LĐTĐ BXH Đà Nẵng chưa vào cuộc, can thiệp.

Cuộc đình công kéo dài 3 ngày và chỉ chấm dứt sau khi đích thân tổng giám đốc công ty mẹ từ Hồng Kông sang Đà Nẵng để giải quyết vụ việc. Trong buổi làm việc với ông Cheng Yung Pun, tổng giám đốc Keyhing Toys, ông Hoàng Tuấn Anh, chủ tịch UBND TP Đà Nẵng, đã đề nghị công ty lưu ý giải quyết 15 kiến nghị của đại diện công nhân, chấn chỉnh đội ngũ quản lý, tăng mức lương và thông báo rộng rãi cho công nhân. Ngoài ra, công ty cần đầu tư cho công tác bảo hộ, an toàn lao động, và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tối thiểu cho công nhân. Ông Cheng Yung Pun ghi nhận những đề nghị này.

(theo tin Lao Động 12.5, VTV 15.5.2005)

### **Thủ tướng Phan Văn Khải chính thức thăm Mỹ**

Chiều 27-5, bộ Ngoại giao VN chính thức phát đi thông cáo về chuyến thăm Hoa Kỳ của thủ tướng Phan



Văn Khải theo lời mời của tổng thống Mỹ George Bush, bắt đầu từ ngày 19 đến 25-6. Người phát ngôn bộ Ngoại giao Lê Dũng cho biết : « *Chuyến thăm được thực hiện đúng dịp kỷ niệm mười năm ngày VN và Hoa Kỳ thiết lập quan hệ ngoại giao* ».

Cũng theo ông Dũng, « *Chuyến thăm Hoa Kỳ lần này của thủ tướng Phan Văn Khải là nhằm tiếp tục triển khai chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ quốc tế, trong đó có quan hệ giữa VN với Hoa Kỳ* ».

Sơ bộ chương trình chuyến đi, theo ông Dũng, bao gồm một cuộc hội đàm với tổng thống G. Bush, tiếp xúc với các quan chức của chính quyền, của quốc hội, và các nhà doanh nghiệp Mỹ. Ngoài thủ đô Washington, thủ tướng cũng sẽ tới thăm một số bang của Mỹ, tiếp xúc với quan chức chính quyền của các bang, nhưng ông Dũng không nói rõ những bang nào...

Ngoài ra, thủ tướng sẽ tiếp xúc với cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ.

Một trong những mục tiêu chính của hai bên trong chuyến thăm là tập trung hợp tác có hiệu quả hơn nữa giữa hai nước, nhất là các vấn đề về kinh tế, thương mại, khoa học kỹ thuật, công nghệ. Trong đó, hai bên sẽ tranh thủ thời gian để thỏa thuận làm sao nhanh chóng kết thúc thời gian đàm phán gia nhập WTO.

Về phần mình, đại sứ Mỹ tại Việt Nam, ông Michael Marine, trong một buổi tiếp xúc với người Việt sống ở Mỹ, cho biết ông G. Bush sẽ tham dự cuộc họp thượng đỉnh APEC (tổ chức hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương) vào năm tới tại Hà Nội, và nếu được mời, ông sẽ kết hợp có chuyến thăm chính thức quốc gia đứng tổ chức hội nghị. Người ta chờ đợi trong cuộc gặp tháng 6 tới, ông Khải sẽ đáp lễ lời mời thăm Mỹ bằng việc chính thức chuyển tới tổng thống Mỹ lời mời thăm VN này của chủ tịch Trần Đức Lương.

(theo tin *Người Việt* 27.5, *Tuổi Trẻ* 28.5.2005)

## **Việt Nam – WTO : đàm phán song phương phải xong trước tháng 9**

Theo một thông cáo báo chí của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), tại phiên họp không chính thức hôm 20/5, tân chủ tịch Ban Công tác WTO, đại sứ Na Uy Eirik Glenne, đánh giá cao triển vọng trong quá trình đàm phán song phương, đa phương và sửa đổi luật pháp của VN. Ông cũng nhấn mạnh, Hà Nội và các đối tác nên kết thúc đàm phán trước tháng 9 để có thể đạt mục tiêu gia nhập ngay cuối năm nay.

Bài phát biểu của trưởng đoàn đàm phán Việt Nam, thứ trưởng Thương mại Lương Văn Tự gây chú ý khi nhấn mạnh tới 8 lĩnh vực mà Hà Nội có cam kết mới. Trong đó có sự thay đổi chính sách thuế nội địa với mặt hàng xe máy, bia hơi, nhằm xoá bỏ phân biệt đối xử ; khả năng xoá bỏ trợ cấp xuất khẩu ở một số lĩnh vực ; cam kết về chính sách hải quan với sản phẩm sản xuất trong khu vực thương mại tự do khi được đưa vào lưu thông trong các khu vực còn lại của Việt Nam ; các yêu cầu về hàng rào kỹ thuật cũng như biện pháp an toàn vệ sinh

trong thương mại ; nói lỏng hạn chế về thương quyền đối với số ít những sản phẩm như xăng dầu, dược phẩm, đường, thuốc lá, muối, phân bón, gạo và các nông sản khác. Ngoài ra còn có một bản so sánh chi tiết về những quy định mới ban hành liên quan tới cấp phép nhập khẩu của VN và những quy định chung trong WTO.

“ Với những cam kết mới này, tôi mong muốn các nước thành viên nhìn nhận một cách thực tế, không chỉ bằng lời nói mà bằng hành động, rằng Việt Nam vẫn là nước đang phát triển ở trình độ thấp với nền kinh tế chuyển đổi, trong đó hơn 70 % dân số vẫn sống bằng nông nghiệp, bình quân thu nhập đầu người chỉ đạt hơn 400 USD/năm. Vì vậy, nên cho phép Việt Nam được hưởng những ưu đãi đặc biệt và khác biệt trong WTO ”, ông Lương Văn Tự nhấn mạnh.

Các thành viên WTO đều đánh giá cao nỗ lực của Việt Nam trong việc đẩy nhanh tiến độ sửa đổi luật pháp và cung cấp nhiều thông tin mới về tiến trình đàm phán gia nhập. Nhiều nước đang phát triển, đặc biệt là các quốc gia ASEAN cho rằng Việt Nam đã có những nỗ lực vượt bậc, vì vậy các thành viên WTO nên linh hoạt để có thể sớm đi đến ký kết.

Việt Nam tuyên bố đã đạt thoả thuận kết thúc đàm phán song phương về mở cửa thị trường với 8 nước thành viên, trong tổng số hơn 20 nước có yêu cầu. Tin từ bộ Thương mại ngày 25.5 cũng cho biết, cuộc đàm phán với 8 nước khác (Ấn Độ, Na Uy, Thụy Sĩ, Canada...) có thể hoàn tất ngay giữa tháng 6. Các vòng đàm phán với một số đối tác thương mại quan trọng (Mỹ, Nhật, Trung Quốc) sẽ tiến hành trong những tuần tới. Tham tán Thương Mại Hàn Quốc tại VN cũng xác nhận đã cơ bản kết thúc cuộc đàm phán giữa hai nước, và có khả năng thoả thuận sẽ được ký tắt vào đầu tháng 6 tới.

Tuy nhiên, đại sứ Eirik Glenne chỉ ra rằng, hiện chưa có bản thoả thuận song phương nào được WTO xác nhận một cách chính thức. Số hiệp định còn lại nên hoàn tất trong một hai tháng tới, có như vậy mới đủ thời gian để ký kết và xác nhận, tạo điều kiện cho Việt Nam gia nhập vào cuối năm nay.

« *Hiển nhiên là tôi hy vọng từ nay đến phiên họp đa phương tháng 9, Việt Nam sẽ đàm phán thành công với những nước còn lại. Và cho đến lúc đó, Ban Thư ký phải nhận đầy đủ các bản hiệp định đã được ký kết chính thức. Mọi người đều biết rõ rằng, để chuẩn bị các vấn đề về kỹ thuật cũng như quá trình các nước thành viên thẩm tra văn bản mất rất nhiều thời gian. Đó là lý do tại sao tôi nhấn mạnh, Việt Nam cần giải quyết xong các cuộc đàm phán song phương trước tháng 9 là điều kiện tiên quyết* », ông Glenne nói.

Ban Công tác về vấn đề gia nhập WTO của Việt Nam dự kiến sẽ tiến hành phiên đa phương thứ 10 vào tháng 9 tới. Chủ tịch Eirik Glenne đề nghị các nước thành viên sớm gửi ý kiến bằng văn bản trước 3/6. Ông cũng yêu cầu Việt Nam nếu đạt được bất cứ thoả thuận nào trong đàm phán song phương, cần gửi ngay cho Ban Công tác, Ban thư ký để xem xét trong mùa hè và đi đến quyết định chính thức ở phiên 10.

(theo tin *WTO* 20.5, *VnExpress* 24, 25.5, *Lao Động* 25.5.2005)

**Nhân chuyện bài thi văn gậy “chân động”**

## Lạc ĐỀ

Theo báo **Người Lao Động** (mạng) ngày 12.5.2005, tại kỳ thi học sinh giỏi các lớp không chuyên của Hà Nội ngày 18.3.2005, trong các bài thi văn, có một bài đã khiến những người chấm hết sức ngạc nhiên vì đi « lạc đề »... Cô học sinh Nguyễn Phi Thanh (dưới đây : NPT), lớp 11A18 Trường THPT Việt Đức, đã mạnh dạn, thẳng thắn bày tỏ chính kiến của mình về đề thi nói riêng, cách dạy và học môn văn trong nhà trường nói chung, dù biết bài thi chắc chắn sẽ nhận điểm liệt.

Theo tờ báo, bài văn đã được nhiều HS và thầy cô giáo chuyển tay nhau đọc, bình luận. Rất nhiều HS tán đồng với ý kiến này. Còn các thầy cô giáo thì dè dặt hơn. Có người bảo rằng phải cho 20 điểm mới xứng đáng, có người khẳng định bài văn chỉ đáng điểm 0. Còn thực tế, người chấm đã cho bài văn này 3/15 điểm với lý do : “Viết lạc đề”.

Tờ báo cũng trích đăng một đoạn (không nói rõ bao nhiêu phần trăm) của bài viết của học sinh NPT, cũng không nói rõ nguồn lấy từ đâu, song theo dõi báo chí trong nước những ngày sau, người ta được biết chính hội đồng chấm thi đã công bố nó (xem kế bên).

Từ khi sự kiện được công bố, một cuộc thảo luận sôi nổi đã diễn ra trên rất nhiều báo chí trong cả nước (những báo trên mạng như Lao Động, Người Lao Động, Tuổi Trẻ, Thanh Niên, VnExpress, Tiền Phong v.v., có lẽ chỉ trừ Nhân Dân điện tử là không thấy đề cập tới), qua mục *Thư bạn đọc* hay qua những bài viết của một số nhà văn, nhà giáo v.v. Khó có thể thống kê, phân loại hết những ý kiến được nêu ra. Cảm tưởng chung của người đọc là phần lớn những ý kiến của những học sinh, sinh viên tuổi đời còn trẻ là những ý kiến đồng tình, ủng hộ thái độ “dũng cảm” của NPT. Còn về phía “người lớn” thì phân tán hơn, người ủng hộ tinh thần dũng cảm của NPT, người phê phán việc em viết ra chính kiến của mình trong một bài thi, “ không đúng chỗ ”, hoặc việc khi em nói không thể thích tác phẩm này vì không sống trong thời chiến tranh...

Về phía bộ Giáo dục và đào tạo, ngay trong bài báo đầu tiên ngày 12.5, Người Lao Động đã đăng ý kiến của ông Hà Bình Trị, chuyên viên phụ trách môn văn, vụ Trung học phổ thông, nhưng sau đó chúng tôi không thấy thêm có « ý kiến chính thức » nào được nêu thêm. Theo ông Trị, « bộ khuyến khích những cách hiểu khác nhau của từng HS, khích lệ các em thể hiện chính kiến của riêng mình... ». Tuy nhiên, ông cũng công nhận, « Đến nay, việc “đồng phục hóa” bài giảng của giáo viên, việc “đồng phục hóa” bài làm văn của HS vẫn diễn ra một cách khá phổ biến. ».

**Đề thi : Em hãy giới thiệu vẻ đẹp của tác phẩm Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc...**

**Bài làm.**

Nói đến Nguyễn Đình Chiểu, người ta thường nhớ đến một thầy giáo mù yêu nước, có tài thơ văn nhưng cuộc sống gặp nhiều bất hạnh. Nguyễn Đình Chiểu sáng tác khá nhiều, nổi tiếng là tập thơ Nôm “*Lục Vân Tiên*” và trong văn học lớp 11, chúng ta được làm quen với tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*. Bài tế được Nguyễn Đình Chiểu sáng tác để tưởng nhớ những chiến sĩ, những người nông dân đã hy sinh trong phong trào Cần Vương khi thực dân Pháp tấn công Gia Định, Sài Gòn.

Đề bài thi học sinh giỏi năm nay là “Giới thiệu vẻ đẹp của tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*” nhưng thực sự em không hề thích tác phẩm này, như vậy em có thể viết hay được không ? Em có thể chắc chắn rằng trong số 10 học sinh như em thì có 9 người cũng không thích tác phẩm này. Đơn giản bởi vì bọn em không sống trong thời chiến tranh, bọn em không thể rung động trước một bài tế khi mà thực sự bọn em đang sống trong thời bình. Bọn em không quay lưng với lịch sử, nhưng có nhiều cách để bọn em hiểu về lịch sử dân tộc hơn là phải học những bài tế khô khan, khó hiểu như thế này...

Em không thích tác phẩm này vì nó quá cứng nhắc, khó hiểu. Em đọc xong mà không hề có một chút xúc động hay xót thương, như vậy là lỗi tại em hay tại nhà văn không truyền tải được đến người đọc ?... Chúng em và các cô - tức là những người ra đề - là hai thế hệ rất khác nhau ; các cô không hiểu chúng em thì trái lại, chúng em cũng không hiểu những tác phẩm viết về cái thời các cô cũng chỉ bé như bọn em bây giờ...

Em nghĩ, đứng trước một tác phẩm văn học bao giờ cũng có ý kiến trái ngược khen-chê, hay-dở nhưng dường như học sinh bọn em chỉ có quyền thích, chỉ có quyền khen hay mà không có quyền nói lên chính kiến của mình, và việc phê bình văn học hình như chỉ là việc của các nhà phê bình. Phải chăng vì tư tưởng bảo thủ này mà suốt 63 năm qua, văn thơ của chúng ta chưa được « mới » ? Nhìn ra, chỉ ra cái hay của một tác phẩm văn học đã khó, nhưng chỉ ra cái hạn chế, thiếu sót của tác phẩm ấy còn khó hơn nữa, vậy mà chưa bao giờ bọn em được tỏ rõ chính kiến của mình trong một bài thi cả, tất cả chỉ vì áp lực điểm số.

Em biết bài viết này của em là hoàn toàn lạc đề, em không chỉ ra được cái đẹp, cái hay của tác phẩm bởi em không thấy nó hay, không thấy nó đẹp. Em cũng biết bài văn này cũng không được điểm nào, nhưng em chỉ muốn nêu lên chính kiến của mình trước tác phẩm, cũng như những bức xúc của một HS, khi phải học một chương trình không phù hợp. Em không muốn phải viết những lời khen sáo rỗng về một tác phẩm mình không thích. Và em hy vọng các thầy cô sẽ linh hoạt hơn trong việc ra đề để bọn em tự do bày tỏ chính kiến, tự do yêu ghét một tác phẩm nào đó”.

**Nguyễn Phi Thanh**

Dưới đây, chúng tôi xin đăng lại một lá thư góp ý chung quanh cuộc thảo luận này, do một thành viên ban chủ biên báo Diễn Đàn gửi – với tư cách cá nhân – về báo Thanh Niên ngày 21.5.2005, song tờ báo đã ngừng đăng ý kiến bạn đọc về vấn đề này hai ngày sau...

### Lạc đề

Mặc dầu không phải là người dạy văn, viết văn, và cũng không phải là người đang sống trong nước, tôi vẫn xin được đóng góp một đôi ý về “sự kiện bài văn lạ” của học sinh Nguyễn Phi Thanh. Đúng hơn, là về một số phản ứng chung quanh bài viết này.

1/ Xin trước hết có vài dòng về bức thư của ông Trần Đình Hiệp (Thanh Niên, 14.5), nói rằng “Việc em đem bài thi để bày tỏ chính kiến của mình là không tôn trọng thầy cô giáo, và không tôn trọng chính mình. Nếu là học trò của tôi, tôi sẽ cho em là hỗn láo...”. Là một người đang đứng trên bục giảng từ gần 40 năm nay, tôi cảm thấy thật đáng buồn khi đọc lời kết án em Thanh của ông Hiệp. “Hỗn láo” là từ để chỉ một hành vi vô lễ đối với người trên. Sử dụng lời lẽ mạ lỵ, cử chỉ khinh khi chẳng hạn. Không thể đem ra để trấn áp những biểu lộ chính kiến được diễn tả qua những lời nói ôn hoà, lễ độ, như trong bài viết của em Thanh. Sự bày tỏ những ý kiến khác với bậc phụ huynh không thể được coi là sự không tôn trọng họ, kể cả trong một bài thi, càng không thể nói rằng người học sinh không tôn trọng chính mình (điều này thật khó hiểu!). Trừ khi hiểu thi cử là sự kiểm định khả năng nhắc lại như vẹt những gì đã được nhồi nhét trong lớp, trong năm?

Chi riêng đầu đề bài thi (“**Em hãy giới thiệu về đẹp của tác phẩm...**”) đã là một sự áp đặt tư tưởng không thể chấp nhận được, và em Thanh đã nói lên điều này. Bài viết của em có thể bị coi là lạc đề, người chấm bài cho điểm thấp, đó là chuyện bình thường, không cần nói nhiều. Bản thân Thanh cũng biết và chấp nhận chuyện đó. Song, chuyện chấp nhận lạc đề, chấp nhận điểm xấu ấy, bậc phụ huynh và các nhà giáo lẽ ra phải tự hỏi nó ẩn chứa nỗi bức xúc nào, mình đã giảng dạy thế nào cho học trò, con em mình để đến lúc nó bùng ra như thế? Và rồi, bình tâm đọc lại đầu đề bài thi, để thấy đúng là nó phản ánh cả một thói quen gia trưởng, áp đặt con em quanh năm phải viết, phải nghĩ theo những khuôn mẫu đã có, chẳng mấy khi cho chúng có dịp tự suy nghĩ, lật ngược các vấn đề, đem những xác quyết cũ soi dưới mắt của thế hệ hôm nay... Tiên trách kỷ, hậu trách nhân, có phải người xưa đã rút ra bài học xử thế mà quá nhiều khi người lớn còn quên, hướng chỉ lớp trẻ?

Để tránh hiểu lầm, tôi xin nhấn mạnh, những dòng trên KHÔNG chứa đựng bất kỳ một phán đoán nào (phê phán hay tán đồng, ủng hộ) về việc em Thanh làm bài thi như vậy. Mà chỉ muốn nói rằng sự kiện em Thanh (hay một học sinh nào khác) đã chấp nhận điểm xấu để viết ra nỗi bức xúc của mình là một sự kiện đáng để những người có trách nhiệm trong nền giáo dục, những bậc phụ huynh, nhà giáo, người quản lý suy nghĩ về chính trách nhiệm của mình. Thay vì lại thêm một lần “lên lớp” vô bổ, thậm chí tác dụng ngược nữa. Và, nên chăng, hãy

tránh nói nhiều quá về cô học trò Nguyễn Phi Thanh, “dùng cảm” hay không dùng cảm, và để cho cô ấy trở lại cuộc sống học trò của mình, với bạn bè cùng trang lứa, với những bài học, bài thi còn (quá) nhiều trước mắt?

Trở lại nhanh chuyện lạc đề, chỉ xin mở ngoặc, thêm một câu hỏi nhỏ: tất nhiên, không cứ bài lạc đề nào cũng hay, hoặc cũng chưa đựng một hay nhiều ý lạ có thể mở ra những góc nhìn mới, giải pháp mới, song nếu đặt nguyên tắc không cho phép học sinh, sinh viên “lạc đề” thì thi học sinh “GIỎI” để làm gì. Các kỳ thi tốt nghiệp, lên lớp chẳng phải đã là quá nhiều rồi đó sao? Đóng ngoặc.

2/ Xin có đôi lời về hai bài viết của nhà thơ Thanh Thảo trên Thanh Niên ngày 16.5. Tôi hân hạnh đã có dịp được quen biết và rất mến nhà thơ của *Đêm trên cát, Dấu chân trên trăng cỏ...*, và rất cảm ơn anh đã có bài giảng văn rất hay về “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”. Nhưng hai bài viết nói trên của anh trong chuyện này, mỗi bài có một cụm từ làm tôi giật mình, và thật khó đồng ý.

Bài giảng về “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” mang thêm tiêu tựa và kết thúc bằng việc vinh danh đó là một “*ngôi đền thiêng trong văn học*”. Khái niệm này thật khó chấp nhận. Trước hết, vì sự vinh danh này phản lại tác dụng anh muốn (theo tôi hiểu). Một “ngôi đền thiêng”, người ta sẽ đến hay không đến chiêm ngưỡng nó, người thành kính thì thêm động thái thấp hương cầu nguyện. Nhưng về đẹp thì chẳng có gì bảo đảm. Sự yêu thích càng khó bảo đảm hơn! Và, quan trọng hơn là sự thần thánh hoá một bài văn, một tác phẩm nghệ thuật, e có gì không ổn. Tác phẩm nghệ thuật có giá trị cao có thể được coi là báu vật của quốc gia, được những người nghệ sĩ, những nhà văn hoá chỉ ra những vẻ đẹp mà có thể người thường nhìn/nghe qua không cảm được hết, có thể được nhà trường mang ra làm đề tài học tập, rèn luyện óc thẩm mỹ cho học sinh... Nhưng có thể nào thần thánh hoá nó, bắt ai cũng cảm thấy cái đẹp, cái hay của nó? Không thấy thì bị buộc tội “*vô cảm*”? Tôi thú thật khá bất bình về lời cáo buộc này. Trong kho tàng văn học của dân tộc, có rất nhiều tác phẩm hay, nhưng có phải hễ cứ một người nào đó thấy một bài, một tác phẩm nào hay thì người khác cũng phải thấy hay, nếu không là anh “*vô cảm*”?

Tôi sợ hơn cái vô cảm của những người có quyền, chức mà vẫn cứ để cho tình trạng “*Đi học khổ quá, ai ơi!*” (mượn tên một loạt bài trên báo Tuổi Trẻ) diễn biến năm này, năm khác. Tôi sợ hơn cái vô cảm của những người lớn khi coi là bình thường việc con em mình sao cứ tối ngày phải học, học, học mãi mà không hết chương trình, chẳng có thì giờ chơi vui, tập tành thể dục, thì giờ đọc những sách vở không “kinh điển” chẳng cứ gì của dân tộc mình hay của dân tộc khác. Nhất là khi sự học đó cứ như vẹt học, chẳng mấy khi thầy, cô có đủ thì giờ giảng rộng thêm, chỉ cho các em đọc thêm những thứ ngoài chương trình ấy (các thầy cô còn phải dạy thêm để sống chứ, lương không đủ nuôi gia đình, biết làm sao!)...

Hà Dương Tường  
Giáo sư đại học Compiègne (Pháp)

# Tinh thần thế giới

Talawas phỏng vấn Đinh Bá Anh,  
nguyên tổng biên tập báo mạng eVăn

(trích đoạn, tựa và tiểu tựa của Diễn Đàn)

**Diễn Đàn :** Có thể bạn đọc của Diễn Đàn không biết đến eVăn, trang báo mạng có từ 15.12.2003 chuyên về văn nghệ / văn học của **VnExpress** – tờ báo mạng do FPT, công ty tin học lớn nhất Việt Nam hiện nay, thực hiện. Bản thân FPT là của bộ Khoa học và Công nghệ. Cho đến nay có thể nói không biết đến eVăn cũng chẳng thiệt thòi gì nhiều cho độc giả ngoài nước ; vì, tuy có chừng mực hơn, nội dung tờ báo này tương đối không có gì độc đáo so với **Talawas**, tờ báo mạng rất nổi tiếng ở nước ngoài do Phạm Thị Hoài làm chủ biên (ra đời cuối 2001), mà hình như nó có nhiệm vụ làm một đối trọng từ trong nước.

Cũng lạ, vì ngoài tiêu ngữ « tinh thần thế giới » được trình bày rất nhỏ, thì người đọc không hề được biết tên chỉ, mục đích, cũng như tên tuổi những người trách nhiệm tờ báo.

Điều lạ thứ nhì là, trong 10 ngày từ 29.4 đến 9.5 bỗng nhiên eVăn ngừng xuất bản, không lý do và không một lời cáo lỗi. Rồi khi xuất hiện trở lại, mọi sự có vẻ y như trước, mười ngày đó như không có. Không có đình bản, ban biên tập mới hay cũ đều không có, độc giả cũng coi như không. Thật không thể biết cái văn hoá ứng xử của những người trách nhiệm việc này nằm ở mấy mét âm dưới lòng đất.

Nhưng rồi điều lạ thứ ba xuất hiện, không trên eVăn, mà trên Talawas. Đó là bài phỏng vấn nguyên tổng biên tập eVăn. Đọc bài phỏng vấn này người ta mới được biết tên tuổi hai người trách nhiệm chính là Đinh Bá Anh và Trần Tiến Cao Đăng, cả hai đều đã rời eVăn. Biết thêm tên chỉ và mục đích (cũ) của eVăn theo như họ quan niệm. Đọc bài phỏng vấn rất quan trọng này người ta cảm phục cái tâm trong sáng và cái tâm nhìn xa của « bộ sậu » cũ, và chỉ có thể tiếc eVăn đã chưa (và chắc sẽ không) thực hiện được toàn thể những ý đồ tốt đẹp này, trong điều kiện của họ. Chúng tôi rất tiếc không thể đăng lại toàn văn quá dài trong khuôn khổ báo giấy hạn hẹp của Diễn Đàn, mà chỉ có thể trích dẫn một số điểm trong những ý kiến của Đinh Bá Anh. Bạn đọc có điều kiện vào Internet nhất thiết nên tìm đọc toàn bộ bài phỏng vấn ở đây :

<http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=4511&rb=0102>

Còn gì thêm ? một lần nữa người ta lại sửng sốt trước cái văn hoá truyền khẩu từ hậu kỳ thời đồ đá của ban văn hoá tư tưởng vẫn hiện diện song song một cách thật nhuần nhuyễn với những phương tiện truyền thông tân nhất.

\*

## Về tôn chỉ eVăn và quan niệm làm báo

« Tinh thần thế giới » được gọi hứng từ chữ *Weltliteratur* (Văn học thế giới) của J.W. Goethe. Trong bức thư gửi Streckfuss ngày 27.1.1827, Goethe viết : « Tôi tin rằng có một

nền văn học thế giới đang hình thành, rằng mọi dân tộc đều hướng đến nó và bởi thế, họ đều vui lòng nhích lại. Dân tộc Đức đặc biệt có thể và cần góp ảnh hưởng của mình; nó sẽ phải có một vai trò đẹp đẽ trong cuộc hội ngộ lớn này. »

( ... )

Khi làm eVăn, chúng tôi đã cân nhắc nhiều về việc nên tìm cho nó cái tinh thần gì. Và cuối cùng, "Tinh thần thế giới" đã được chọn lựa. Thông điệp của eVăn là : Văn học Việt Nam cần tìm đến những nguồn suối tinh thần của nhân loại; nhà văn Việt Nam cần chủ động nhìn ra thế giới, tiếp nhận những cái tinh hoa của họ để xây dựng cái bản sắc riêng của mình.

( ... )

eVăn là một tờ báo tồn tại ở môi trường Việt Nam, bởi thế nó rất khó vượt thoát được những luật định ngấm của thể chế cũng như những ràng buộc và hệ lụy của xã hội. Nhưng nếu được kể ra một điểm gọi là thành công, thì tôi thấy rằng, chúng tôi đã triệt để loại bỏ được cái không khí văn nghệ có tính hội hè, ma chay điếu đám, hoặc mượn sân văn nghệ để chiêu đãi bạn bè. Chúng tôi chưa bao giờ bị lung lạc bởi những mối quan hệ, thân hay sơ, cấp tiến hay bảo thủ, hữu danh hay vô danh. Ở Việt Nam, để làm được điều đó, anh phải bám chặt vào các nguyên tắc và phải chấp nhận bị coi là kẻ đáng ghét.

( ... )

## Về những cân nhắc và những khổ nạn

( ... ) Họ muốn biết tại sao có những bài đột nhiên biến mất mà không có lời giải thích nào cả, dù trên thực tế ban biên tập có thể (hoặc cần) làm điều đó. Đúng vậy, ở đây anh có thể cho đăng một thông báo, rằng, bài viết ấy đã không làm vừa ý ai đó, vì thế nó bị kéo xuống. Tất nhiên, đó sẽ là một thông báo quá giật gân, quá hoành tráng, chưa từng có, và chắc chắn sẽ thoả mãn độc giả ở mức cao nhất. Nhưng về phía ai đó, sự không vừa ý sẽ càng lớn hơn nữa, và nó sẽ không chỉ dừng lại ở đấy. Chúng ta hiểu rằng, tiếp theo sự không vừa ý sẽ là những biện pháp. Anh muốn thành Jesus ? Cũng được thôi, vấn đề là anh đã chuẩn bị sẵn cho mình cây thập tự chưa.

( ... )

Nếu eVăn gây cảm giác về một tạp chí « văn học thuần túy » thì điều đó có nghĩa là nó đã không có lựa chọn khác. Sự phát triển này hoàn toàn trái với mong muốn của tôi. (...) Văn học chịu sự tác động mạnh của những hoàn cảnh chính trị xã hội, và một diễn đàn văn nghệ tốt cần chạm tới những vấn đề như thế. Nhưng để làm được vậy, cần tạo được một sân chơi bình đẳng, nơi các vấn đề chính trị xã hội của văn nghệ được mổ xẻ một cách dân chủ. Không thể cho phép ý kiến A mà loại ý kiến B, chỉ vì B trái với quan niệm về văn nghệ của Đảng. Cũng không thể đăng tác giả này mà bỏ tác giả kia, chỉ vì tác giả kia bị liệt vào sổ đen. Anh có đảm bảo được một sân chơi như thế không ? Nếu không thì anh cũng chỉ thành cái loa tuyên truyền cho một phía mà thôi.

Trong bối cảnh ấy, không còn con đường nào khác là « văn học thuần túy ». Ít ra ở đây, còn một cánh cửa hẹp để tiếp nhận những vấn đề học thuật.



Trước nay, có hai ý kiến chỉ trích eVấn mà tôi thấy đúng. Ý kiến thứ nhất, thì như câu hỏi trên, eVấn gần như lảng tránh những vấn đề chính trị xã hội. Tại sao, tôi đã nói. Ý kiến thứ hai cho rằng, nó thiếu tính thời sự, nghĩa là có nhiều sự kiện văn chương hẳn hoi mà nó không đề cập. Ở đây họ trách chúng tôi lạnh nhạt với các giải thưởng và các hội thảo, hội nghị văn học trong nước. Lẽ ra phải có bài phỏng vấn, phải có giới thiệu, hoặc ít ra phải đưa tin. Tôi không phản bác ý kiến này, nhưng tôi cũng hiểu chuyện hậu trường của những giải thưởng, những hội nghị, hội thảo ấy. Chính những hậu trường đó mới là những chuyện thối nát mà chúng tôi cho rằng nên đi vào, nhưng ở đây, chúng tôi cũng gặp phải những rào cản tương tự : chúng tôi không thể đi vào bản chất, chỉ có thể gãi ngứa bề ngoài. Nên cũng đành thôi vậy.

( ... )

### **Về văn nghệ sĩ**

Văn nghệ sĩ Việt Nam lâu nay mới chỉ biết đến một kẻ thù, đó là sự độc tài. Họ chưa thực sự nhìn thấy một kẻ thù khác, một kẻ thù đang tới nhưng sẽ ngự trị lâu dài, đấy là tư bản. Giờ đây, độc tài và tư bản đang kết bạn đồng chí như môi với răng. Văn nghệ sĩ chịu sự xiết chặt của hai vòng kim cô, nhưng họ chưa ý thức được điều đó. Trong cơn kinh hoàng, họ chui vào những vỏ ốc cá nhân để làm những trò xảo thuật be bé, và chỉ có thể thôi. Họ chưa sẵn sàng tạo lập cho mình một vị thế trí thức kiêu hãnh, và họ chưa thành một lực lượng.

( ... )

Ở đây gần như thiếu vắng một tinh thần văn nghệ phê phán kiểu trí thức. Nó cũng thiếu vắng một tinh thần xây dựng kiểu trí thức. Có nghĩa là nó chẳng phê phán, cũng chẳng xây dựng, mà tinh thần chủ đạo của nó là : bức xúc/gãi ngứa - ấy là tôi chưa nói đến cái tinh thần nô bộc. Bức xúc/gãi ngứa là trường phái lớn nhất. Ngoài ra, chúng ta có thể kể đến hai trường phái khá phổ biến nữa : trường phái xa lánh hồng trần và trường phái tính dục ( ... )

Song trên tất cả những trường phái, trào lưu này là sự thiếu vắng tinh thần sáng tạo, và đây chính là điểm cốt tử nhất. Ít nhất là ở Hà thành này, người ta rất khó gặp các văn sĩ tìm đến nhau trong tinh thần sáng tạo, trong sự nhiệt thành và câu thị lẫn nhau ( ... )

( ... )

### **Về học thuật**

Hôm nay, tôi muốn lưu ý rằng : Châu Âu đã trải qua hai cuộc đại chiến, trải qua Auschwitz, trải qua các trại cải tạo ở Sibiria, nhưng châu Âu vẫn gượng dậy được. Thiên tài Kafka, dù bị bỏ quên trong hiện tại, nhưng đã được dọn sẵn cho tương lai để châu Âu tỉnh ngộ. Và khi đã tỉnh ngộ, họ có cái để quay về, để xây dựng lại. Còn chúng ta, ( ... ) chúng ta mất để, một sự mất để có tính hệ thống. Gần đây, lập danh sách 100 nhà triết học quan trọng nhất cho chương trình « Bản đồ tri thức », tôi nhận ra rằng, ở Việt Nam, chỉ có Marx, Nietzsche và một phần Sartre là được dịch tương đối đầy đủ. Còn lại, từ Aristote, Plato, Descarte, cho tới Kant, Mill, Spinoza, Hegel, Wittgenstein... tóm lại là tất cả những gì còn lại, đều chưa

được dịch hoặc dịch không đáng kể.

Và bởi vì chỉ có Marx và Nietzsche, nên bóng ma của họ còn ngự trị, như một tất yếu. Một thanh niên ưu tú khi ra đời, nếu không rơi vào trạng thái ngất ngưỡng : « vấn đề không phải là diễn giải thế giới thế nào, mà quan trọng là phải cải tạo nó », thì cũng trầm tư : « con người là cái cần vượt qua ». Và bởi vì sự ngất ngưỡng hay trầm tư ấy đều không có cội rễ căn bản, nên tất cả đều tha hóa. Trên thực tế, trong khi giới chính khách, miệng niệm Marx, tay ký hợp đồng khổng thì giới văn nghệ sĩ, co mình trong những vỏ ốc thối rữa, tụng niệm Nietzsche.

( ... )

( ... ) điều đáng kinh ngạc nhất là ở chỗ này : 20 năm sau Đổi mới, chúng ta vẫn chưa thấy Aristote hay Kant là quan trọng. Cuốn *Phê phán lý tính thuần túy* do Bùi Văn Nam Sơn dịch được đón nhận một cách lạnh nhạt ; người ta không coi đó là một sự kiện.

( ... )

### **Về báo chí và Pháp luật**

Như đã nói, văn nghệ hiện nay chịu hai vòng kim cô : độc tài và tư bản, và tôi không có đủ tầm thị sĩ để mức tin rằng, người ta có thể thay đổi thực trạng đó trong nay mai.

Có lẽ bước đầu tiên là phải đấu tranh cho một chế độ kiểm duyệt báo chí minh bạch. Cần có một bộ khung rõ ràng về việc cái gì là không hợp với thể chế, và phải công khai điều đó. Có như vậy, các biên tập viên mới yên tâm làm việc trong Hiến pháp và Pháp luật. Các tổng biên tập sẽ chịu trách nhiệm trực tiếp trước Luật Báo chí chứ không phải bị chỉ đạo hoặc quấy nhiễu bằng lệnh miệng của Ban tư tưởng hay Công an văn hóa như hiện nay. Tiếp theo, cần cho phép tự do lập các hội văn nghệ, nhóm văn nghệ, và cho phép ra báo tư nhân. Các chủ báo tư nhân cũng chịu trách nhiệm trước Luật Báo chí như báo của nhà nước.

Chỉ có một môi trường báo chí, xuất bản thông thoáng và minh bạch mới tạo cơ hội cho đời sống văn nghệ, trí thức phát triển. Bên cạnh đó, chính phủ cũng phải có thái độ cởi mở, có một định hướng đúng và gấp rút có những biện pháp hỗ trợ việc tiếp nhận và phổ cập tri thức, không thể để tình trạng rỗng ruột như hiện nay kéo dài thêm.

( ... )

### **Cái còn lại...**

Khi làm eVấn, có những ngày, vì phải đối xử bất công với một tác giả nào đó (từ chối đăng bài, đề nghị bỏ đoạn này, đoạn kia... chỉ vì lý do « nhạy cảm »), tôi đã phải leo lên sân thượng để nhủ rằng : đừng tha hóa, đừng tha hóa, đừng biến thành bọ. Những ngày ấy, tôi luôn có Kafka là bạn.

( ... )

Hôm nay, eVấn đã không còn giữ được diện mạo của nó nữa, và có thể, trong suốt thời gian qua, nó cũng không làm được gì đáng kể, nhưng tôi vẫn luôn hy vọng rằng, TINH THẦN THẾ GIỚI sẽ là cái còn lại.

**Đình Bá Anh**  
(Diễn Đàn trích dẫn)

**Phạm Thị Hoài**

## **Còn lại gì**

Như mây đã sẵn ở trên trời, lúc tôi sinh ra chiến tranh cũng đã sẵn. Tôi không phải làm quen với nó, nó phải làm quen với sự xuất hiện của tôi. Mười lăm năm, ngày ngày ngửa mặt ngắm chiến tranh chậm chậm trôi, tôi không là một đứa bé bất hạnh. Những đám mây ấy phần lớn đều màu hồng. Thỉnh thoảng có đám mây giông, nhưng chỉ để màu hồng sau đó càng rực rỡ. Ngay cả khi chiến tranh ở nơi sơ tán là chòm bom lao vùn vụt, nhanh hơn mọi vật biết chuyển động mà tôi từng biết cho đến lúc ấy; ngay cả khi chiến tranh là những cánh tay và khúc chân rơi rải rác mà lúc đi nhặt tôi cố đoán chúng từng thuộc về bạn nào, lớp nào..., thì với tôi, sinh ra và lớn lên tại miền Bắc Việt Nam những năm sáu mươi và bảy mươi, chiến tranh tự nhiên thuộc về cuộc sống, là phần tươi hồng của cuộc sống. Gắn với cuộc chiến ấy, cái chết cũng lấp lánh, cũng nháy mắt hẹn ngày mai gặp lại. Nếu không có thay đổi gì đặc biệt, lúc tôi ra khỏi cuộc đời thì chiến tranh hẳn vẫn bình thân trôi tiếp, như mãi mãi là thế, như mây trên trời.

Mùa xuân năm 1975, từ giữa tháng Ba với Buôn Ma Thuột, mỗi buổi sáng trước giờ khai giảng một học sinh tiên tiến được vinh dự cầm cờ đỏ sao vàng bé xíu lên cắm trên tấm bản đồ đất nước, đứng ở điểm vừa được giải phóng, vừa « hoàn toàn thuộc về ta ». Huế 26.3, Đà Nẵng 29.3, Phan Rang 16.4, Xuân Lộc 21.4... Màu đỏ san sát, tiến ào ạt xuống phía Nam tới mức tôi sợ đến lượt mình thì không còn đất cắm. Ngày 27.4, cầm lá cờ làm bằng giấy màu và tấm tre tiến vào Bà Rịa, tôi cũng khóc như bao người, nhưng không phải nước mắt của chiến thắng. Tôi có biết gì đâu về cái giá của chiến thắng. Đó là nước mắt của chia tay. Chiến tranh đã làm quen với tôi, nay tôi phải làm quen với sự ra đi của nó. Ai sẽ thay nó, nháy mắt chào? Còn lại gì, sau chiến tranh?

Một thập kỉ hậu chiến với chế độ phân phối thời chiến, nếp sống hà khắc thời chiến, tư duy sắt đá thời chiến, xung đột quân sự ở biên giới phía tây với Cambodia, xung đột quân sự ở biên giới phía bắc với Trung Quốc và sự tiếp diễn của chiến tranh lạnh đã biến nền độc lập dân tộc vừa giành được thành sự cô lập quốc tế, biến đất nước vừa thống nhất thành một lãnh thổ toàn vẹn của nghèo đói, lạc hậu và đàn áp từ Bắc chí Nam. Sống ở Hà Nội đầu những năm tám mươi, tôi đã hình dung mình sẽ sinh một đứa con, và nó sẽ mở đầu lí lịch bằng câu: Như mây đã sẵn ở trên trời, khi tôi sinh ra hậu chiến cũng đã sẵn. Ngày ngày cúi mặt cho những đám mây

hậu chiến màu chì chậm chậm trôi... Nhưng giữa thập niên tám mươi, chính sách Đổi mới bắt đầu. Những người chiến thắng phải mất mười năm để nhận ra rằng vinh quang không phải là thứ nhai được thay cơm. Năm 1994, lệnh cấm vận thương mại với Việt Nam được bãi bỏ, tiến trình bình thường hoá quan hệ Việt-Mĩ bắt đầu. Nước Mĩ mất hai mươi năm để kí giao kèo hoà thuận với quá khứ của chính mình. Với Mĩ, chiến tranh Việt Nam đã hoàn toàn thuộc về lịch sử. Nó chỉ còn được dùng bốn năm một lần làm phép thử không mấy hiệu nghiệm cho lòng ái quốc và tư cách đạo đức của các ứng viên tổng thống, hoặc để đối chiếu với những cuộc chiến khác mà Mĩ đã và có thể sẽ bận bịu tiến hành. Ba mươi năm sau, người ta nói ngắn gọn: Lịch sử đã lên se, hãy cho nó được nghỉ yên, không có lí do gì để khai quật những chứng tích chẳng còn liên quan đến hiện tại. Hãy nhìn về tương lai.

Tôi thuộc về số - có lẽ là thiểu số - những người không dễ dàng tuyên bố như thế. Ba mươi năm sau, lá cờ nhỏ bằng nửa bao diêm gắn trên đầu tằm mà tôi cắm vào Bà Rịa trở nên trĩu nặng trong tay tôi hơn bao giờ. Vàng, 4 triệu dân thường, 1 triệu binh sĩ tử vong, hàng triệu trẻ em mồ côi và phụ nữ goá bụa, hàng chục triệu người chịu thương tích thể xác và tâm hồn, 76 triệu lít chất độc hoá học và 13 triệu tấn bom đạn... là những con số đã thuộc về lịch sử, tôi không khai quật những con số. Nhưng các hậu quả trầm trọng nhất của cuộc chiến tranh đạt những kỉ lục không thể vượt qua của sự phi nhân tính ấy vẫn còn nguyên, đơn giản vì chúng chưa bao giờ được đưa vào danh sách các hậu quả cần khắc phục.

Kết cục của chiến tranh Việt Nam là sự toàn thắng của những người cộng sản. Cuộc chiến ấy là nguồn sữa, trường học và hòn đá thử của chủ nghĩa cộng sản Việt Nam, là lời biện minh của lịch sử cho quyền lãnh đạo tất yếu của Đảng Cộng sản, là bằng chứng của sự hoàn thành một Thiên mệnh. Chủ nghĩa cộng sản đã tìm được con đường đặc biệt của nó tại Việt Nam để lên ngôi: thông qua một Thiên mệnh đặc biệt đẫm máu. Song chiến tranh thì đã qua, Thiên mệnh vẫn còn lại. Từ ấy đến nay, tính chính đáng của ba mươi năm trước được ôn lại ráo riết, được khẳng định bền bỉ, được chân lí hoá và thần thánh hoá; những anh hùng thời chiến tiếp tục giành độc quyền chỉ huy thời bình; chế độ chỉ đạo quân sự trong chiến tranh thăng hoa trọn vẹn vào chế độ lãnh đạo toàn trị trong hoà bình. Hơn ai hết, Đảng Cộng sản Việt Nam hiểu rõ rằng mọi thứ đều có thể đổi mới, nhưng huyền thoại về Thiên mệnh ấy không được phép suy suyển, bởi mọi lí tưởng của chủ nghĩa cộng sản hoặc đã bị bản thân những người cộng sản đang cầm quyền phản bội mà không một lời tự xin lỗi, ít nhất trước chính mình, hoặc đã hoàn toàn phá sản. [1] Chẳng lẽ có thể xếp cuộc chiến tranh ấy vào hồ sơ của một giai đoạn lịch sử, nhưng giấy uỷ nhiệm của giai đoạn lịch sử ấy thì giữ vô thời hạn cho riêng mình? Tại Việt Nam ba mươi năm sau chiến tranh, những giá trị nền tảng của văn hoá Việt truyền thống đều đã mất hiệu lực, những giá trị cao cả nhất của lí

tương cộng sản đã trở thành trò hề, những giá trị căn bản nhất của mô hình dân chủ xuất phát từ phương Tây chưa tìm được chỗ đứng, và những giá trị tích cực nhất của một thế giới toàn cầu hiện đại chưa thành hình. Nạn tham nhũng, tình trạng phạm pháp, sự băng hoại đạo đức và nhân cách, sự sụp đổ của hệ thống y tế và giáo dục, đà tăng tiến chóng mặt của bất bình đẳng xã hội, quả bom nổ chậm của xung đột sắc tộc và tôn giáo, nguy cơ hỗn loạn từ một nông thôn không lồ hoàn toàn bị bỏ rơi, sự tàn phá và ô nhiễm môi trường, sự nghèo nàn thảm hại của đời sống tinh thần, sự tê liệt của tầng lớp trí thức, sự vô hiệu hoá khả năng liên kết của các tầng lớp xã hội, sự khủng hoảng niềm tin và thiếu vắng hi vọng..., trước tất cả những vấn nạn đó của thời hậu cộng sản, chế độ toàn trị tại Việt Nam đã có đủ thời gian và cơ hội để chứng minh xuất sắc rằng mình không còn thẩm quyền, và nhất là không còn độc quyền đưa ra giải pháp. Chẳng lẽ có thể tiền cuộc chiến tranh Việt Nam vào bảo tàng, nhưng đi theo chế độ toàn trị Việt Nam vào tương lai ? Chẳng lẽ cái giá xứng đáng cho hoà bình là một nền độc tài ?

Kết cục của chiến tranh Việt Nam không phải là sự sụp đổ của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, mà là sự tiêu vong của Việt Nam Cộng Hoà, quốc gia từng hiện diện trên một nửa lãnh thổ Việt Nam không kém hợp pháp hơn người anh em của nó ở phía Bắc, và - bất chấp tất cả sự thối nát của những nội các cụ thể, sự bất lực của các nhân vật lãnh đạo cụ thể - là nhà nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam thiết lập trên những nguyên tắc căn bản của nền dân chủ hiện đại. [2] Tôi sẽ không bao giờ gột nỗi thiếu tướng Nguyễn Ngọc Loan trong bức hình nổi tiếng của Eddie Adams ra khỏi trí nhớ, và những lời nói sau của người phóng viên nhiếp ảnh ấy chỉ tô đậm đường nét bi kịch quá đỗi mà Orina Fallaci đã phác hoạ sau buổi gặp giữa bà và ông Giám đốc Nha Cảnh sát Sài Gòn, người yêu hoa hồng, Brahms, Chopin, khinh bỉ nghiệp võ biên, ví một nhà sư tự thiêu trong phong trào Phật giáo phản kháng với một con chó say ma túy và coi Việt Cộng là một lũ trẻ hư đáng bị ăn đòn [3]. Nhưng nhà tù, trại cải tạo, tước đoạt tài sản, kì thị trẻ em lai, phân biệt đối xử và thanh trừng trí thức, huỷ diệt và cấm đoán các sản phẩm văn hoá văn nghệ, xoá trắng hàng loạt cuộc đời và sự nghiệp... ở quy mô bao trùm toàn xã hội miền Nam ngay sau ngày giải phóng nhất định không phải là những hành vi xứng đáng với tư thế của kẻ chiến thắng trong chính nghĩa, không phải là bằng chứng cho tính ưu việt của chế độ mới so với chế độ mà nó vừa kết liễu. Ba mươi năm sau, Việt Nam vẫn chưa một lần chính thức ghi nhận cuộc di tản đau thương của gần một triệu người Việt miền Nam. Như thể họ không thuộc về dân tộc Việt và khối đại đoàn kết dân tộc đã khai trừ họ. Như thể nước Việt Nam là của những người Việt này và không của những người Việt khác. Như thể lúa đã mọc lại trên chiến hào ra sao thì tình dân tộc ắt bắt rễ trên miệng hố sâu của chia rẽ và hận thù như thế, chẳng cần ai khoá lấp. Người ta dễ dàng nói ngắn gọn: Vết

thương đã ăn da non, đừng ngoáy sâu vào nữa. Nhưng đó không là vết thương. Đó là khối u mà thời gian không hề là phép chữa nhiệm mầu. Ngược lại. Sự chia cắt dân tộc là điểm xuất phát của cuộc chiến, chẳng lẽ điều còn lại ba mươi năm sau chiến tranh vẫn là chia cắt ? Làm sao có thể hoà giải, nếu không sám hối và tha thứ ? Làm sao có thể khép lại quá khứ, khi người Việt và người Mỹ đã có thể chia tay cho nhau, nhưng người Việt tiếp tục không chia tay cho người Việt ?

Ba mươi năm nay, với mỗi ngày một lòng biết ơn không thuyên giảm tôi làm quen với hoà bình. Nhưng những cái bóng đen nhất mà chiến tranh Việt Nam hắt lại vẫn còn đó. Vẫn chậm chậm trôi, như mãi mãi là thế, như mây trên trời. Nếu không có thay đổi gì đặc biệt.

## PHẠM THỊ HOÀI

(Phần chính của bài viết này đã đăng trong bản dịch tiếng Anh ngày 29.4.2005: <http://www.opendemocracy.net/themes/article-1-2464.jsp>)

© 2005 talawas

[1] Tôi muốn dành chú thích này để bày tỏ lòng tôn trọng với những người cộng sản còn giữ nguyên ước mơ về một thế giới đại đồng, lòng kính trọng với những người cộng sản đã ngã xuống cho ước mơ ấy, lòng cảm phục và hi vọng với những người cộng sản phân tinh và li khai đường lối toàn trị của chủ nghĩa xã hội hiện thực.

[2] Nhận định này không đồng nghĩa với việc chia sẻ hay ủng hộ các nỗ lực phục hồi Việt Nam Cộng Hoà như thường thấy ở không ít cộng đồng người Việt tị nạn. Lịch sử không thể làm lại, mặc dù có thể viết lại.

[3] Orina Fallaci, *Niente e così sia*, 1969, chương 3, ngày 17 tháng 12.

### Thơ Thiên Lý - Trần in trên giấy dó

Sách thơ có khổ 80x110 cm in trên chất liệu giấy cổ truyền của VN. Quyển sách "ngoại khố" này do nhà thơ Nguyễn Duy chủ biên, trực tiếp in ấn và phối hợp với hai nhà thơ Mỹ Kevin Bowen và Nguyễn Bá Chung (người Mỹ gốc Việt) thực hiện, sau 5 năm nỗ lực, và không được một nguồn tài trợ nào. GS Nguyễn Huệ Chi, người chủ biên 3 tập Văn thơ Lý - Trần (nxb Khoa học xã hội 1977-1988) đã giúp phần hiệu đính quyển sách. Học giả Lê Mạnh Thát giúp viết lời đầu sách.

Quyển sách thơ được in 3 khổ. Khổ 0,8 x 1,1 m trên giấy dó, in độc bản để triển lãm và thường ngoạn. Ngoài ra còn hai khổ nhỏ hơn là 30x40 cm và 25x25 cm để bán rộng rãi trên thị trường. Sách được trình bày và in theo tiêu chuẩn sách mỹ thuật, với 100 tấm hình minh họa do Nguyễn Duy chụp...

Các tác giả cho biết sẽ tiếp tục bộ sách tam ngữ (Hán - Anh - Việt) này trong chủ đề 10 thế kỷ thơ Thiên Việt Nam, sau đó sẽ mở rộng sang một số nhà thơ cổ điển khác của VN.

(theo *eVăn* 20.5.2005)

Phong Quang

## Sổ tay

✓ 2005 là năm kỉ niệm lần thứ 60 của nhiều sự kiện trọng đại, trong đó : ngày đại thắng chủ nghĩa phát-xít (8/9.05.1945), tuyên ngôn độc lập của Việt Nam (2.09.1945)...

Giữa hai sự kiện này có mối quan hệ nhân quả. 60 năm sau, mối liên hệ ấy lại nổi cộm trong một « sự cố ngoại giao » Nga-Việt. Đó là việc chính phủ của tổng thống Putin mời đại diện mấy chục nước sang dự lễ kỉ niệm long trọng, mà quên mất Việt Nam. Gần tới ngày 9-5, sự việc vỡ lở, phía Việt Nam công khai không nói gì, phía Nga thì viện dẫn lí do : ngày 9-5-1945, nhà nước Việt Nam chưa tồn tại.

Về mặt hình thức, lí do ấy có thể đứng vững được, nếu như Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên và Đại Hàn Dân quốc cũng không được mời. Đằng này đại diện của cả hai nhà nước bắc nam Triều Tiên đều được mời và đã tham dự. Thế mà ngày 9.05.1945, khi tư lệnh quân đội Đức quốc xã phải ký đầu hàng Hồng quân Liên Xô ở Berlin, thì Triều Tiên còn bị phát xít Nhật chiếm đóng. Phải đến ngày 2.09.1945 (ngày thành lập Việt Nam dân chủ cộng hoà), Nhật Bản mới ký đầu hàng, đồng minh mới quyết định Hồng Quân và Quân đội Mỹ giải giới quân đội Nhật (bắc và nam vĩ tuyến 38), và hôm sau, quân đội Mỹ mới đổ bộ lên Inchon. Còn hai nhà nước Triều Tiên, mãi đến năm 1948, hai nhà nước mới được thành lập (Nam Hàn ngày 15.08, Bắc Hàn ngày 18.09).

Như vậy, lí do Bộ ngoại giao Nga đưa ra không đứng vững. Đó là không nói Nga đã mời cả ba nước thuộc khối Trục phát xít (Đức, Ý, Nhật) dự lễ. Mười năm trước, tại lễ kỉ niệm 50 ngày đồng minh thắng trận (8.05) Pháp đã mời tướng Lê Đức Anh tham dự với tư cách chủ tịch Việt Nam. Từ chính phủ một nước đã không chịu thừa nhận nền độc lập và thống nhất của Việt Nam, từ đó gây ra bao nhiêu đau thương tổn hại cho Việt Nam và hậu quả nặng nề cho nước Pháp, lời mời là một cử chỉ có ý nghĩa – dù chỉ là một cử chỉ.

Tại sao nước Nga lại làm ăn dở hơn Pháp như thế ? Đó thực là điều khó hiểu, vì quan hệ Nga-Việt, cho dù không đậm đặc như cách đây 30 năm (mà điều này có lẽ ít người Nga và người Việt Nam nuối tiếc), vẫn là quan hệ tốt, không có gì bất đồng hay căng thẳng. Cách giải thích duy nhất hợp lí : lễ tân Nga đã quên, như đã muốn quên cả cái tên Việt Nam và quá khứ Liên Xô ra khỏi kí ức, đến giờ chót thì cái chày cái cối cho xong. Điều lạ không kém là thủ đô Nga chuẩn bị ngày lễ này từ nhiều tháng trước, mà sứ quán Việt Nam ở Moskva không thấy động tĩnh gì, vẫn bình chân như vại. Phải chăng chuyện container, buôn lậu, thu tiền của thương nhân Việt Nam ở Nga chiếm hết thời giờ và tâm trí các nhà "ngoại giao" ta đến mức đó sao ?

✓ Bất luận thế nào, nhà cầm quyền Nga đã bỏ lỡ một

dịp để tỏ lòng biết ơn những người Việt Nam đã tham gia cuộc kháng chiến vệ quốc của Liên Xô (trong đó, có ít nhất 40 người đã hy sinh, theo các nhà sử học). Và nhất là bỏ lỡ một dịp chuộc lại sự im lặng đáng sợ của Liên Xô trong suốt bốn năm trời Việt Nam dân chủ cộng hoà phải đương đầu với đội quân thực dân Pháp. Thật vậy, từ tháng 9-1945, chính phủ Hồ Chí Minh đã nhiều lần gửi điện cho các cường quốc đồng minh, kêu gọi họ thừa nhận nền độc lập của Việt Nam. Qua « hồ sơ Lầu năm góc » và công trình của nhiều nhà sử học Mỹ, người ta biết rằng các bức điện Hồ Chí Minh gửi tổng thống Truman đã bị xếp xuống đáy tủ Bộ ngoại giao Mỹ. Từ sau thời kì glasnost ở Liên Xô, các nhà sử học tìm tòi trong Kho lưu trữ của Liên Xô cũng phát hiện số phận tương tự của những bức điện Hồ Chí Minh gửi Stalin.

✓ Kỉ niệm 60 năm ngày kết liễu chế độ Hitler cũng là dịp để người ta vừa nhắc lại một số sự kiện vừa tẩy xoá những sự kiện khác để vô tư « viết lại » lịch sử. Thật vậy, tổng thống Bush, mà ai cũng biết ông vốn là người giỏi lịch sử và địa lí, đã nhắc lại việc Stalin thôn tính 3 nước ven biển Ban-tích sau ngày đại thắng, và áp đặt sự thống trị nặng nề của Liên Xô trên các nước Đông Âu. Hình như các cố vấn của Nhà trắng quên dạy cho tổng thống rằng vào đúng ngày phe dân chủ ăn mừng đại thắng (8.05.1945), điều gì đã xảy ra ở thành phố Sétif (Algérie), một năm sau, ở Hải Phòng, năm sau nữa ở Madagascar..., đó là chỉ nói tới các nước thuộc địa Pháp.

Quên đi các cuộc chiến tranh thuộc địa đẫm máu, quên đi cuộc chiến tranh mà 5 tổng thống Mĩ kế tiếp nhau đã tiến hành ở Việt Nam, thì dễ đánh đồng chủ nghĩa Hitler với các chế độ toàn trị mệnh danh là « xã hội chủ nghĩa » mà Stalin và Mao Trạch Đông là hai hình tượng tiêu biểu, và dễ dẫn tới kết luận : thế giới tư bản, mặc dầu chưa « toàn bích » đâu sao cũng là hiện thân của thể chế dân chủ.

Bây giờ, chúng ta có khoảng lùi để thấy rằng hai chữ « toàn trị » (totalitarisme) người ta vẫn dùng để mô tả cả chế độ phát-xít lẫn chế độ cộng sản (có những chỗ giống nhau về tuyên truyền, tổ chức bộ máy, kĩ thuật cai trị) không che lấp được sự thật hiển nhiên là hai chế độ ấy được xây dựng trên hai hệ tư tưởng trái nghịch nhau hoàn toàn. Mặt khác, cũng không nên quên rằng đảng nazi đã nắm được chính quyền bằng bầu cử dân chủ, bởi vì phe hữu (không phải chỉ phe cực hữu) Đức đã không ngần ngại bỏ phiếu cho Hitler để đánh bại toàn bộ các chính đảng tiến bộ (không riêng gì cộng sản – và mĩa mai thay, lúc đó Đảng CS Đức lại đi theo chính sách « giai cấp chống giai cấp » khuynh tả của Stalin, đoạn tuyệt với đảng xã hội). Giới đại tư bản Đức đã dùng Hitler như âm binh để đàn áp quần chúng lao động. « Tự nhiên được người ta tặng con ngựa, ai lại chê hàm răng nó xấu » (lời của nhà đại tư bản Krupp). Các nước tư bản Anh Pháp đã ký thoả hiệp Muenchen, rồi đến phiên Stalin móc ngoặc với Hitler. Nhưng cuối cùng, không phải ngẫu nhiên mà đường phân tuyến trong cuộc chiến tranh thế giới 1939-45 đã rạch ròi : một bên là 3 nước phát xít quân phiệt, một bên là các nước "dân chủ" (tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa). Bởi vì, dẫu sao đi nữa, các chế độ tư bản nhiều dân chủ chính trị nhưng không dân chủ về kinh tế xã hội, các nước xã hội nhiều dân chủ về kinh tế (kinh tế không chạy lại là chuyện khác, sẽ làm nó suy vong) nhưng ít (hay không) tự do chính trị, đều là hậu duệ của Thế



ki Ánh sáng và của các cuộc cách mạng dân chủ Pháp, Mĩ... (xem Eric J. Hobsbawm, *L'Age des extrêmes*)

Nhưng sau ngày đại thắng phát-xít, hai hệ thống ấy đã lao vào cuộc chiến tranh lạnh, mà nạn nhân là các dân tộc đấu tranh giành độc lập, dân chủ (ở hai bên « bức màn sắt »). Tất nhiên, nửa sau thế kỉ 20 là một bức tranh Rembrandt, xen kẽ tối sáng. « Chủ nghĩa xã hội hiện thực » đã biểu lộ sự bất cập cơ bản của nó trong sự sụp đổ dây chuyền ở Đông Âu, sau chuỗi dài những biến cố Berlin, Budapest, Praha, Warsaw... Song nó đã góp phần quyết định vào sự kết liễu chủ nghĩa thực dân và đẩy lùi chủ nghĩa đế quốc, và đã tác động không nhỏ vào những tiến bộ xã hội... ở phương Tây ! Lịch sử có cách mĩa mai của nó : thành quả của Cách mạng tháng Mười, phải tìm ở bên ngoài biên thủy tổ quốc của nó.

▼ 30-4 nờ rộ trên báo chí Việt ngữ trong nước và ngoài nước cả nghìn bài báo. Không ai có khả năng đọc hết, nhưng khó kiếm ra hơn mười bài đáng đọc. Báo chí trong nước, có lẽ câu nói của ông Võ Văn Kiệt (trả lời phỏng vấn của báo Quốc Tế) đã tóm gọn vấn đề : « *Lịch sử cũng như cuộc sống, cái đúng, cái sai nói một lần người ta hiểu ; nói hai ba lần người ta im lặng ; nhắc lại quá mức cần thiết thì có thể gây ra sự phản cảm. Trong khi đó theo tôi, chúng ta vẫn còn biết bao nhiêu điều cần nói, biết bao việc cần làm* ».

Trong những bài đáng đọc, phải kể bài viết của Phạm Thị Hoài đăng lần đầu trên mạng talawas (xem trang 14). Ở đây, tôi chỉ muốn ghi lại vài suy nghĩ khi đọc đoạn câu này :

« *Việt Nam Cộng Hoà, quốc gia từng hiện diện trên một nửa lãnh thổ Việt Nam không kém hợp pháp hơn người anh em của nó ở phía Bắc, và -- bất chấp tất cả sự thổi nạt của những nội các cụ thể, sự bất lực của các nhân vật lãnh đạo cụ thể -- là nhà nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam thiết lập trên những nguyên tắc căn bản của nền dân chủ hiện đại* ».

Đây là ý kiến của tác giả, và tác giả viết ra với tinh thần trách nhiệm, hoàn toàn xa lạ với ước mơ « khôi phục » chế độ cũ ở miền Nam (như Phạm Thị Hoài đã nhấn mạnh trong chú thích cuối bài) của một số người muốn làm lại không được thì viết lại lịch sử.

Ở đây, tôi không có ý tranh luận với tác giả, mà chỉ muốn nêu lên một vài sự việc và suy nghĩ, với tư cách là một người di cư, đã lớn lên ở thành thị miền Nam, và khách quan mà nói, thuộc tầng lớp « con cung » của chế độ Việt Nam cộng hoà.

Có lẽ cũng như các bạn thanh niên cùng tuổi lớn lên ở miền Bắc, chúng tôi ở miền Nam không hề được đọc văn bản Hiệp định Genève. Có lẽ vì vậy mà một anh bạn tôi đã « té ngựa » khi anh sang Đức, đọc toàn văn Hiệp định. Chỉ nói về mặt pháp lí quốc tế, nó là hiệp định được ký kết giữa đại diện Việt Nam dân chủ cộng hoà (một nhà nước mà 8 năm trước, Cộng hoà Pháp đã thừa nhận, dù chưa đầy đủ) và Cộng hoà Pháp. Hai vùng tập kết (vĩ tuyến 17, bản tuyên bố cuối cùng nói rõ, « không hề là ranh giới lãnh thổ ») được đặt dưới sự quản lý của hai bên trong khi chờ đợi tổng tuyển cử năm 1956. Như mọi người biết (ai chưa biết, chỉ cần tìm đọc hồi kí của tổng thống Dwight Eisenhower), Mĩ cự tuyệt tổng tuyển cử (« 80 % cử tri sẽ bỏ phiếu cho Hồ Chí Minh », Eisenhower viết), ép Pháp trao quyền cho « Quốc gia Việt

Nam » như là một bên quản lí vùng tập kết ở phía nam vĩ tuyến 17. « Quốc gia Việt Nam » trở thành « Việt Nam cộng hoà ». Từ chối tổng tuyển cử, nó phủ nhận Hiệp định Genève là văn kiện pháp lí cho phép nó tồn tại. Đó là về mặt công pháp quốc tế. Còn nói về tính hợp pháp "nội tại", khỏi nói rằng đệ nhất « Việt Nam cộng hoà » (1955-1963) là một chế độ độc tài, đàn áp mọi lực lượng đối lập (cộng sản và chống cộng) bằng thủ tiêu, tù đầy.

Tất nhiên, nếu chỉ đọc văn bản, thì hiến pháp của VNCH I và VNCH II cũng hết sức dân chủ (chỉ thua Hiến pháp 1936 của Stalin, được coi là hiến pháp "dân chủ" nhất trong lịch sử thế giới). Và trên thực tế, sau cuộc đảo chính năm 1963, trong giai đoạn đầu (1963-65), các nhóm tướng lĩnh Sài Gòn bận tâm đảo chính và chống đảo chính lẫn nhau, không thể nào dẹp hết được những thành phần xã hội thành thị đã giành được một số quyền tự do dân chủ (chủ yếu là ngôn luận, báo chí). Trong giai đoạn "ổn định" (chính quyền thu vào một mối, là Thiệu), thì lí do tồn tại và nhiệm vụ của nó là thực hiện chủ trương "Win the War" của Nhà Trắng. Chính vì vậy mà trên thực tế, nó không thể lập lại chế độ độc tài kiểu Diệm được nữa : để quốc Mỹ, ở Hoa Kỳ, là một chế độ dân chủ. Nhà Trắng không thể làm khác là buộc chính quyền Thiệu phải chấp nhận một vài luật chơi dân chủ (báo chí đối lập), cái giá phải trả để có sự ủng hộ của dư luận và quốc hội Mỹ. Thực tế miền Nam, ở vùng chính quyền Sài Gòn kiểm soát, vì vậy, là một thực tế nhiều mặt : chiến tranh, quân phiệt, và khả năng tồn tại của xã hội dân sự với một vài yếu tố dân chủ (tự do ngôn luận, báo chí, hành chính tự lập, tư pháp phân lập...)

Thí dụ điển hình nhất (và tạm ra ngoài đề) là phong trào cứu trợ nạn nhân chiến tranh trong thanh niên, sinh viên. Một mặt, có những người cầm đầu nhận tiền của CIA để làm "công tác xã hội". Khách quan mà nói, họ là tay sai của Mỹ. Nhưng không thể nói hàng ngàn thanh niên tận tụy giúp đỡ đồng bào là tay sai (dù là vô tình) của Mỹ. Mỹ khôn ngoan chọn "lối thoát" này theo tính toán rất thực dụng : 1 thanh niên đi làm công tác xã hội là bớt một thanh niên có thể đi theo Việt cộng. Nhưng nếu không có chủ trương ma mãnh này của Mỹ, không có tiền Mỹ, thì vẫn sẽ có phong trào cứu trợ xã hội, vẫn sẽ có thanh niên chọn hướng đi ấy.

Trở lại câu chuyện VNCH và nền dân chủ ở miền Nam. Sự thật khách quan là so sánh đời sống chính trị ở hai miền trong thời kì 64-74, có thể nói một vài thành phần xã hội ở thành thị miền Nam đã có và sử dụng những quyền tự do mà không một thành phần nào có được dưới chế độ toàn trị "xã hội chủ nghĩa" miền bắc. Đó là điều hiển nhiên, mặc dầu nguyên uỷ của nó không hiển nhiên một chút nào, nếu người ta quen nhìn mọi vấn đề theo lối nhị phân, trắng/đen, không/có.

Vì vậy, những ai chưa từng sống dưới chế độ VNCH khó nhận thức được điều này. Mặt khác, lối đánh đồng thô bạo hiện thực đa dạng của miền Nam với chế độ VNCH (với những vô vàn hậu quả nhân tiền) còn đẻ ra một phản ứng không kém sai lầm : thay vì bảo vệ những yếu tố tích cực của hiện thực miền Nam, thì lại đi bảo vệ cái thây ma VNCH. Nhưng thôi, đó là chuyện khác.

Ở đây, tôi chỉ muốn nói, như tôi đã nói đùa với chị Hoài, là với tư cách "con cung" của VNCH, tôi cảm thấy bị phi báng khi nó bị "nghỉ oan" là "dân chủ".

PHONG QUANG

# VĂN HOÁ MINH BẠCH

*Dạ Ngân*

**Tham luận tại Đại hội nhà văn VII, không đọc trong Đại Hội. Đã đăng trên báo Tiên Phong (không đầy đủ) và báo Người Đại Biểu Nhân Dân (đầy đủ hơn)**

Tôi đã định không viết tham luận vì nhiều lẽ. Thứ nhất, chắc gì mình được gọi lên bục đơn giản vì có hàng trăm tham luận đăng ký mà thời gian của giới nhà văn thì lúc nào cũng eo hẹp. Thứ hai, viết điều to tát thì hoặc sẽ bị kêu là dạy đời, ranh con, mi viết được bao nhiêu mà lớn giọng - dù cái đứa ranh con này nay cũng đã U50 - hoặc là phải sa vào cái điều biết rồi khổ lắm nói mãi. Thứ ba, điều này cốt tử hơn, nhà văn thì chớ có đại mà lập ngôn hay đăng đàn, bài học vạ chửi vạ mồm xưa nay nghĩ cũng đã nhiều quá.

Nhưng không khí trước thêm đại hội bỗng nóng rẫy lên, cái sự nóng buồn, bức bối. Một cơ hội để những người đứng ngoài Hội thấy mình có lý, một cơ hội để những người ngay từ đầu từ chối đại hội đại biểu thấy mình có lý, một cơ hội để độc giả và các giới khác chán nhà văn nhà thơ mình dù có thể trước nay họ chưa chán lắm.

Tôi ngồi vào bàn, hy vọng mình sẽ thanh thản khi viết ra điều bức xúc được dán chính cái tem mình.

Kính thưa các đồng nghiệp !

Hàng ngày tôi đi về 15 cây số để duy trì phận sự nhà văn công sở. Tôi không nói chuyện phân thân ra sao giữa con người viên chức với con người cần môi trường sáng tạo. Giỏi thu xếp thì chữ nghĩa sẽ ở lại với mình, nội lực có sắt có đá thì một người ngồi tù cũng có thể viết được. Tôi muốn nói đến việc đi đường. Ngày xưa chỗ chúng tôi là ngoại thành, gần cái làng không có gì nổi tiếng ngoài cái nghề chèo chai đồng nát, thỉnh thoảng họ thản nhiên đốt lên những bửng khói đen như khói bom nguyên tử góp phần một cách hữu hiệu vào môi trường vốn đã tệt hại của Thủ đô. Tôi đi men theo bờ Tô Lịch, kiểu gì cũng phải vượt qua ngã tư trần ai là Ngã Tư Sở rồi một cái nút Chùa Bộc, một cái nút nữa ở Kim Liên, bấy nhiêu đường đất và chen lấn giẫm đạp, phùng mang trộn má mỗi ngày. Rồi không khí nội thành lộng ra, xe cộ bót nghệt thờ nhưng vẫn là những con phố bản thủ, những mét đường lôm côm và những cái rãnh cống không ra tư cách thủ đô gì cả. Mãi mãi trong tôi một câu hỏi, lẽ nào một cái ổ gà, một đống rác, một quang cảnh trật tự vỉa hè và một đoạn phố gọi là có kiến trúc tối thiểu cũng phải chờ người ngoài vào bày cho hoặc cho tiền hoặc cho vay vốn thì mới xoay sở được ? Một cọng rác, một cái hố, một cái rãnh của chính nhà anh là tư cách chủ nhà của anh chứ không thể đổ cho ai cả. Nhưng tôi sẽ không sa đà vào chuyện của mấy ông Công chánh hay Xây dựng hay Trật tự đô thị mà chỉ vì tôi cảm thấy bị tổn thương, bị xúc phạm, bị coi thường khi tôi phải qua lại trên những con đường như vậy. Và tôi đau lòng, chúng ta đã làm gì cái thủ đô của mình, chúng ta đã làm gì

với văn hoá ăn và ở của cha ông vậy ? Và chuyện bộ mặt của thủ đô chỉ là cách để tôi đặt vấn đề để thấy tại sao đạo đức xã hội đi xuống, không loại trừ đạo đức nghề nghiệp của nhà văn. Một môi trường bị ô nhiễm toàn diện thì người già sẽ khóc thương, người đang sức thì chống đỡ bằng bực mình và chửi bới còn bọn trẻ thì chúng bất cần, chúng không yêu gì hết, kể cả bản thân mình.

Thưa đại hội !

Nhiều năm qua nhìn thấy việc học của con em mình, chúng ta biết những người làm ra sách lược và những giải pháp cho giáo dục không hẳn tất cả đều yêu nước thương nòi như chúng ta mong muốn. Tôi có đại ngôn không ? Có thể, nhưng câu chuyện về sự nghiệp giáo dục đã quá dài, quá nhiều năm khiến cho những ai để bất bình phải mang căn bệnh mãn tính bất bình. Môn Việt văn trong nhà trường đã làm con em chúng ta không yêu tiếng Việt được, môn Lịch sử cũng làm cho chúng không thuộc lịch sử nước nhà được, và những môn khác. Chuyện tiếng Việt trong nhà trường giống như chuyện tôi đi trên đường mỗi ngày, đi thì phải đi nhưng không muốn yêu cái gì cả, cũng như bệnh thì phải đi viện chứ không thể yêu thầy thuốc được nữa. Cái gì đã xảy ra cho chúng ta và cho đám đông dân chúng vậy ? Cái đó là cái gì ? Tại sao lĩnh vực nào chúng ta cũng bất cập, vá vúi và đều cất lên tiếng chuông chung : môi trường văn hoá mà người Việt ta quen được hít thở hình như đang bị bức hại nghiêm trọng.

Làm một nhà văn có nguyện vọng chết sống với nghề trong thời buổi này thật khó. Ba mươi năm sau hoà bình rồi sao lại kêu khó, mà cái khó này hình như mắc mứu hơn, cộm rõ hơn. Khó đây không phải là khó in mà là khó mà bình tâm được. Sẽ có nhiều người chau mày, bình tâm thì còn thôi thúc cái chỗ nào ? Tôi nhớ hồi cả nước âm ỉ sôi lên chuyện nông dân ở Thái Bình, mấy nhà văn chúng tôi ngồi lại với nhau : lúc này mà nhà văn không có mặt để quan sát, để lắng nghe, để trò chuyện cùng dân chúng thì thật đau lòng. Không đi được thì đã có báo đài, nhưng những cái gì sâu nhất thì không bao giờ có một cách thoả mãn trên phương tiện thông tin đại chúng, dù vậy, cái có để đọc cũng đã đủ buồn bởi vì xã hội mình thật là ngổn ngang những điều mà chúng ta vẫn quen gọi là tiêu cực. Tiêu cực hay bệnh tật, nếu bệnh thì là ai bệnh, dân hay cán bộ hay quan chức hay cơ chế ? Câu hỏi và câu trả lời tôi thường bắt gặp ở dân chúng khi họ dán mắt vào màn hình mỗi khi Quốc hội mở phiên chất vấn, căng thẳng xem bức bối chờ và không giống như xem bóng đá. Lại những điều không thoả mãn như trên phương tiện truyền thông đại chúng. Thôi thì ta tự chất vấn và tự trả lời. Ta hỏi đời sống tinh thần và việc mưu sinh của dân chúng có bị thả nổi không, câu trả lời là có, nguyện vọng dân chủ của trí thức và của cả nhân dân có được đáp ứng chưa, câu trả lời là chưa, tham nhũng có là quốc nạn không, câu trả lời lại là có, môi trường pháp lý của ta có minh bạch không, câu trả lời là không ; nhiều lĩnh vực vĩ mô của chúng ta có kém cỏi không, câu trả lời ở đây là có ; trí thức tâm huyết và văn nghệ sĩ có thực sự được tin yêu chưa, câu trả lời đã nằm trong chính câu hỏi có từ hội đại hội nhà văn IV tới giờ như tôi biết. Tất cả những việc đó đều liên quan máu thịt với vui buồn của nhà văn. Tôi không lặp lại hay sa vào chuyện dễ bị kêu là sứ mệnh, dự cảm, lương tri, điểm tựa... nhưng thật sự, một bầu không khí không minh bạch

đang bao phủ chúng ta, chúng ta không thấy người dân yên và vui, vì vậy chính mình cũng không yên và vui.

Còn nhớ hôm nhà văn Bùi Ngọc Tấn mang “Chuyện kể năm 2000” lên tặng. Anh ghé tai tôi : “*Anh cảm ơn Nguyễn Quang Thân lắm, nhờ có Thân khuyên anh phải bình tâm, phải thanh thản nên anh mới viết được nó như thế này*”. Sau đó, như chúng ta đã biết, bình tâm như Bùi Ngọc Tấn trong “Chuyện kể năm 2000” mà còn không được chấp nhận thì cả văn giới bình tâm làm sao ? Tại sao tôi đòi hỏi một môi trường minh bạch và nói rằng nhà văn cần sự bình tâm ? Bởi vì theo tôi, truyện ngắn của chúng ta dù sao cũng đã có thành tựu nhưng tiểu thuyết mới là cái chúng ta phải vươn tới, tiểu thuyết của chúng ta còn quá vô danh với thế giới. Nhà văn ta còn nợ lịch sử và nhân dân mình nhiều, nhưng để cho nhà văn viết ra được thì cần phải có bầu dưỡng khí đích thực và sự phản hồi cũng đích thực từ phía chính quyền cũng như từ phía độc giả, công chúng. Không nhà văn nào không suy nghĩ khi “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh bị nhiều vị trong hội đồng chấm giải tự phản tỉnh, rút lui ; không nhà văn nào không suy nghĩ khi “Chuyện kể năm 2000” bị ngăn chặn trong im lặng. Và nhiều cuốn khác.

Nhìn sang ông bạn lớn Trung Hoa mới thấy làm nước mạnh sung sướng thật. Nhưng vẫn cứ phải đặt câu hỏi : Cũng cơ chế ấy, cũng mô-típ ban bệ và hành chính ấy sao họ có đủ thứ một cách dễ dàng: Văn học vết thương, văn học sử thi, văn học cập nhật, văn học lịch sử và văn học tung hoành của các cây bút nữ gần đây. Tại sao chúng ta không dám đặt tên cho những dòng văn học, văn học chiến trận, văn học tự vấn, văn học sử thi, văn học vết thương - xã hội nào mà chẳng có vết thương - và cả mảng văn học hội tụ của người Việt ở hải ngoại nữa. Bàn tay ta làm nên tất cả, đó không chỉ là khẩu hiệu suông mà là quyết tâm và nội lực từng có của dân tộc. Nếu chúng ta thực sự muốn tự mình thì chúng ta sẽ làm được : làm tốt một hố ga trên đường, làm văn mình những đoạn phố, làm vững mạnh lương tâm của lớp người được gọi là đầy tớ nhân dân, làm rạng sáng tiếng Việt, làm thanh cao ngành y, làm yên lòng dân chúng. Và trong lĩnh vực văn chương của mình, nếu có gan chịu trách nhiệm với lịch sử, nhất định chúng ta sẽ làm nên những tên gọi khơi thông cho những dòng văn học ồ ạt chảy và rồi quy luật sẽ làm cái việc chọn lọc và đào thải.

Kính thưa các đồng nghiệp !

Ai cũng bảo nhà văn là cá nhân chiến đấu, đại hội không quyết định được gì. Nhưng kinh nghiệm của nhiều năm cho thấy, có hội là có họp và có bầu bán để tìm ra những người gồng gánh việc công. Vậy thì đại hội vẫn luôn luôn là quan trọng và nhiệm vụ chính không phải là nghe tham luận - báo chí có thể góp phần làm việc đó - mà là bàn về công việc của giới mình, của cái Ban chấp hành cũ và mới, những người dù muốn dù không cũng phải chịu trách nhiệm về những gì đã có và không có của 5 năm dài.

Ban chấp hành không phải là những người có khả năng đòi non lấp biển. Ban chấp hành là những hội viên có sự ích kỷ tự nhiên với quỹ thời gian sáng tác của mình và cũng có những quan hệ riêng tư thường nhật. Nhưng khối lượng công việc của họ thật bề bộn, như núi như biển, bởi dù có muốn thừa nhận hay không, họ cũng là những người có thể cổ xúy hay mặc nhiên trước một hiện tượng,

họ có thể khơi dòng hay quay lưng lại với những thế nghiệm, họ có thể minh bạch trong quan hệ in ấn, giải thưởng, kết nạp, cử đi nước ngoài, lãng xê, giới thiệu... mà cũng có thể làm đậm bầu không khí nể nang, nghĩa tình, ban phát làng xã trong văn giới. Thực tế cho thấy, danh tiếng của giải thưởng Hội nhà văn là quan trọng và người đọc vừa thất vọng vừa hy vọng vào nó, thực tế cho thấy danh hiệu hội viên cũng rất quan trọng vì chúng ta may mắn có một dân chúng có truyền thống trọng văn ; thực tế cho thấy các diễn đàn văn chương của Hội nhà văn thì rất quan trọng cho việc làm cho nền văn học nước nhà lung nhùng tại chỗ hay đi nhanh hay tiến vọt. Mà văn học là xương sống của nhiều ngành nghệ thuật khác, ấy là chưa nói nó là chân dung tinh thần của một quốc gia./.

Hà Nội ngày 21/04/2005,

**Dạ Ngân**

### **Vài lời xin được thưa cùng**

Nhà văn Dạ Ngân là một biên tập viên của báo Văn Nghệ, chị ở trong ban Văn, tức bộ phận chủ yếu nhất, trên nguyên tắc có trách nhiệm tuyển chọn truyện ngắn, bút ký, v.v. Nói trên nguyên tắc vì dĩ nhiên nơi giấy hẹp người đông như thế thì ban Văn phải chịu nhiều sức ép là đương nhiên, cũng như tất cả các cơ quan ngôn luận khác. Vậy xin nói thẳng, chị là người của bộ máy.

Chính vì vậy mà đọc bài tham luận của chị người viết mấy dòng này thực sự xúc động. Thì ra một người trong bộ máy ấy đã dám nói ra nhiều nhận xét xã hội cơ bản, mà có lẽ người đứng ngoài đã thấy từ lâu nhưng lời nói không có trọng lượng bằng. Những nhận định như « đạo đức xã hội đi xuống... ô nhiễm toàn diện », những câu hỏi rất bao trùm được đặt ra và được trả lời « có/không » một cách thân thiện và dứt khoát, cho thấy dũng khí trung thực của chị, cũng như việc chỉ trích sự ngăn cấm những tác phẩm thực sự có giá trị nhân bản, nếu không muốn nói là có giá trị nhất của giai đoạn vừa qua, như « Chuyện kể năm 2000 », như « Nỗi buồn chiến tranh ».

Thế nhưng tôi có cảm tưởng chị vẫn muốn bộ máy đó sẽ làm việc tốt hơn, minh bạch hơn, và nói rộng ra muốn cho dân chúng yên vui hơn... để cho những nhà văn được bình tâm hơn mà sáng tác, mà tạo ra những dòng văn học đa dạng như người láng giềng lớn của nước ta đang làm được. Chị vẫn muốn một bộ máy chuyên chính về văn nghệ trong sạch và thông suốt lý tình từ trên xuống dưới.

Thưa chị, hiện tượng ấy chỉ có thể có khi toàn dân có một động cơ rất mạnh mẽ, như thời chiến tranh, sống chết. Còn hiện nay, cái mong ước ấy có phải là ảo tưởng không ? Thưa chị, có lẽ nhà văn nào ở thời đại nào và ở bất cứ đâu, muốn sống chết với nghề đều thật khó. Nhưng cái khó do cả một nền văn chương bao cấp (và do đó tất nhiên nhiều loạn) gây ra là không đáng có. Một hội nhà văn duy nhất do Đảng lãnh đạo và phát lương là chuyện không đáng có. Một cơ quan văn nghệ chính thức như tờ Văn Nghệ là cái không đáng có. Có phải là chính « hội nhà văn » và những người « lãnh đạo » văn hoá văn nghệ đã ngăn chặn những tác phẩm lớn trong thời gian qua không, thưa chị ?

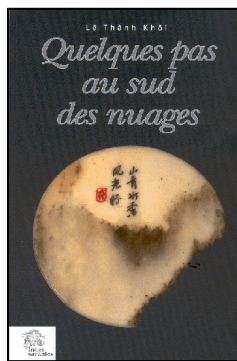
Nhưng dù sao tôi vẫn tin tưởng như chị vào truyền thống trọng văn của người Việt mình, và tin tưởng rằng những tác phẩm lớn vẫn sẽ ra đời, dù có hội nhà văn hay không.

**Hàn Thuý**

Độc sách

Lê Thành Khôi  
*Quelques pas au sud des nuages*

Nxb Les Indes savantes – 2005



Văn Ngọc

Đi về phía nam những đám mây !.. Riêng cái tựa nghe cũng đủ hấp dẫn rồi. Cuốn sách lại được trình bày quá đẹp, nội dung súc tích, phong phú !

Không phải vô tình mà tác giả đã chọn vùng này để du ngoạn, và để rồi viết nên những trang ký sự súc tích này. Đối với một nhà sử học, một nhà văn hoá uyên bác, như anh Lê Thành Khôi, thì Vân Nam không chỉ là một vùng danh thắng, mà còn là một vùng đất có một địa vị quan trọng trong lịch sử các nền văn hoá ở Đông Nam Á.

Nói chung, đọc các tác phẩm về lịch sử và văn hoá của tác giả, người ta học hỏi được rất nhiều. Không phải chỉ về cách nhìn, hay về cách viết (mặc dầu văn phong tiếng Pháp của anh, bao giờ cũng là một mẫu mực về sự giản dị và trong sáng). Con người ta, mỗi người nhìn sự vật mỗi cách, tùy theo cái gu, và trình độ hiểu biết của mình. Và đó cũng chính là cái cá tính, cái quyền tự do, của mỗi người. Tuy nhiên, người ta vẫn có thể học hỏi được ở người khác những cái mà người khác nhìn thấy, mà mình không nhìn thấy, hoặc những cái mà người khác hiểu giống mình, hay khác mình. Chính sự khác nhau trong cách nhìn, trong sự suy luận, của người này so với người kia, cho phép ta có một cái nhìn linh hoạt hơn, thoáng hơn.

Các cụ ta ngày xưa thường bảo : « Đi một ngày đàng, học một sàng khôn », nhưng thực ra các cụ cũng rất ít có dịp đi ! Đến đi ra khỏi làng, khỏi xóm, khỏi tỉnh, cũng đã là một sự hân hữu rồi, còn nói gì đến đi ra nước ngoài !

« Đi sang Vân Nam » hồi đó, đối với các cụ, nghe sao mà xa xôi thế ! Ngay cả đối với người Trung Hoa - theo tác giả - mãi đến thế kỷ XVII, nhờ công lao giới thiệu kiên trì của một nhà thơ, họ mới biết đến vùng này, trước kia vẫn bị coi như một vùng đất xa lạ, nằm ở ngoại vi của nền văn hoá trung nguyên. Những dân tộc ít người, thổ dân của vùng này (hoặc từ nơi khác di cư tới đây trước người Hán), xưa kia vẫn ở nhà sàn, sau dần dần cũng ở

nhà đất như người Hán ; trước kia, họ mặc những bộ y phục đầy màu sắc, sau cũng ăn mặc như người Hán.

Trung Quốc chính thức có 55 dân tộc ít người, nhưng trên thực tế có tới 400 dân tộc. Riêng tỉnh Vân Nam đã có 260 dân tộc rồi. Nói chung, người các dân tộc ở vùng tây-nam Trung Quốc, nằm bên dưới sông Dương Tử, được chia thành 4 nhóm : nhóm Tạng-Miến, nhóm Thái-Kadaï, nhóm Mèo-Dao, nhóm Úc-Á. Họ sống trà trộn với nhau ở các thị trấn, huyện lỵ, mặc cùng y phục ngày thường của người Hán, nên rất khó phân biệt dân tộc nào với dân tộc nào. Chỉ trừ những ca sĩ, nhạc sĩ, nghệ sĩ múa, gặp trong các quán ăn, nhà hát, là còn mặc đồ dân tộc.

Côn Minh, thủ phủ và cửa ngõ của tỉnh Vân Nam, có nhiều ngôi chùa lớn, có ngôi chùa xây từ thời nhà Đường, thờ Phật Quan Âm. Theo nhận xét của tác giả, những ngôi chùa này thường thiếu tính chất khiêm tốn và mộc mạc của những ngôi chùa Việt Nam. Ngược lại, ở đây, người ta còn giữ được những cây cổ thụ, có cây tương vi có niên đại hơn 400 năm, có tượng 500 vị La-hán được tạc từ thế kỷ XIV !

Côn Minh còn là một vùng có nhiều trà. Ở đây, trà trước tiên được sử dụng như một vị thuốc : người ta ăn trà như ăn rau, ăn canh. Người Bạch ở Đại Lý có tục uống trà như sau : trước hết, họ uống một thứ trà đắng (tượng trưng cho những khó khăn ban đầu) ; sau đó, một thứ trà ngọt pha mật, gừng, v.v. (tượng trưng cho các lạc thú của đời người) ; cuối cùng, một hỗn hợp gồm cả hai thứ trà kể trên (tượng trưng cho khi tuổi già, người ta tính sổ cuộc đời). Người ta cho rằng tục uống trà đã lan dần từ vùng tây-nam Trung Quốc lên phía bắc, được đưa vào cung vua sử dụng, và từ đó, công việc trồng trà và hái trà được giao cho phụ nữ trông coi, nhất là người hái trà phải là các cô gái thanh xuân, dậy sớm hái trà trước lúc mặt trời mọc, nếu không trà sẽ mất hương vị.

Dưới thời nhà Đường (618-907), các nhà sư người Nhật Bản sang Trung Quốc học đạo, khi trở về, đã đem theo tục uống trà về xứ mình. Cho tới thời nhà Minh, người ta vẫn uống trà trong những cái bát bằng sành. Thời nay, người ta uống trà trong những chén không có quai, bằng gốm hoặc bằng sứ, bày trên khay, rồi khi rót trà thì chia đều để cho trà trong mỗi chén nóng đều bằng nhau. Pha trà, muốn cho thật ngon, phải pha bằng nước sôi và bằng nước vừa sủi tăm, không được sôi quá, hoặc đun sôi lại hai lần. Ấm, trên nguyên tắc phải là ấm đất nung, đã được dùng nhiều lần.

Đến Côn Minh, thì không thể nào không đi xem rừng đá ở Thạch Lâm và ruộng bậc thang ở Nguyên Dương. Ruộng bậc thang, thực ra không chỉ có ở Vân Nam, Quảng Tây, Quý Châu, mà còn có ở nhiều vùng khác, từ Hy Mã Lạp Sơn đến Đông Nam Á, bắc Việt Nam, Phi Luật Tân, Indonesia.

Cách Côn Minh 10 km, có một bảo tàng của các dân tộc ít người, trưng bày những hiện vật văn hoá của họ, từ y phục, nhạc cụ, cho đến các tác phẩm nghệ thuật dân gian.



Phía nam rừng đá, là nơi có nhiều dân tộc ít người, họ ở quần tụ, hoặc rải rác, do áp lực bành trướng của người Hán. Nhóm người Di (Yi) đông nhất, hơn 4 triệu người. Tổ tiên họ là người Khương (Qiang), từ vùng tây-bắc Tây Tạng di cư xuống đây từ trước công nguyên, rồi sống trà trộn với thổ dân ở đây. Họ có chữ viết từ thế kỷ XIII. Y phục của họ rất phong phú, màu chính là đen và chàm. Nhà ở của nông dân có hai tầng, có mái bằng làm gác sân thượng để phơi phóng.

Người Hơ Mông cũng đông, dân số có tới gần 1 triệu người, y phục của họ rất lộng lẫy, diềm dứa, và có rất nhiều kiểu. Người Hôi ở Vân Nam cũng có trên 550 000 người, họ đến đây từ giữa thế kỷ XIII, do quân Mông Cổ bắt đi theo.

Ở độ cao 1900m, dưới chân một rặng núi cao đến 4000m, là Đại Lý, kinh đô của nước Nam Chiếu cũ, có lúc đã bao gồm cả các tỉnh Quảng Tây, Tứ Xuyên, Myanmar, và miền bắc Việt Nam. Đất này, từ thiên niên kỷ 1 trước Công Nguyên là đất của dân tộc Bạch. Người Di đến sau, cả hai đều thuộc ngữ hệ Tạng-Miến. Người Di thuộc giai cấp quý tộc và nắm quyền lãnh đạo chính trị trong nhiều thế kỷ, cho đến khi nước Nam Chiếu bị tan rã bởi cuộc xâm lăng của quân Mông Cổ vào thế kỷ XIII.

Cái tên « Đại Lý » có nghĩa là giáo lý của Phật. Đạo Phật thâm nhập vào đây từ thế kỷ VII theo ngã Tây Tạng. Có nhiều ngôi chùa xây từ thời kỳ này, nay không còn nữa, chỉ còn lại có ba ngôi tháp nằm soi bóng bên hồ Nhĩ Hải (Erhai), một ngôi cao 70m, một ngôi cao 40m. Bước vào thế kỷ IX, đạo Phật trở thành quốc giáo, vị vua cuối cùng của nước Nam Chiếu, vì quá sùng đạo nên lơ là việc nước, năm 902 bị truất ngôi. Đến năm 938 thì nước Nam Chiếu không còn tồn tại nữa, nhường chỗ cho nước Đại Lý, sau đó, đến thế kỷ XIII thì bị quân Mông Cổ xâm chiếm.

Một trong những điều kỳ lạ về mặt phong tục, là ở Lệ Giang (Lijiang), gần Côn Minh, có dân tộc Naxi, có truyền thống : trong xã hội của họ, không có người cha, và cũng không có cả người chồng ! Tất cả đều do người phụ nữ chủ động, kể cả việc chọn lựa người đàn ông để làm tình với mình. Trong ngôn ngữ của người Naxi, không có tiếng cha. Người phụ nữ có thể ngủ với nhiều người đàn ông khác nhau. Những người con cùng mẹ sống chung dưới cùng một mái nhà, và người ta chỉ biết những người « cha » của chúng là ai, khi nhận ra được những chỗ giống nhau giữa họ với chúng !

Người Naxi, cũng như người Di, gốc người Khương, từ đông-bắc Tây Tạng di cư xuống vùng Lệ Giang từ thế kỷ V, 200 năm trước khi đạo Phật xâm nhập Lhassa. Do đó, người Naxi vừa theo đạo nguyên thủy (thờ thần vật), vừa theo đạo Lạt-ma, lại vừa chịu ảnh hưởng của đạo Lão. Đạo Phật đến sau nhưng cũng đã được họ rất tôn sùng.

Ở gần Lệ Giang có một ngôi chùa nổi tiếng, vì ở đó có cây hoa mẫu đơn 500 năm tuổi. Người ta kể lại rằng, hồi Cách mạng văn hoá, suýt nữa thì cây này đã bị Hồng vệ binh đốn đi, nếu không nhờ có mưu mẹo của vị sư trụ trì

ở đó, đã treo đầy ảnh của Mao lên cây, thế là đám Hồng vệ binh không dám đụng đến nữa !

Tại nhà bảo tàng ở Đại Lý, có trưng bày nhiều cổ vật thời đại đồ đá, nhiều di vật của nước Nam Chiếu, của dân tộc Bạch : nhà ở, y phục, dụng cụ nhà nông, nhạc cụ, v.v. Ở đây, còn có bức hoạ nổi tiếng, nguyên bản nằm ở Bảo tàng quốc gia Đài Loan, dài 15m50, vẽ vào những năm 1173-76. (Nhân vật họ Đoàn, vua nước Đại Lý - mà ai đã đọc chương của Kim Dung đều biết - là một nhân vật không hoàn toàn bịa đặt. Dòng vua Đại Lý họ Đoàn đã trị vì từ năm 937 đến năm 1382).

Dân số người Bạch ở Vân Nam có khoảng 1,6 triệu người, trong số đó 80 % sống trong vùng tự trị ở Đại Lý. Người Bạch có tên gọi như vậy là do y phục màu trắng của họ, đặc biệt là phụ nữ mặc áo cánh trắng, trên mặc một chiếc boléro màu đỏ, eo bó lại bằng một chiếc thắt lưng thêu mô-típ cũng màu đỏ. Mũ bằng vải trắng thêu, trang trí bạc. Con gái chưa chồng đội mũ có vành tròn màu đỏ, đỉnh mũ có tua rơi xuống tận vai.

Nói về lịch sử vùng Vân Nam, tác giả không quên nhắc đến giai đoạn phồn thịnh của nền văn hoá đồng thau của các dân tộc Đông Nam Á, nói chung, kịp đến khi người Hán thôn tính nước Nam Việt (vùng Lương Quảng ngày nay) vào năm 111 tr.C.N., rồi Mân Việt (Phúc Kiến, Chiết Giang) vào năm 110 tr.C.N., Quý Châu và Đại Lý vào năm 109 tr. C.N. Nguyên nhân của cuộc chinh phục các vùng đất ở phương nam này là để mở đường thông thương với Ấn Độ và với phương tây. Trước đó, Hán Vũ Đế cũng đã biết có một con đường nối liền Quảng Đông với Tứ Xuyên, băng qua Quý Châu.

Người Hán tự coi mình là trung tâm của thiên hạ (*Trung Hoa, Trung Quốc, trung nguyên*), và coi các dân tộc ở xung quanh là man di. Suốt trong 3000 năm, họ tự gán cho mình nhiều phát minh thực ra là của các dân tộc khác. Những phát hiện gần đây của ngành khảo cổ học cho biết lựa không phải là do người Hán phát minh ra (theo truyền thuyết bà vợ vua Hoàng Đế dạy cho phụ nữ Trung Hoa nghề kéo kén), mà là do một dân tộc ở vùng Chiết Giang chế tạo ra trước tiên. Năm 1958, ở gần Hàng Châu (Chiết Giang), người ta đã khai quật được một cái rổ trong đựng lụa, niên đại khoảng 3500-2000 tr. C.N. - (Người ta biết rằng, nền văn minh Trung Hoa xuất phát từ lưu vực sông Hoàng Hà, nơi có các thành cổ An Dương, Lạc Dương, và các tỉnh Sơn Đông, Sơn Tây, Hà Nam, Hà Bắc, v.v. Mãi đến cuối thời Xuân Thu (700-476 tr. C.N.), khi nông nghiệp phát triển, người Trung Hoa mới xuống tới miền nam sông Dương Tử. Vùng này sau được gọi là Hoa Nam ; vùng ở phía bắc sông Hoàng Hà gọi là Hoa Bắc - chú thích của V.N.) .

Cách đây 50 năm, nhờ ở những cuộc khai quật khảo cổ học ở vùng Quảng Tây, người ta đã khám phá ra người cổ Hoa Nam, rất gần với người cổ Java, và người ta cho rằng vùng Hoa Nam đã có quan hệ lâu đời với nền văn minh của các dân tộc Đông Nam Á.

Ở Vân Nam, có những gốc trà có niên đại tới hàng 1000 năm. Người Hán có thể chỉ biết đến trà từ thời Tam

Quốc (220-265), khi Lưu Bị đóng đô ở Thành Đô (Tứ Xuyên). Khi đó, người dân địa phương chỉ dùng trà như một vị thuốc, hoặc ăn như ăn rau, ăn canh. Sau đến đời Đường, uống trà mới trở thành một cái thú tao nhã, thậm chí một nghệ thuật.

Những phát hiện khảo cổ học từ 50 năm nay ở địa điểm lưu vực sông Hoàng Hà và sông Hoài, cho thấy có nhiều nền văn hoá đã tồn tại cùng một lúc ở đây, trong đó có nền văn hoá Hán. Đương nhiên, các nền văn hoá này đã có những ảnh hưởng qua lại lẫn nhau. Ngay trong ngôn ngữ cũng thấy có hiện tượng này. Chữ *giang*, trong Dương Tử giang, chẳng hạn, gốc không phải là chữ Hán, mà là Đông Nam Á : đó là chữ *klong* trong tiếng Thái, *sông* trong tiếng Việt, *krong* trong tiếng Bahnar, Xơđăng.

Người Hán gọi « Bách Việt » là những tộc người sống ở phía nam sông Dương Tử. Nước « Việt » là một trong những nước xuất hiện dưới thời Đông Chu (thế kỷ VIII-IV tr. C.N.) ở vùng Chiết Giang. Dân tộc Lạc Việt chính là tổ tiên của người Việt Nam ngày nay.

Ở một động đá ở Hồ Nam, người ta đã phát hiện ra dấu tích của lúa, có niên đại 12 000 năm. Ở vào cùng thời điểm đó, kê cũng đã xuất hiện ở vùng lưu vực sông Hoàng Hà. Theo tác giả, thì chính người Hán đã học cách trồng lúa của người « Việt », nhưng cho tới thế kỷ VI họ vẫn chưa biết « cấy », chỉ biết gieo, trồng ở đâu, thì gặt hái ở đấy mà thôi. Từ thời nhà Tống (1012), giống lúa Chiêm được nhập từ Champa, cho phép một năm gặt hai lần.

Cũng theo tác giả, người Hán sở dĩ chinh phục và Hán hoá được các dân tộc ở xung quanh, chính là nhờ ở chữ viết của họ, xuất hiện vào thế kỷ XIV tr. C.N. Tác giả đã giải thích một cách thuyết phục hiện tượng này và vai trò của chữ viết, nói chung, trong vấn đề văn hoá và giáo dục.

Văn Ngọc

## Tìm đọc HỌP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

18939 Magnolia Ave, Fountain Valley, CA 92708 USA  
Tel (714) 965-4651 • Email : hopluu@saigonline.com  
<http://www.hopluu.org/>

- ♦ nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong nước và ngoài nước
- ♦ nơi gặp gỡ những tâm lòng tha thiết với văn học Việt Nam

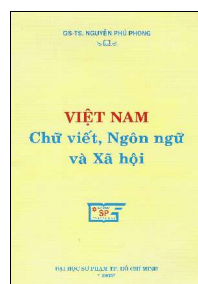
đại diện tại Âu châu : Mme Nguyễn Thị Xuân Sương  
60 Av. Romain Roland, F-93200 Saint Denis France  
Tel : 33 (0) 1 48 27 13 45

## điểm sách

(tiếp theo trang 3)

còn mang tựa đề là câu nói của Henry Kissinger khi quân đội Sài Gòn bỏ chạy khỏi Đà Nẵng : « *Why don't these people die fast ?* » (Sao chúng không chết phứt cho rồi ?).

Chỉ một chi tiết này cũng cho ta hiểu mục đích (hay hệ quả khách quan) của cuốn sách là tố cáo vai trò của Kissinger (hay đúng hơn, của phe chính quyền Mĩ mà Kissinger là người đại diện) trong việc « bỏ rơi đồng minh ». Chữ đồng minh (dùng trong cả tựa đề cuốn sách) này không ôn lả, dù nó được dùng để chỉ chính quyền Washington hay chính quyền Việt Nam cộng hoà. Chính ông Hưng đã nói tới "bài học chính trị khá phũ phàng" học được vào một tối hạ tuần tháng 3-1975 khi được đọc những thư từ của tổng thống Mĩ Richard Nixon (Hồ sơ mật Dinh Độc Lập), trước đó ông "cứ tưởng" lãnh đạo các "cường quốc" luôn luôn dùng "ngôn ngữ ngoại giao", "nếu cần đe dọa thì sẽ dùng một thứ ngôn ngữ gián tiếp nào đó, chứ đâu có 'nói toạc móng heo'". Khôn nổi, khi quan hệ "đồng minh" ngoài mặt phải lột trần thành quan hệ chủ-tớ thì 'nói toạc móng heo' là ngôn ngữ chính xác, minh bạch nhất. Giá trị lớn của cuốn *Khi đồng minh tháo chạy*, nói tóm lại, nằm ở phần phụ lục, gồm những trao đổi thư từ giữa Nhà Trắng và Dinh "Độc Lập" từ 1972 đến 1975. Những ai còn muốn nghĩ rằng chiến tranh Việt Nam chủ yếu là một cuộc nội chiến hay chiến tranh "uỷ nhiệm" thì không nên đọc cuốn này. "Nội chiến" gì khi *mọi chủ trương* của một phía đều được quyết định ở Nhà Trắng. "Uỷ nhiệm" (đánh thay) thì Mĩ đánh thay cho ai ? Người viết chỉ xin nhắc lại một điểm cơ bản, tuy vẫn nghĩ rằng *cuộc chiến tranh giành độc lập và thống nhất của Việt Nam hàm chứa những yếu tố nội chiến và bị quy định nặng nề bởi cuộc đối đầu giữa hai phe cường quốc*. Nhưng để thấy rõ các mặt cơ bản và kích thước thứ yếu, tác động qua lại giữa chúng, phải có những công trình nghiên cứu sử học khách quan, độc lập, tác giả viết ra không phải để biện minh, hay "ân oán giang hồ" với người này phe nọ.



Nguyễn Phú Phong

VIỆT NAM

*Chữ viết, Ngôn ngữ và Xã hội*

Đại học Sư Phạm TP HCM, 2005

Trong vốn vẹn 140 trang, nhà ngôn ngữ học Nguyễn Phú Phong cho ta một tổng quan về quá trình từ *chữ nôm* sang *chữ quốc ngữ*. Chương 1 so sánh hai thứ

chữ. 8 trang về chữ nôm, tuy ngắn, nhưng cho ta hiểu rõ cấu trúc của chữ nôm. Cuốn sách tập trung nói về tới những khía cạnh gắn liền với tiến trình của chữ quốc ngữ từ thế kỉ 16 đến tiểu thuyết Tô Tâm (1925) và "mối tình Quốc Văn giáo khoa thư", một lịch sử khá kì lạ. Quốc ngữ là một tên gọi sai từ đầu chí cuối : *Quốc* ư ? Thật ra lúc đầu người ta gọi đúng là *tây quốc ngữ*. *Ngữ* gì ? Đây là chữ viết (*tự*) chứ đâu phải là *ngôn ngữ*. Ấy vậy mà từ một thứ chữ viết bị áp đặt, nó đã trở thành vũ khí giải phóng và phát triển văn học.

KIẾN VĂN

Nguyễn Huy Thiệp

## Bài học tiếng Việt

Đề tưởng nhớ V.T.P.  
"Ta như chim, tiếng Việt như rừng"  
(Luu Quang Vũ)

Vũ lên xe điện ở ga Cầu Mới. Chàng vào thành phố để dự bữa tiệc mừng nhà mới của người bạn quen tên là Hoàng. Chàng rất ít khi đi dự những buổi tiếp tân thế này. Đây là trường hợp đặc biệt.

Vũ là nhà văn, nhà tiểu thuyết danh tiếng. Chàng mới hai mươi năm tuổi. Khi người ta còn trẻ, lại danh tiếng chắc hẳn cuộc đời đẹp lắm ?

- Cũng đẹp... cũng đẹp - Vũ mỉm cười và lẩm bẩm như thế. Không có lý do gì người ta lại đi phi báng cuộc đời, coi nó là xấu cả. Mà em... Vũ xua đuôi hình ảnh một cô gái ra khỏi óc mình. Chàng nghĩ đến những cuốn sách sắp viết... Khéo không mà lao碌...

Công việc của nhà văn là gì ? Vũ nhiều lần tự hỏi ? Chàng không bao giờ có thì giờ nghĩ về điều đó cho thấu đáo. Phải hai mươi năm nữa, phải năm mươi tuổi. Chàng biết thế... Nhưng chàng không biết rằng trước mắt chàng chỉ còn có hai năm nữa mà thôi. Đây là định mệnh của chàng ! Đây là số phận của chàng ! Chàng đã hứa với Thượng Đế hãy dành cho chàng hai năm để chàng viết ra một cuốn sách thật ra trò. Sống lâu cũng chẳng để làm gì !

Vũ cảm thấy chàng là một "nhà ngôn ngữ" hơn là một nhà văn. Chàng yêu tiếng Việt. Không ! Không phải tình yêu. Chàng thích sự chính xác của từ ngữ : chính xác về tình cảm, về cấu trúc, tóm lại là nghệ thuật. Chàng sung sướng nếu người ta gọi chàng là người viết ra được những quyển sách tiếng Việt hay nhất. Cũng không để làm gì... nhưng mà như thế sẽ lý thú chứ ? Mà em...

- Cố gắng đi tìm bản chất - Vũ lẩm bẩm - Cũng không để làm gì ? Để xác định một trạng thái ư ? Một tình cảm ư ? Một cách ứng xử ư ? Quá ư tầm thường ! Mà vô nghĩa...

Hay là nhịp điệu ? - Vũ lại bần khoản tự hỏi. Chàng biết rằng vũ trụ kia hỗn độn vô minh, trái đất chúng ta quá bé nhỏ, con người quá bé nhỏ... Văn học không phải là tất cả. Không nên quá coi trọng văn học. Văn học chỉ là từ ngữ. Như những ngọn gió... Thế còn lương tâm ? Nhưng sao lại đi bần khoản điều đó làm gì ? Hai trong vô số những cửa ải, những vấp vắn mà nhà văn phải đối đầu là đạo đức và chính trị... Nghĩa là lương tâm. Rồi đến gì nữa ? Rồi đến tiền... Cũng không phải thế. Sống thôi ! Vũ mới hai mươi năm tuổi mà ! Chàng còn trẻ tuổi.

Vũ biết chàng là một trong những nhà văn tiên phong ở Việt Nam. Ở Việt Nam người ta mới viết tiểu thuyết, làm thơ, làm báo chừng mười năm nay. Ở đây gần như chưa có văn học. Một vùng đất trống. Không sao cả. Văn học

còn trẻ tuổi, chàng còn trẻ tuổi. Nghĩa là chàng còn vô vàn những khám phá, những ngạc nhiên và cơ hội. Chàng sẽ viết ra những phát kiến của chàng về tâm hồn người dân Việt, giống như nhà thám hiểm địa lý đi lên Bắc cực viết về loài gà gô trắng hay chim cánh cụt.

Vũ đưa mắt nhìn ra cửa sổ xe điện, Hà Nội đang vào xuân. Mưa nhỏ. Hà Nội như nhóp và nghèo xác. Không phải cái nghèo thông thường : nó là cái nghèo vô lối, dị mọ, không đâu có. Tất cả đòi hỏi phải khai hóa, phải học hỏi từ đâu. Ôi cái đất nước Việt Nam, cái cộng đồng người Việt Nam khốn khó của chàng ! Sao ánh mắt người Việt nó nhanh thế kia ? Nó u ám thế kia ? Bọn gian dối và dâm dăng ! Bọn con hoang ! Điều cần nhất là sự lương thiện và lòng nhân ái thì các người coi kinh ! Không ai dạy dỗ, chỉ bảo, khai hóa cho các người cả. Các người đi nhạo báng các bậc thầy ! Vật dụng ư ? Đáng lẽ là tôn giáo thì là vật dụng. Rồi các người sẽ phải trả giá cho sự ngu dốt của mình.

- Thưa ông, ông cho tôi hỏi, hôm nay là ngày thứ mấy hả ông ?

Một người khách đi xe điện hốt hoảng hỏi Vũ. Chàng giật mình, chàng trả lời :

- Hôm nay là ngày thứ bảy, ông ạ.

- Chết ! Đã thứ bảy rồi ư ?

Vũ gật đầu. Tất cả sẽ rối rít cả lên, sẽ ân hận, sẽ cuống quýt khi những cái mốc tận thế theo nhau lũ lượt kéo đến : ngày cuối tuần, tháng cuối năm, cuối tuổi xuân, cuối đời, cuối thế kỷ. Khi Thượng Đế hào phóng ban cho chúng ta sự sống thì chúng ta đã coi thường nó thế nào, đã phạm nó thế nào ! Rất nhiều người Việt đã sống mà như chết vậy...

Khi Vũ coi văn học là một phương tiện để chàng khám phá cuộc sống, khám phá mình, khám phá xã hội... chàng bỗng chợt nhận ra bản thân mình, mọi người, cả xã hội xung quanh đều có vẻ yếu đuối và không thành thật. Mạnh mẽ và thành thật... Rất khó đấy, các bố ạ, các vị... Điều ấy văn học không làm được, nó chỉ phát hiện ra thôi. Văn học Việt Nam, ngay buổi sơ khai của nó, giống như một đứa trẻ nhỏ phải làm những việc quá sức, những việc không ra gì, thậm chí phải làm việc chính trị là thứ việc cần nhiều phương pháp ứng đối khôn ngoan. Người ta chú ý đến bộ mặt bên ngoài hơn nội dung bên trong. Người ta soi gương, ngắm nghía, chau chuốt cho bộ mặt mình : nào cạo râu, nặn trũng cá, tia lông mày ; các cô gái bôi son... Người ta chú ý thái quá đến bộ mặt bên ngoài, nói nhiều đến con người xã hội hơn con người tự nhiên. Người ta đã " lịch sự " đã " chính trị ", đã đạo đức giả, đã cố ý lờ đi cái ấy : con người tự nhiên, kẻ thành thật nhất, trung hậu nhất, ngang bướng và ương ngạnh. Vũ trân trọng gọi con người tự nhiên ấy là " ông lớn ". " Ông lớn " còn có ông nhỏ gọi là " ông b... ". Hãy lắng nghe ông ta ! Đây là bậc thầy của trực giác. Ông ta có luật chơi riêng chi phối tính cách con người, thậm chí số phận con người. Ông ta mới là trung tâm thần kinh, mới là trí tuệ. Hoàn toàn không phải đầu óc mà là đầu b... Người ta đã tôn vinh một vị nguy quân tử đẹp mã mà quên đi vị quân tử thực : bái vật tổ đại phu, nhà chiến lược...

Xe điện đi từ Cầu Mới, qua áp Thái Hà, đỗ ở Giám (Quốc Tử Giám) hơi lâu để tránh tầu đi Cầu Giấy. Vũ thì

tay lên thành cửa sổ. Hà Nội lướt qua dưới mắt chàng. Chàng sợ thành phố này rồi sẽ mất đi những kỷ niệm, sẽ mất đi những vẻ đẹp nên thơ êm đềm của nó. Có thể cả tuyến xe điện này cũng sẽ mất đi. Cũng không hề gì... Bởi cuộc sống vốn là như thế. Kia nước chảy dưới cầu. Kia sông trôi ra biển. Bao nhiêu giá trị đều là vô nghĩa. Ôi ôi, sao chàng lại đi nghĩ ngợi như một người bạc nhược, sớm chán nản mọi sự thế này ? Mà em... Bao nhiêu kỷ niệm trong đời...

Nỗi chán chường âm i... Sự bất lực đương nhiên... Những cái ấy tấn công chàng, từng tí một, từng ngày một, dai dẳng. Chúng ta đang suy đồi. Vũ bực mình vì chàng chỉ có một cuộc sống mà xung quanh chàng toàn người ích kỷ lắm le muốn ăn thịt chàng, muốn chia máu, chia thịt của chàng. Chàng không thể chia máu chia thịt của chàng cho ai, có muốn cũng không làm được. Chàng cũng ích kỷ. Chàng cũng chỉ có một cuộc sống thôi, một dấu vết thôi. Chàng tìm cách nhào lên nhiều lần. Đây là văn học. Một phép nhân ảo thuật. Văn học cũng là sự cùng quẫn, cũng đầy dối trá và nguy tạo. Tóm lại, văn học cũng chẳng ra gì.

Khi quan sát con người, Vũ đau đớn khi chàng chỉ toàn nhận ra những nét súc vật ở con người. Ở đám người trẻ, đây là bộ móng, cặp đùi, ánh mắt ráo hoảnh. Nhục thể, toàn là nhục thể. Ở đám người già, đây là sự hư hoại tinh thần, những mảng tóc rụng, những hàm răng giả, những " tư tưởng " ... Vũ sợ đám người già, do sự bất lực của chúng, sự yếu đuối của chúng, nỗi sợ hãi cái chết, những mong muốn " yên ổn " đã ngấm khùng bố toàn xã hội bằng các đạo pháp, gia pháp, các quy định luật lệ và nghĩa vụ. Những quy định giới luật cũng là sự bất lực của giáo dục đối với tính chất súc vật của con người tự nhiên. Con người tự nhiên vốn dĩ vô luân, nó tự do.

Xe điện đi ngang qua Cửa Nam, qua phố Hàng Bông, phố Hàng Gai. Vũ xuống xe điện ở đầu Bờ Hồ. Một cô gái mặc váy rất ngắn đứng che khuất tầm mắt nhìn Tháp Rùa. Cặp đùi rất khỏe. Vũ rung mình, cặp đùi rất khỏe và đáng thương như ở một lực điền. Trong văn học, sự phô diễn " đạo đức nhà văn " đôi khi cũng giống ở cô gái mặc váy rất ngắn kia... Chỉ có tôn giáo, bởi sự nghiêm ngặt của hệ thống nghi lễ và sự mực thước kinh điển, là được phép bàn về đạo đức mà không lộ bịch, không gợn hoài nghi. Còn ở mỗi chúng ta, chúng ta chỉ nên cầu nguyện.

Vũ chậm rãi đi qua phố Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Đường... Đây rồi, bên trái, nhà số chẵn.

Bữa tiệc mừng nhà mới của Hoàng có khá đông khách. Thấy có các vị tri huyện, tri phủ, nghị viên... Giới văn chương nghệ thuật cũng đều là những tay có tên tuổi, có máu mặt. Hoàng lấy con gái một vị quan to. Hoàng đã đi du học ở Pháp. Hồi nhỏ, Hoàng và Vũ đều học một trường. Nghe nói, Hoàng có dính líu đến những vụ buôn lậu mờ ám, dính líu đến cả buôn lậu ma túy và vũ khí.

Vũ được vợ chồng Hoàng đón tiếp nồng nhiệt. Hoàng giới thiệu Vũ với những người quen :

- Thưa các ông, thưa các bà... Đây là nhà văn danh tiếng, một người trẻ tuổi, một Vic-to Huy-gô ở Việt Nam ? Vàng ! Đã được cụ Tản Đà khen ngợi... Ông Vũ mới hai mươi nhăm tuổi, bằng tuổi tôi, nhưng ông Vũ dí dỏm hơn nhiều...

Hoàng mỉm cười. Hoàng rất tự chủ ở chốn quan trường và nơi đô hội. Vũ biết Hoàng giàu tiền của, nhiều thế lực, bản thân Hoàng cũng có học vấn khá cao.

- Hấn đang chia máu, chia thịt của ta cho các bạn mình - Vũ thấy vui vui khi đi theo Hoàng. Ngay từ nhỏ, Hoàng đã lịch lãm hơn chàng. Hấn không bao giờ cô đơn... Điều quan trọng nhất là hấn không bao giờ cô đơn. Vậy thì hấn mạnh hơn ta hay hấn đã bản thiêu hơn ta ? Không biết !

Hoàng có vẻ biết rõ và tự chủ ở trong trò chơi. Hoàng ghé vào tai Vũ nói nhỏ :

- Hãy cười lên, thằng chó ! Mi không dung được người ta thì người ta dung mi sao được ? Hãy để ta giới thiệu mi với em vợ ta... Con ngốc đó vốn hâm mộ mi...

Hoàng dẫn Vũ đến chỗ vợ Hoàng ngồi giữa đám các cô, các bà. Vợ Hoàng tên là Yến.

- Chào anh - Yến đưa tay ra - Anh dạo này thế nào ?

- Tâm trạng tôi không được tốt lắm - Vũ lúng túng trả lời.

- Anh thì bao giờ có tâm trạng tốt đâu - Yến mỉm cười ý nhị.

- Đúng đúng... - Vũ đỏ mặt lên. Mọi người cùng cười.

- Đây là em gái tôi, - Yến giới thiệu với Vũ. - Cô ấy tên là Hồng, cô ấy vốn có đọc anh, rất khâm phục cách kể chuyện của anh. Cô ấy khen anh thông minh sắc sảo.

- Chao ôi, sao không ai đi khen ta lương thiện mà chỉ đi khen ta thông minh sắc sảo mà thôi ? - Vũ tê tái nghĩ. Bản tính Vũ lương thiện, chàng luôn luôn giữ mình lương thiện, mọi suy nghĩ của chàng đều hướng về sự lương thiện. Chàng đã đại dột bày tỏ lên trang giấy những nhân vật thông minh sắc sảo mất rồi. Chàng đã bị người đời đánh đồng chàng với các nhân vật của mình. Chắc chắn, dưới mắt người đời, chàng hấn là một quái vật ghê gớm.

- Thưa ông... em hình dung ông là một người khác thế này. Ông cô đơn... có phải không ạ ? Ông lại kiêu ngạo nữa... có phải không ạ ?

Vũ nhìn kỹ đôi tay để trần của cô gái. Đôi tay rất đẹp, chắc hẳn ngày xưa Kinh Kha khi nhìn đôi cánh tay vũ nữ cũng thờ dài y hệt Vũ đây.

- Tráng sĩ... Hề...

- Ông ấy vẫn y như cô hình dung đấy chứ ! - Hoàng cười. - Vậy cô có muốn làm thành món đồ hiến tế cho nền văn học Việt Nam hay không ?

- Không... em chẳng dại. Tương lai em sẽ là một bà tri huyện...

- Chúc mừng cô... Vậy cô là người đứng đắn lương thiện...

Tiếng cười lại ran lên vui vẻ. Vũ quay mặt về phía cửa sổ. Chàng chẳng lạ gì lối đối thoại sắc sảo hóm hình kiểu phòng khách thế này. Người Việt Nam bắt chước lối sống phù hoa ở bên ngoài rất nhanh, rất khéo.

Hoàng bỏ Vũ ở lại để ra chào khách. Bây giờ Vũ mới có dịp nhìn kỹ hai chị em Yến, Hồng.

- Cũng đẹp... cô chị đẹp hơn cô em. - Đây là ý nghĩ đầu tiên của chàng. " Nơi người đàn bà tất cả đều là ân nghĩa ", Vũ chợt nhớ đến nhận xét của một triết gia. Thực ra, toàn

bộ những bí mật của thế giới này loanh quanh cũng chỉ ở một vài dạng thức cơ bản mà thôi : âm dương, thiện ác, trước sau, phải trái, đúng sai, xấu tốt, trẻ già, trên dưới... Con người mãi mãi vướng vào các sợi dây của những mối quan hệ không cân bằng, tất yếu sẽ nhầm lẫn và rồi bong bong. Sự nhầm lẫn chồng chéo lên nhau, khiến con người mãi mãi bất khả tri, mãi mãi vô minh.

- Thưa ông, khi ông viết truyện, ông nghĩ đến ai trước nhất... Độc giả ư ? Hay là ông ? Hay là một người phụ nữ nào kia ?

- Nếu là một người phụ nữ được thì tốt quá... Vũ trả lời - nhưng không phải lúc nào cũng như thế cả. Ở tác phẩm đầu tay thì tôi nghĩ đến mẹ tôi.

Mọi người ô lên ngạc nhiên như vừa phát hiện ra một điều gì có ý nghĩa lắm, cao cả và lương thiện lắm.

Vũ đỏ mặt, chàng đã nói dối. Không phải là mẹ. Chàng đã diễn đạt không đúng với tư tưởng của chàng. Đây là chàng muốn được như thế mà thôi. Hình ảnh mẹ với chàng thật xa vời. Chàng chỉ thương mẹ thôi. Mẹ chàng không biết chữ. Chàng nhớ rằng khi viết tác phẩm đầu tay, chàng chỉ nghĩ đến tiếng Việt, chàng cũng chỉ a dua học đòi các nhà văn trước chàng, không phải cụ thể một ai nhưng có lẽ là một tay cùng hội cùng thuyền nhớ nhãng có tài dân lối đưa đường. Thường thường, đây chỉ là một tay nhà văn hạng xoàng. Chúng ta biết rằng những tay cánh sát chỉ đường phần lớn chỉ là những tay đeo lon hạ sĩ. Khi chàng bước lên con đường danh vọng, chàng nhớ đã không có bóng dáng một người phụ nữ nào nâng đỡ hoặc cản đường chàng. Lúc ấy chàng là một gã trai trong trắng và ngốc nghếch. Lúc ấy chàng nghĩ rằng trong văn học hẳn chứa ẩn sự lương thiện hoặc một cái gì đó cao nhã, không phạm tục, có khả năng nâng đỡ con người. Chàng hân hoan vì vẻ đẹp của ngôn từ, của tiếng Việt, những âm thanh trong lòng chàng cứ thế ngân lên, hoặc là minh triết hoặc là ngông nghịu, nhưng tất cả những ngôn từ ấy đều lương thiện và trong trắng. Chắc chắn là thế, dĩ nhiên là thế. Chàng thấy con người thật đẹp mà đời thật đáng sống. Chàng thấy yêu mình vô cùng, chàng như một con chim non vừa phát hiện ra đôi cánh của mình : nó bay lên trời xanh, nó ngã xuống, nó cười khúc khích, nó lại bay lên, cứ như thế. Con chim non cứ bay lên cao, cao mãi...

- Thưa ông... Điều gì quan trọng nhất đối với nhà văn ?

- Không có điều gì quan trọng cả. Điều cần nhất là phải bảo vệ mạng sống của mình giống như một tay buôn lậu hay tù sống. Ta phải chăm sóc bản thân ta như chăm sóc cái cây... Phải bắt sâu, nhổ cỏ... phải tía cành... Rồi kiên trì sống, từng ngày một. Nuôi dưỡng một ý chí nào đó hướng về phía ánh sáng và sự lương thiện... Hình như đó là tôn giáo - Vũ lúng túng, chàng không thể nói to ra những ý nghĩ của mình như thế. Có nói cũng không ai hiểu cả. Bất khả tri... Chàng cũng chỉ lờ mờ hiểu rằng chàng đang đi trên một con đường chông gai gian khó nhưng chàng đang đi đúng đường. Chàng mò mẫm, dò từng bước chân nhưng cơ bản là khá chính xác trong cái đầm lầy đó, trong cái cõi hỗn độn, trong đêm tối vĩnh cửu, vừa chông chênh, vừa phù du hư ảo lại vừa nguy hiểm chết người. Ôi ôi, có lẽ chỉ có tình yêu thôi, thứ rượu mạnh ghê gớm, liều ma túy say sưa túy lúy mới có thể kích thích được chàng lúc

này, khiến cho chàng lãng quên bao nhiêu hệ lụy ở đời để sống với cá nhân mình ở trong chốc lát. Nghệ thuật nói chung, trong đó có văn học, giống như rượu mạnh hay ma túy (nhiều khi nó có khả năng thay thế rượu mạnh hay ma túy) là một trong những thứ hiếm hoi ở đời may ra còn tạo được đôi chút khoảng trống cho cá nhân con người - cái góc u tối và khuất nẻo, nơi giấu một ít của cải có thực tên là... Vũ không muốn nói ra tên của bí mật đó. Mà em... Chàng sẽ nói ra điều bí mật đó vào giây khắc cuối cùng...

Bữa tiệc đã được dọn ra và rượu sâm-banh nổ bôm bốp. Hoàng cầm ly rượu đi chạm ly với từng người một, Vũ lại được Hoàng giới thiệu một lần nữa với đám quan khách, trong đó có cả mấy vị quân nhân và công chức ngành thuế vụ.

- Thưa ông Vũ, so với chúng tôi, công việc của ông cao nhã hơn nhiều....

- Thưa ông, tôi không dám...

Vũ cảm thấy chàng như đang bị si nhục, chọc ghẹo hoặc nhạo cợt. Việc đi tìm ý nghĩa cuộc sống và những bản khoản của chàng về hạnh phúc giữa đám người này có vẻ tầm phào, quá ư lạc lõng, ngược đời. Giá vàng lên xuống ở đây quan trọng hơn, ông nợ ông kia mất chức quan trọng hơn... Vàng... Các món hời... Bà chị có một vạn quan... Bác Tham vừa mới xây nhà... Cậu Tú vừa đi du học...

- Tất cả bọn người này đều sinh động, say sưa hăng hái, thậm chí cuống cuống... họ ngộ nguậy không mệt mỏi... Đời là chiến đấu... Đời là sân khấu... hoặc anh là đe hoặc anh là búa... Dô đi... Nhào dô... Xả láng. Hay là họ đúng ? Hay là ta sai ? Mà tiền bạc ở đâu ra lắm thế ?

- Thưa ông Vũ, xin ông đừng nghĩ ngợi nhiều. - Hai chị em Yến, Hồng kéo Vũ đi ra một góc. - Chỗ này không hợp với tạng của ông đâu ! Đám người phạm tục chúng tôi chỉ đuổi theo sự hào nhoáng... Xã hội kim tiền mà ! Ông là thi sĩ, nhà tiểu thuyết... Mối quan tâm của ông là tâm hồn con người... Có phải không ạ ? Vậy thưa ông, tâm hồn người ta là cái gì vậy ?

Vũ phì cười. Giống như một công án Thiên tông. Chàng nhớ có nhà văn từng nói rằng tâm hồn không thể sống thiếu những trò phù phiếm và trò chơi vui, tâm hồn giống như con thú, nó lúc nào cũng đói, khi thiếu thức ăn là nó xé xác các tâm hồn khác, cuối cùng thì nó tự xé xác mình.

Vũ diễn đạt điều đó cho hai người đàn bà nhưng họ không hiểu. Vũ bực mình vì trong tiếng Việt không có cách chi, không có từ ngữ nào có thể biểu đạt được trạng thái và ý nghĩa của thứ mà Vũ gọi là " tâm hồn ". Lần đầu tiên, Vũ nhận ra tiếng Việt có phần nghèo nàn khi biểu lộ những nội dung, khái niệm trừu tượng.

- Tâm hồn là một trạng thái khởi động hoặc ngoi nghỉ - Vũ lúng túng giải thích và chàng cũng không tin lắm với lối giải thích của chàng. Như ở phương Tây, trên đường giao thông có những đèn báo hiệu chỉ đường... Đèn xanh, đèn đỏ ứng với sự thuận nghịch. Ở đây không có tâm hồn vì nó đương nhiên là thế, nó là sự khẳng định đã rồi. Trạng thái trung gian của đèn vàng mới đáng kể : nó mờ ám, vừa khẩn trương, lại vừa quyết liệt. Hoặc là thế nọ hoặc là thế kia, ở đây sẽ có trạng thái mà ta gọi là "tâm hồn"... nó lựa chọn, khởi động và ngoi nghỉ... và theo tôi,



bao giờ nó cũng lựa chọn sự bảo thủ, vì con người vốn bảo thủ... con người nào có tâm hồn đều rất yếu và bảo thủ... Họ luôn hoài nghi, ngờ vực lòng mình.

Vũ thở dài. Chàng có vẻ loanh quanh và thiếu lương thiện.

- Thưa ông, chúng tôi chẳng hiểu ra sao nữa cả... có thể ông muốn nói đến sự ân ái hay ngoại tình chăng? Ông có bị sốt hay không? Ông có bị mê sảng hay không? Sao mặt ông tái đi như thế? Ông cho phép tôi xem nhiệt độ ở trán ông thế nào?

Vũ phì cười. Chàng cũng không hiểu tại sao người ta lại đi liên tưởng đến trò ân ái hoặc vụng trộm. Chẳng lẽ sự đời oái oăm đến thế kia cơ? Tiếng Việt quả thực là thứ ngôn ngữ dễ gây nhầm lẫn.

Yến đặt tay lên trán Vũ và chàng bỗng nhiên như bị kích động. Cũng không phải hoàn toàn kích động mà có phần nào giống với tâm trạng của kẻ chán đời, của người nhận được ra lẽ hư vô ở trong sự sống, sự vô nghĩa vô vắn của các trò đời, cũng như sự bất lực của chính mình. Vũ cầm lấy bàn tay Yến đặt trên trán chàng bóp nhẹ, Vũ kéo nó để vào hạ bộ của mình. Chàng nói:

- Thưa bà, nó ở đây!

Chàng muốn nói đến thứ mà người đời vẫn gọi là lý tưởng sống hay giá trị sống, một cái gì đại loại như thế tương đương với những từ "cao thượng" hay "hạnh phúc".

Tất cả khách khứa nhìn dồn về phía hai người. Yến sợ hãi rút phất tay lại, ngã vào lòng cô em gái. Hoàng tiến đến trước mặt Vũ, Hoàng cố kiềm chế nhưng giọng nói vẫn cứ run lên:

- Thưa ông, may mà sự việc xảy ra trong nhà tôi và tôi không muốn động thủ, tôi không muốn phiền phức! Chắc ông biết rõ ở ta mạng người rất rẻ, cho dù ông có là nhà văn danh tiếng bậc nhất thì cũng không khác gì con chó! Xin mời ông xéo khỏi đây ngay lập tức!

Vũ ngạc nhiên, chàng thấy Hoàng "trở mặt", giống như tục ngữ nói - như "trở bàn tay". Một phút trước đây họ đã cư xử với nhau như hai người bạn thân thiết nỗi khổ cơ mà! Hơn nữa, trong thâm tâm, Vũ không hề có ý xúc phạm Hoàng hay vợ Hoàng, Chàng chỉ muốn bày tỏ một thứ tình cảm rất thật, rất gần gũi, rất con người mà cũng tự nhiên thôi như người nguyên thủy vẫn làm. Yến đẹp như thế. Còn Vũ chẳng lạ gì Hoàng. Hẳn đều như thế, hẳn phân bội và ăn cắp... Những vụ buôn lậu ma túy và vũ khí... Hàng chục triệu đồng bào của chàng đang sống như súc vật... Chàng muốn Yến biết rằng chàng không ốm, tinh thần và tâm hồn chàng đều khỏe mạnh.

Vũ nói:

- Thưa các vị... lỗi không phải của bà ấy... Tôi xin lỗi... Tôi muốn nói rằng tự nhiên có những lý lẽ khác với chúng ta...

Vũ không nói được hết câu thì chàng đã bị người ta tống ra khỏi cửa. Chàng chỉ loáng thoáng nghe thấy tiếng Hoàng mắng vợ:

- Cô đáng xấu hổ... chính cô cũng thích... cô đã không tự bảo vệ danh tiết cho cô...

Yến khóc nức nở và tiếng khóc ấy khiến Vũ thất tim lại.

Vũ đi như chạy. Trời Hà Nội ngập trong mưa xuân. Mưa xuân mà sao những giọt mưa xuân lại nặng như chì... Mưa như roi quất vào mặt. Hà Nội nghèo xác và dị mạo. Ở đây không có ai còn khả năng nghĩ ngợi hoặc phát sáng những tư tưởng khiến cho tinh thần con người mạnh mẽ lên thêm nữa ư? Tất cả đều loanh quanh, luẩn quẩn như đám bọt gậy hay cung quăng. Nhục thể và vật dụng... Toàn những cô hồn, chẳng ra người, chẳng ra ngợm... Đây là tất cả Hà Nội của chàng.

Vũ thấy lạnh, chàng rùng mình và thấy đau nhói trong tim. Chàng lên xe điện trở về nhà. Chàng cũng chẳng biết rằng màn đêm đang buông dần lên thành phố. "Đêm kinh thành xa như giấc mơ..." Vũ lơ mơ ngủ gật, chàng cũng chẳng biết đến xe điện đã bị "pan" ở Giám bao lâu nữa.

Mất điện. Tất cả hành khách đi trên xe điện đều bị dồn xuống đường đi bộ. Vũ kéo cao cổ áo, chàng lúi thủi đi ra ngoài ô, về phía nhà mình. Đến Ngã Tư Sở, chẳng biết chàng nghĩ thế nào, chàng rẽ vào một ổ hút thuốc phiện và nằm ở đấy cho đến nửa đêm.

Vũ về đến nhà thì đã gần sáng, người lão bộc già loay hoay mở cửa cho chàng. Người chàng ướt như chuột lột.

- Thưa ông, ông vào nhà đi kéo lạnh... Nửa đêm có hai bà sang trọng đi xe tay đến tìm ông... Họ không xưng tên. Họ bảo rằng ông là nguyên do nổi bi kịch trong cuộc sống của họ nhưng họ tha lỗi cho ông. Đàng nào cuộc sống của họ cũng đã bi kịch rồi, có thêm một bi kịch nữa cũng chẳng mùi gì... Ông không có khả năng gì đáng để cho họ quan tâm, vì ở ta nhà văn là hạng vứt đi! Ông bị cấm cửa không được đến nhà ông Hoàng... Bà lớn tuổi hơn nói rằng tâm hồn của ông có thể to hơn người thường thật...

Vũ ngồi vào bàn viết. Chàng cố xua đuổi hình ảnh một cô gái ra khỏi óc chàng. Mà em... "Bài học tiếng Việt". Chàng bắt đầu câu chuyện của chàng như thế đúng vào lúc những tia nắng mùa xuân chiếu vào cửa sổ nhà chàng...

## GHI CHÚ CUỐI TRUYỆN :

Trong buổi bình minh của văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX có những tài năng văn học trẻ. Có những nhà tiểu thuyết sớm nổi tiếng ngay ở tuổi 20. Có người 27 tuổi đã chết, để lại bao nỗi tiếc thương cho người đời. Câu chuyện trên được viết dựa trên cảm hứng về cuộc đời một nhà văn như thế, lấy bối cảnh ở Hà Nội khoảng trước những năm xảy ra Đại chiến Thế giới thứ II (1939 - 1945). Nhà văn trẻ với thiên tài của mình, nổi lên rực rỡ trên văn đàn khoảng từ 4 đến 6 năm. Những thiên tài thường không dùng dằng nhiều với những hệ lụy mà người đời cứ tưởng bỏ rằng ở đấy có nhiều giá trị hoặc ý nghĩa gì. Ngôi nhà được kể trong truyện, tiếc thay nay không còn nữa, đại để nằm ở chỗ Viện Gót Hà Nội bây giờ. Tiếng Việt là thứ ngôn ngữ mới hình thành, đòi hỏi sự tìm tòi và làm phong phú thêm bởi nhà văn và những người có thiện chí. Bài học tiếng Việt đôi khi cũng là những bài học buồn cười, tầm phào hoặc nhầm lẫn. Mong rằng độc giả rộng lòng, hiểu cho ý muốn của người viết chuyện này. Cầu chúc sự may mắn và bằng an đến cho tất cả mọi người.

NGUYỄN HUY THIỆP

## Phan Huyền Thư

(trích từ tập thơ **Rõng Ngực**)

www.eVan.com.vn

### **Rõng ngực**

Em thờ dài  
buốt mùa đông rõng ngực  
buồn xa xa thương cũng xa xa

Thoát xác vọt lên trần nhà  
nhìn thi thể co ro  
góc giường than khóc

Ngoài đường cái quan  
xe rác chạy rầm rập  
đồng lửa bao nilon đựng rác  
đôi tình nhân khét lẹt  
chàng thương binh ngực đầy huân  
vẫn hô một hai hành quân không  
chịu nghi

nàng thất tình  
hoa mướp bông áo bông  
ru hời  
Thoại Khanh - Châu Tuấn  
đun nấu sứt sùi đứt ruột ống bơ.

Ngõ hẻm  
trăng rông  
mấy nàng xì ke chưa chồng vật  
thuốc

khóc rung rức  
tóc em sợi vàng sợi bạc  
sợi nâu sợi tím sợi hồng sợi xanh  
ánh trắng nằm nhể nhại sầu đong

Mái hiên tây mấy chú nhóc  
xa tuổi thơ  
gối lên sách tướng số ôm nhau  
ngủ say sưa tiếng mèo gào  
hiện thực

Lãng mạn nào!  
Một hai ba  
cùng bay lên cao.

Rõng ngực.

### **Gửi: Ngày hôm qua**

Có khi  
ý nghĩ nhảy múa  
gối chăn còn phảng phất  
mùi ái ân tê nhạt

ý nghĩ  
bê đôi chiếc bánh đêm  
hai miếng không đều  
sao rơi những hạt vừng

Đêm thom  
không ai muốn thức

ý nghĩ  
đàn ông bắt lực  
cắm ghét hoan lạc  
mộng du

ý nghĩ cầm tù  
ái ân bà già hiềm khích  
hoang tưởng phong  
danh tiết hạnh. "Bất khả thi"

ý nghĩ viết trả phong bì  
trò chơi ảo giác

Gửi: Ngày hôm qua

Yêu  
tiếp tục trò chơi ma

ý nghĩ  
con mèo già  
cô độc. Mắt quá sáng.  
Buồn  
vạch khóc vào đêm.

25/5/03

### **Do dự**

Hạnh phúc vỡ ra những bụi sao  
đầm đĩa cảm nín  
câu chữ thom mùi vụng trộm  
ánh mắt căng dọi sợi đau

Ngượng ngập dim chết em  
Xác đức hạnh trôi trên dòng sông

đam mê  
tam đoạn luận.

Nụ hôn giống căng ngực miền  
trắc ẩn

Mây đi  
Sương về  
Hạ độc bình minh

Ngủ vùi trong anh  
nhịp tim còn lạnh lốt  
đòi gỡ. Đòi buộc  
Đòi tình dục. Đòi  
do dự  
miên man.

27/3/03

### **Độ lượng**

Ngày ngày thất hứa  
anh dũa nỗi buồn em mịn màng  
vô vọng

Thôi chẳng chờ  
lấp lánh hạnh phúc  
dưới cát nóng buổi trưa

Con chuồn chuồn lừng lơ  
nhớ mưa trên rào thưa mỗi cánh

Chiều nay nhiều ráng  
những nàng Tô Thị bê-tông  
trong thành phố ngọt ngọt chờ  
chồng  
đệt mộng lông ngỗng lao đao cửa  
sổ

giăng mắc gì với gió  
ướt đầm nỗi hồng nhan.

Kìa trăng mãi chơi  
xanh xao về gõ cửa

Em trở mình

Tùng nhát búa  
gò lại  
ý nghĩ tử tế về nhau.

6/6/02

# Đi tìm tác giả *Gia huấn ca*

Nguyễn Dư

Thuở bé, thầy bắt học bài « Thương người như thể thương thân » của « Nguyễn Trãi gia huấn ».

*Thấy người hoạn nạn thì thương  
Thấy người tàn tật lại càng trông nom  
Thấy người già yếu ốm mòn  
Thuốc thang cứu giúp, cháo cơm đỡ dần  
Trời nào phụ kẻ có nhân  
Người mà có đức, muôn phần vinh hoa.*

(*Quốc văn giáo khoa thư*, lớp sơ đẳng, 1948).

Mãi sau này mới được đọc toàn tập *Gia huấn ca*.

Đọc một lần còn nghi ngờ. Đọc thêm lần nữa. Vẫn chưa thấy bóng dáng bài « Thương người » đâu cả.

Bù lại, được thấy mấy câu thơ có thể giúp chúng ta có ý kiến rõ ràng về cái tên « Nguyễn Trãi gia huấn ».

Đầu đuôi câu chuyện như sau :

*Gia huấn ca* được nhiều học giả giới thiệu từ hơn 60 năm nay. Nhưng tác giả của nó thì vẫn chưa biết chắc là ai.

1 - « Tập *Gia huấn ca* (bài hát dạy người nhà) vẫn truyền là của ông (Nguyễn Trãi) soạn ra, nhưng không được chắc chắn.

Lời văn (*Gia huấn ca*) bình thường giản dị, lưu loát êm ái. Nếu tập ấy thật của Nguyễn Trãi soạn ra, thì văn nôm ta về đầu thế kỷ thứ XV cũng không khác nay mấy, chỉ thỉnh thoảng có một vài chữ nay ít dùng ».

(Dương Quảng Hàm, *Việt Nam văn học sử yếu* (1941), Xuân Thu tái bản, tr. 271).

Tuy nhiên, ở chỗ khác Dương Quảng Hàm lại viết rằng « Câu tục ngữ « Thương người như thể thương thân » vốn là một câu trong tập *Gia huấn ca* của Nguyễn Trãi » (tr. 6).

2 - « (*Gia huấn ca*) gồm mấy bài ca dạy vợ, con, vợ khuyên chồng, khuyên dạy học trò sửa đức, chăm học. Lời văn bình dị, trôi chảy, viết trên sáu dưới tám, có khi xen câu bảy chữ ; thỉnh thoảng một vài chữ ngày nay ít khi dùng đến, chứng tỏ là một tập văn cổ, song không biết có phải đích thực ông Nguyễn Trãi soạn không.

Dù sao thì truyền từ Nguyễn Trãi cho tới bây giờ, tác phẩm ấy đã bị người đời sau sửa đổi nhiều chữ, nhiều câu, chứ không thể nào giữ vẹn cả trăm phần đúng như nguyên tác ».

(Nguyễn Toàn, *Việt Nam văn học sử trích yếu* (1949), Khai Trí, 1968, tr. 121).

3 - « Những nhà hàng sách ở phường Hàng Gai xưa có khắc một bản *Gia Huấn*, đề là Nguyễn tướng công Gia huấn,

hay là Nguyễn Trãi gia huấn. Tục truyền rằng đó là những bài ca, ông đã đặt ra để dạy con cháu trong gia đình (...).

Nội dung các bài ca lại còn cho ta biết rằng văn viết trong thời còn loạn, chưa có vị vua chính đáng cầm quyền. Vậy có thể là do Nguyễn Trãi soạn hồi đầu Minh thuộc (1406-1417). Tuy nhiên, các chữ cổ, thường thấy trong những bài chắc chắn soạn đời Lê, ở đây thấy rất ít. Và trong một vài nơi có nói đến các thứ đánh bạc như tổ tôm, tam cúc, chắn, đồ mườì. Không biết những trò chơi ấy đã có đời Nguyễn Trãi hay chưa ?

Nói tóm lại, ta không có chứng gì nhận chắc quyết lời tục truyền rằng tập gia huấn này là của Nguyễn Trãi. Nếu thật là của ông soạn ra, thì sự sao đi chép lại bởi người đời sau, và nhất là đời Nguyễn, đã làm cho phần văn cổ đã bị chừa đi nhiều rồi ».

(Hoàng Xuân Hãn, *Thi văn Việt Nam* (1951), Giáo Dục, 1998, tập 3, tr. 59-60).

4 - « Ngoài ra lại có một số tác phẩm nôm tương truyền là của Nguyễn Trãi, nhưng chưa thể khẳng định rằng đúng là của ông. Đó là tập *Gia huấn ca* và hai bài thơ nôm (bài Tự thân và bài Ghẹo cô hàng chiếu) ».

(Đình Gia Khánh, Bùi Duy Tân, Mai Cao Chương, *Văn học Việt Nam*, Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1978, tập 1, tr. 348).

Gần đây, xuất hiện một bản *Gia huấn ca* bằng chữ nôm, của nhà Quan Văn Đường, khắc in năm Đinh Mùi, niên hiệu Thành Thái (1907). Bản này ghi « Lê triều Nguyễn tướng công Gia huấn ca » ở trang đầu và « Nguyễn tướng công Gia huấn » ở trang cuối.

5 - « Phần ai là tác giả (bản Quan Văn Đường) và thân thế và sự nghiệp của tác giả xin để dành lại cho các nhà nghiên cứu và nếu có hoàn cảnh thuận tiện chúng tôi cũng sẽ viết về những điểm đó trong một tác phẩm khác ».

(Vũ Văn Kính, *Gia huấn ca*, Trường Hán Nôm Nguyễn Trãi, 1994).

(Trong khi chờ đợi, Vũ Văn Kính đã cho đề tên Nguyễn Trãi là tác giả tập *Gia huấn ca* của nhà Quan Văn Đường).

Nói tóm lại, từ trước đến nay, chưa có học giả nào đưa ra bằng chứng có tính thuyết phục để công nhận hay phủ nhận dứt khoát Nguyễn Trãi là tác giả *Gia huấn ca*.

Vì sao các học giả lại thận trọng, nói đúng hơn là lúng túng như vậy ?

Có lẽ chỉ vì cái tên « Nguyễn Trãi gia huấn » đã chỉ rõ Nguyễn Trãi, cái tên « Lê triều Nguyễn tướng công » làm người ta liên tưởng đến Nguyễn Trãi. Ngoài ra, *Gia huấn ca* (GHC, theo bản của nhà Quan Văn Đường) lại có nhiều câu giống *Quốc âm thi tập* (QATT, Trê, 1995) của Nguyễn Trãi :

*Bữa thường dù dưa muối mặc lòng* (GHC)  
*Bữa ăn dầu có dưa muối* (QATT)  
*Ở bầu tròn ở ống thì dài* (GHC)  
*Ở bầu thì dáng ắt nên tròn* (QATT)  
*Ất đã tròn bằng nước ở bầu* (QATT)  
*Ngồi ăn mãi non môn núi lở* (GHC)

*Làm biếng ngồi ăn lở núi non* (QATT)

*Làm biếng hay ăn lở núi non* (QATT) ...

khuyến cho các học giả nghĩ rằng Nguyễn Trãi là tác giả *Gia huấn ca*.

Nhưng đồng thời, *Gia huấn ca* lại có nhiều chữ, nhiều thành ngữ quen thuộc của ngày nay như « giàu vì bạn, sang vì vợ », « khôn ba năm, dại một giờ », « giàu ba họ, khó ba đời », « vắt cổ chày ra nước », « miếng khi đói gói khi no ». Thậm chí có cả « một bồ dao găm » v.v. làm cho các học giả phải nghi ngờ, không tin chắc rằng Nguyễn Trãi là tác giả *Gia huấn ca*.

Đáng ngạc nhiên hơn nữa là *Gia huấn ca* có nhiều câu giống *Kiều* của Nguyễn Du.

*Tác sơn tạc lấy chữ trình làm đầu* (GHC)

*Đạo tông phu lấy chữ trình làm đầu* (*Kiều*)

*Nghe ra ngậm đắng nuốt cay hay nào* (GHC)

*Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào* (*Kiều*)

*Kẻ lộn chồng trốn chúa cũng nhiều* (GHC)

*Chẳng phượng trốn chúa thì quân lộn chồng* (*Kiều*) v.v.

Rõ ràng có ảnh hưởng qua lại giữa *Gia huấn ca* và *Kiều*.

Chẳng lẽ Nguyễn Du lại chép thơ nôm của người khác ? Hay là *Gia huấn ca* đã bắt chước *Kiều* ?

Lại thêm một lí do nữa khiến người ta phải dè dặt với giả thuyết Nguyễn Trãi là tác giả *Gia huấn ca*.

Ngôn ngữ của *Gia huấn ca* đã gây khó khăn cho nhiều học giả tiền bối. Vì chỉ ngừng lại ở chỗ đối chiếu, so sánh một số câu chữ nên chưa trả lời được câu hỏi có phải Nguyễn Trãi là tác giả *Gia huấn ca* hay không.

Cần phải phân tích *Gia huấn ca* sâu xa hơn, căn cứ vào lịch sử.

I - Bài *Dạy vợ dạy con* (bản Quan Văn Đường, sđd, tr. 15) có câu :

*Đua chi chén rượu câu thơ*

*Thuốc Lào ngon lạt nước cờ thấp cao*

Chữ « Lào » được dân ta dùng từ thời nào ?

Sách *Lam Sơn thực lục* của Lê Lợi ( Nguyễn Diên Niên, Lê Văn Ưông, *Lam Sơn thực lục*, Ty Văn Hoá Thanh Hoá, 1976), sách *Dur địa chí* của Nguyễn Trãi (*Nguyễn Trãi toàn tập*, Khoa Học Xã Hội, 1976) và sách *Đại Việt sử kí toàn thư* của Ngô Sĩ Liên (Khoa Học Xã Hội, 1968) mỗi khi nói tới nước láng giềng hay dân tộc láng giềng của ta đều dùng cụm từ « nước Ai Lao », « người Ai Lao ».

Cho tới cuối thế kỉ 15, sách vở của ta chưa có « nước Lào », « người Lào ».

Chữ « Lào » được Nguyễn Du (1765-1820) dùng vào khoảng cuối thế kỉ 18 hay đầu thế kỉ 19 :

*Đường xa chớ ngại Ngò Lào*

*Trăm điều hãy cứ trông vào một ta* (*Kiều*)

Tục hút thuốc lá, thuốc Lào của dân ta có từ bao giờ ?

Sách *Dur địa chí* (1438) của Nguyễn Trãi chép :

« Biền cùng Vân, Linh ở về Thuận Hóa.

Ở vùng ấy đất thì đen, màu mỡ, hợp với trồng thuốc hút

và thứ tiêu hạt to ; ruộng thì vào hạng trung trung. Điện Bàn có trĩ vàng. Sa Bôi có chè lưỡi chim sẻ. Hải Lăng có thỏ lông trắng.

Thuốc hút (chỉ được) là thứ cây lấy lá cuộn vào giấy rồi châm lửa hút ».

(*Nguyễn Trãi toàn tập*, tr. 234).

Đầu thế kỉ 15, nước ta có trồng cây thuốc hút (chỉ được). Nguyễn Trãi không nói tới thuốc Lào. Cây thuốc hút của Nguyễn Trãi có phải là cây thuốc lá hay thuốc Lào ngày nay không ?

Lê Quý Đôn cho biết :

« Sách *Thuyết Linh* chép : Thuốc lá (yên diệp) sản xuất từ đất Mân. Người ở biên giới bị bệnh hàn, nếu không có thứ này thì không trị được. Vùng quan ngoại, thuốc lá rất quý, đến nỗi có người đem một con ngựa đổi lấy một cân thuốc lá.

(...) Cây thuốc lá sản xuất ở Lữ Tống (Phi Luật Tân) vốn tên là Đạm ba cô (tobacco).

(...) Nước Nam ta lúc đầu không có cây thuốc lá ấy. Từ năm Canh Tí tức niên hiệu Vĩnh Thọ thứ 3 (1660) đời vua Lê Thần Tông (...) người Ai Lao mới đem đến, nhân dân nước ta bắt đầu trồng cây thuốc lá. Quan dân, đàn bà con gái tranh nhau hút thuốc lá, đến nỗi có câu : « Có thể ba ngày không ăn, chớ không thể một giờ không hút thuốc lá ».

Năm 1665 đời vua Lê Huyền Tông, triều đình đã hai lần xuống lệnh chỉ nghiêm cấm, lùng bắt những người trồng thuốc, bán thuốc và lén hút thuốc, nhưng rốt cuộc không dứt tuyệt được.

Người ta phần nhiều khoét cột tre làm ống điếu và chôn điếu sành xuống đất.

Tro than thuốc lá lấm lẩn gây thành hoả hoạn. Lâu dần lệnh cấm bãi bỏ. Nay thì việc hút thuốc lá đã thành thói thông thường ».

(Lê Quý Đôn, *Văn đài loại ngữ*, bản dịch của Tạ Quang Phát, Văn Hoá Thông Tin, 1995, tập 3, tr. 158-159)

Theo Lê Quý Đôn thì cây thuốc lá được người Ai Lao đem vào nước ta năm 1660, nghĩa là hơn 200 năm sau khi Nguyễn Trãi chết.

Nếu thuốc Lào là thuốc lá do người Ai Lao mang sang nước ta thì thời Nguyễn Trãi nước ta chưa có thuốc Lào.

Nguyễn Trãi không thể là tác giả câu thơ

*Đua chi chén rượu câu thơ*

*Thuốc Lào ngon lạt nước cờ thấp cao*

II - Bài *Dạy học trò ở cho phải đạo* (tr. 93) có câu :

*Ba năm chợt đỡ khô khoa*

*Sân rộng ruổi ngựa, đường hoa giông cờ*

Câu thơ này nói về tổ chức thi cử ngày xưa và vinh dự dành cho những người đỗ tiến sĩ.

« Ba năm » ám chỉ khoa thi được tổ chức 3 năm một lần.

Lệ tổ chức thi 3 năm một lần tại nước ta có từ bao giờ ?

Năm 1246 vua Trần Thái Tông định cứ 7 năm một khoa.

Đến năm 1404, Hồ Hán Thương định cứ 3 năm một khoa, nhưng vì nhà Hồ sắp mất ngôi, nên lệ ấy không thực hành được, mãi đến năm 1463 đời Lê Thánh Tông, lệ ấy mới theo (...).

Năm 1434, vua Lê Thái Tông mới xuống chiếu định điều lệ thi hương, thi hội, hẹn đến năm 1438 thì mở khoa thi hương, năm 1439 thì mở khoa thi hội, rồi cứ 3 năm lại mở một khoa. Nhưng thực ra thi khoa thi hội đầu tiên ở triều Lê mãi đến năm 1442 mới mở, mà lệ 3 năm một khoa, đến năm 1463 (đời Lê Thánh Tông) mới thực hành được ».

Trong đời Gia Long, chưa mở thi hội. Mãi đến năm 1822, vua Minh Mệnh mới mở khoa thi hội đầu tiên.

Khoa thi hương đầu tiên mở về triều Nguyễn là khoa năm 1807, Gia Long thứ 6. Trước còn định 6 năm một khoa, rồi đến năm 1825, Minh Mệnh thứ 6, lại định 3 năm một khoa, cứ các năm tí, ngọ, mao, dậu thì thi hương, các năm thìn, tuất, sừu, mùi thì thi hội.

(*Việt Nam văn học sử yếu*, sđd, tr. 83-87).

Chúng ta biết rằng Nguyễn Trãi bị tru di tam tộc năm 1442. Trước đó, ông được nghe Hồ Hán Thương « định », Lê Thái Tông « hẹn » sẽ tổ chức thi 3 năm một lần.

Lúc Nguyễn Trãi còn sống, nước ta chỉ tổ chức các khoa thi không có định kì. 21 năm sau năm Nguyễn Trãi bị giết, Lê Thánh Tông mới tổ chức thi 3 năm một lần.

Vài tháng trước khi chết, Nguyễn Trãi được thấy khoa thi hội đầu tiên của nhà Lê. Suốt đời mình, Nguyễn Trãi chưa được thấy khoa thi « ba năm » nào.

Câu thơ « Ba năm chợt đỡ khô khoa » không phải là của Nguyễn Trãi.

« Sân rồng ruổi ngựa, đường hoa giông cờ » là vinh dự dành cho các ông tân khoa tiến sĩ. Các ông được cưỡi ngựa dạo chơi trong khuôn viên hoàng cung và thăm phố xá có trang hoàng cờ quạt.

Vua Minh Mạng đặt ra lệ ban thưởng áo mũ cho các ông tân khoa tiến sĩ trước khi làm lễ xướng danh (truyền lô), treo băng vàng.

Treo băng xong, các ông được mời ăn yến tại dinh Lễ bộ và nhận lãnh một cành kim châm.

« Quan Lễ bộ lại dẫn các quan giám thị và các ông tân khoa vào vườn Ngự Uyển xem hoa, mỗi người đều mặc đồ triều phục, cưỡi ngựa che lọng, xem hoa xong thì ra từ cửa thành đông mà đi xem các phố xá ».

(Phan Kế Bính, *Việt Nam phong tục*, Tổng Hợp Đồng Tháp, 1990, tr. 269).

Tục « cưỡi ngựa xem hoa » được Minh Mạng đặt ra năm 1838 (Quốc sử quán triều Nguyễn, *Quốc triều chính biên toát yếu*, Thuận Hoá, 1998, tr. 293).

Phải sống vào thời Minh Mạng hoặc trễ hơn, nghĩa là sống sau Nguyễn Trãi khoảng 400 năm, mới có thể đổi cảnh sinh tình, làm được câu thơ « Sân rồng ruổi ngựa, đường hoa giông cờ ».

III - Bài *Khuyên học trò phải chăm học* (tr. 103) có câu :

*Bài kinh nghĩa cùng bài văn sách*

*Tình phú thơ mọi về văn chương*

Câu này nói đến mấy môn thi của ngày xưa, gồm có : kinh nghĩa, văn sách, phú và thơ.

Chương trình thi cử của nước ta được thay đổi, thêm bớt nhiều lần :

Năm 1304 vua Trần Anh Tông định lại phép thi, thi chương trình bốn kì như sau : kì đệ nhất : ám tả ; đệ nhị : kinh nghĩa, thơ, phú ; đệ tam : chiếu, chế, biểu ; đệ tứ : văn sách.

Năm 1396 Trần Thuận Tông cho thi kinh nghĩa, thơ, phú, chiếu, chế, biểu, văn sách.

Năm 1404, Hồ Hán Thương thêm kì thi thư (viết) và toán (tính).

Năm 1434, Lê Thái Tông cho thi kinh nghĩa, chiếu, chế, biểu, thơ, phú, văn sách.

Năm 1832 Minh Mạng sửa lại phép thi. Các môn thi là kinh nghĩa, thơ, phú và văn sách.

Năm 1850 Tự Đức cho thi kinh nghĩa, văn sách, chiếu, biểu, luận, thơ, phú, đối sách. Năm 1858 đổi thành kinh nghĩa, chiếu, biểu, luận, văn sách, thơ. Năm 1876, bỏ chiếu, biểu, luận, và lấy lại phú.

Năm 1884 Kiến Phúc tổ chức lại thi hương. Trừ ba kì trước, lại đặt thêm một kì phúc hạch (xét lại) thi lược bị một bài kinh nghĩa, một bài phú, một bài văn sách.

(*Việt Nam văn học sử yếu*, sđd, tr. 88-91).

Chỉ có thời Minh Mạng và Tự Đức mới thi 4 môn kinh nghĩa, thơ, phú, và văn sách như *Gia huấn ca* khuyên học trò phải rèn luyện cho tinh thông.

IV - Bài *Dạy vợ dạy con* (tr. 47) có câu :

*Miệng rằng chừa độc chừa dâm*

*Tay lằn tròng hạt dao găm một bờ*

*cũng cần được chú ý.*

*Dao găm là dao gì ?*

Tiếng Việt có danh từ « găm », dùng để chỉ một vật nhọn bằng tre, gỗ hoặc kim loại, có một đầu nhọn, dùng để găm.

Động từ « găm » nghĩa là « làm cho bị mắc vào vật khác bằng một vật nhỏ hình dài và có một đầu nhọn ». Thí dụ : Găm tờ giấy lên vách. « Găm » còn có nghĩa là « bị mắc sâu vào vật khác sau khi đâm thủng vào ». Thí dụ : Bị một viên đạn găm vào ngực. (*Từ điển tiếng Việt* của Hoàng Phê).

Danh từ « găm » và « dằm » (cái dằm) của ta đến từ chữ Hán Châm (nghĩa là cái kim), được dùng với nghĩa là vật nhọn đâm thủng với dụng ý làm cho mắc vào vật khác. Cái kim, cái dằm hay viên đạn sau khi đâm thủng một vật gì thì nằm lại tại chỗ.

Dao găm là một khí giới ngắn, có đầu nhọn dùng để đâm. Thông thường thì sau nhất đâm, dao được rút ra. Người ta không dùng dao găm với dụng ý làm cho người bị đâm vướng mắc vào vật gì khác.

Chức năng của dao găm không giống chức năng của cái kim găm hay cái dằm.



Hai chữ « găm » có nghĩa khác nhau.

Vậy thì chữ « găm » của dao găm nghĩa là gì ?

Bộ tranh dân gian Oger (1909) có tấm « Dao lưng », vẽ con dao và cái bao, được chú thích là dao của lính (Giá đao nãi binh lính chi dụng).

Tại sao lại gọi là « Dao lưng » ? « Dao lưng » có dính dáng gì tới « dao găm » ?

Tấm tranh cho thấy chiếc bao được gắn « con đĩa » (giống « con đĩa » của quần tây ngày nay) để luồn thắt lưng. « Dao lưng » là dao được đeo ở thắt lưng chứ không phải khoác sau lưng như kiếm của võ sĩ đạo Nhật .

Trước khi bị người Pháp bảo hộ, lính Việt Nam không dùng « dao lưng ». Quần áo của lính Tàu, lính ta ngày xưa không được trang bị « con đĩa » để đeo cái bao của con dao này.

« Dao lưng » là khí giới của lính Pháp, mặc quần tây.

Dao này được người Pháp gọi là « poignard » (arme blanche à lame courte et assez large, pointue du bout : khí giới có lưỡi ngắn và khá to bản, đầu nhọn).

Cái bao dao tiếng Pháp gọi là « gaine ».

Từ điển Robert đưa thí dụ : Tirer un poignard de sa gaine, le remettre dans sa gaine (rút dao khỏi bao, tra dao vào bao).

Người Pháp bắt đầu cuộc chiến tranh xâm chiếm Việt Nam dưới thời Tự Đức (1848-1883) và đặt nền bảo hộ tại nước ta bắt đầu từ năm 1884.

Song song với việc tổ chức lại guồng máy hành chính, thực dân Pháp tổ chức lại quân đội bản xứ, lập ra lính tập (tirailleur).

Từ ngày một vài ông cai (caporal), ông đội (sergent), của đám lính tập được làm quen với con dao có bao của Pháp thì chữ « gaine » đã được Việt hoá thành « găm ». (Ai đó đã thận trọng không gọi là « dao ghen », e rằng sẽ bị hiểu lầm là dao dùng để đánh ghen chăng ?).

« Poignard » của lính Pháp trở thành « dao găm » của lính Việt.

Câu thơ « Tay lần tràng hạt dao găm một bỏ » và thành ngữ « Na mô một bỏ dao găm » hay « Miệng nam mô, bụng bỏ dao găm » đã được ra đời dưới thời Pháp thuộc.

« Tay lần tràng hạt dao găm một bỏ » không thể là thơ của Nguyễn Trãi được.

Mấy nhận xét, phân tích về thuốc lào, chế độ thi cử, đặc ân dành cho các ông đồ tiến sĩ và con dao găm, đủ cho thấy nhiều câu thơ trong *Gia huấn ca* chắc chắn không phải là của Nguyễn Trãi.

Những câu thơ này ghi lại sinh hoạt xã hội được sách vở xác nhận, nhắc lại những sự kiện được lịch sử ghi chép. Đây là thơ của người đời sau, chứ không phải là thơ của Nguyễn Trãi bị sửa đổi hay sao chép nhầm.

Phải hiểu nhiều, biết rộng như « Nguyễn tướng công » mới viết được những câu thơ « cập nhật » như vậy.

Mấy phân tích trên còn cho phép kết luận là *Gia huấn*

*ca* được sáng tác vào khoảng cuối đời Tự Đức, lúc thực dân Pháp đã có mặt tại Việt Nam (1884) và trước khi chế độ thi cử Hán học bị thay đổi (1909, thi thêm chữ quốc ngữ), rồi bị xoá bỏ (1915).

*Gia huấn ca* được ra đời trong khoảng từ năm 1884 đến 1909.

Bản in của nhà Quan Văn Đường đề năm Đinh Mùi niên hiệu Thành Thái (1907). Có nhiều khả năng đây là bản in lần đầu tiên, chưa bị sửa đổi.

Lịch sử Việt Nam lúc này (khoảng 1884-1907) đang trải qua « thời còn loạn, chưa có vị vua chính đáng cầm quyền ». Đúng như Hoàng Xuân Hãn nói. Nhưng loạn lạc lần này là do thực dân Pháp gây ra chứ không phải do quân Minh thời Nguyễn Trãi, như Hoàng Xuân Hãn nghĩ.

« Lê triều Nguyễn tướng công » không phải là Nguyễn Trãi.

Chúng ta có thể khẳng định là Nguyễn Trãi không phải là tác giả *Gia huấn ca*.

Trở lại nhân vật « Lê triều Nguyễn tướng công ». Ông là ai ?

Chúng ta không biết lí lịch của ông. Chúng ta chỉ biết được tính tình của ông qua nội dung *Gia huấn ca*.

Trước hết, ông là một người chịu ảnh hưởng thơ Nguyễn Trãi, thơ *Kiều*, biết nhiều thành ngữ. Ông thích hút thuốc lào, đánh bạc, ăn ngon như số đông những người bình thường.

Giác mơ của ông là con cháu có đũa được « cười ngựa xem hoa ». May ra thì « một người làm quan, cả họ được nhờ ».

Ông tỏ ra ham thích công danh, phú quý :

*Lộc trời tước nước hiển vinh  
Báo đền đức nghĩa dưỡng sinh bấy chầy...  
Ông muốn hưởng lạc :  
Bao nhiêu là gái thuyền duyên  
Lung ong má phấn cũng chen chân vào...  
Đủ mùi những thức cao lương  
Sơn hào hải vật bữa thường đối trao...  
Nhà ngang dẫy dọc trùng trùng  
Hầu non con Nụ tiếu đồng thuyền Tranh...*

khác hẳn lời Nguyễn Trãi dạy con (*Huấn nam tử*) :

*Nhấn báo phò bay đạo cái con  
Nghe lượm lấy lọ chi đòn  
Xa hoa lơ lửng nhiều hay hết  
Hà tiện đâu đương ít hãy còn  
Áo mặc miễn là cho cật ấm  
Com ăn chẳng lọ kén mùi ngon  
Xưa đã có câu truyền bảo  
Lâm biếng hay ăn lở non.*

khác hẳn lời Nguyễn Trãi *Tự thán* :

*Thiếu niên trường ốc tiếng hư bay  
Phải lụy vì danh đã hổ thay...  
Ít muốn đến chơi thành thị nữa  
Ấu là non nước nó đàn chề...  
Áo đành một tấm com hai bữa*

*Phận ấy chung ta đã có thừa...*

« Lê triều Nguyễn tướng công » muốn khoe chức tước, nhưng ông (hay nhà Quan Văn Đường ?) đã phạm một sơ hở khi chọn bút danh này.

Ai cũng biết rằng Lê Chiêu Thống, vị vua cuối cùng của nhà Lê, chạy sang Trung quốc năm 1789. Cứ tạm cho rằng « Nguyễn tướng công » trung thành phò « Lê triều » đến ngày cuối cùng thì ông cũng phải chờ thêm 49 năm nữa mới được thấy vua Minh Mạng ban đặc ân « Sân rồng ruồi ngựa, đường hoa giọng cò » để cho ông mơ ước. Và ông phải chờ trên dưới 100 năm mới được thấy con « dao găm » của thực dân Pháp để ông khuyên dạy người đời.

Giả sử « Nguyễn tướng công » là một vị tướng rất trẻ, lúc nhà Lê bị diệt ông mới 20 tuổi. Khoảng 100 năm sau, ông sáng tác *Gia huấn ca*. Nghĩ là *Gia huấn ca* được ông soạn năm ông khoảng 120 tuổi ! Nước ta chưa có vị tướng nào thọ như vậy !

Dưới thời Pháp bảo hộ, nước ta chỉ có máy ông « Nguyễn triều Lê tướng công » hay « Nguyễn triều Nguyễn tướng công » thôi !

Cái tên « Lê triều Nguyễn tướng công » không thích hợp, không ăn khớp với nội dung của *Gia huấn ca*.

Nhưng phải công nhận rằng « Nguyễn tướng công » đã thành công với ý đồ làm cho nhiều người lầm tưởng ông là Nguyễn Trãi, lầm tưởng rằng Nguyễn Du phải chép lại thơ nôm của ông.

« Nguyễn tướng công » còn tiếp tay cho một số học giả trong việc đem gán một vài thành ngữ mới có sau này cho thời Nguyễn Trãi, xa lắc xa lơ.

Tuổi thơ thuộc lòng bài « Thương người như thể thương thân » của « Nguyễn Trãi gia huấn ».

Mấy chục năm sau mới có điều kiện đọc cả tập *Gia huấn ca*, mới biết rằng « Thương người » của *Gia huấn ca* là :

*Thương người tất tả ngược xuôi  
Thương người lữ bước thương người vất vơ  
Thương người nắm đất trẻ thơ  
Thương người tuổi tác già nua bản hàn  
Thương người quan quã cô đơn  
Thương người đói rét nằm than kêu đường  
Thấy ai đói rét thì thương  
Rét thì cho mặc, đói thường cho ăn  
Thương người như thể thương thân  
Người ta phải bước khó khăn đến nhà  
Đồng tiền bát gạo đem ra  
Rằng đây cần kiệm gọi là làm duyên (...)*

Chả dính dáng gì với bài học của *Quốc văn giáo khoa thư*. Ai đó đã lấy một câu thơ của *Gia huấn ca* của « Nguyễn tướng công » để đặt tên cho một bài ca khác.

Tuổi thơ dễ dạy, dễ nghe lời.

Dạy gì nghe nấy. Dạy đúng nghe đúng, dạy sai nghe sai. Đúng hay sai lớn lên mới biết.

**Nguyễn Dư**

## Tin Văn hoá

### Phương án bảo tồn di tích hoàng thành Thăng Long

Bộ VH-TT đã chính thức đề nghị thủ tướng chính phủ cho phép triển khai « phương án 2 » để bảo tồn khu di tích Hoàng thành Thăng Long. Theo phương án này, một số hố khai quật xuất lộ các di tích quan trọng, tiêu biểu, đặc sắc nhất sẽ được bảo tồn nguyên trạng tại chỗ làm bảo tàng ngoài trời, kết hợp với việc trưng bày những tài liệu, hiện vật, mô hình hiện trạng di tích.

Những hố khai quật còn lại chưa có điều kiện bảo tồn ngay lúc này thì cho lấp cát lại sau khi đã làm tư liệu một cách đầy đủ, chính xác, khoa học, xử lý kỹ thuật bảo quản và cắm mốc định vị, tạo thành một công viên lịch sử văn hóa trong khu vực quảng trường Ba Đình.

Bộ VH-TT cũng đề nghị thủ tướng giao cho Viện Khoa học xã hội VN triển khai các giải pháp bảo vệ trước mắt khu di tích, làm hồ sơ khoa học các hố khai quật, nghiên cứu xử lý kỹ thuật bảo quản đối với những hố khai quật không giữ lại làm bảo tàng ngoài trời và định vị các cột mốc đánh dấu trước khi lấp cát; kiểm kê, bảo quản, chỉnh lý toàn bộ các tài liệu hiện vật thu thập được, đồng thời, xây dựng phương án tạo lập công viên lịch sử văn hóa khu vực 18 Hoàng Diệu.

(theo Tuổi Trẻ 18.4.2005)

### Hơn 31.000 cuốn sách không cánh mà bay

Trong một cuộc họp ngày 16-4.2005, Ban kiểm kê của Viện Nghiên cứu khoa học xã hội khu vực phía Nam cho biết, viện phát hiện thư viện Khoa học xã hội TPHCM mất hơn 31 ngàn cuốn sách, trong đó có khoảng 28 ngàn sách tiếng Nga gồm nhiều thể loại nghiên cứu như kinh tế, dân tộc học, còn lại là sách tiếng Việt, La tinh, một số sách Hán-Nôm.

Như vậy, so với số sách khi mới phát hiện mất (năm 2004) là 25 ngàn cuốn thì số sách thực tế bị mất còn nhiều hơn. Đến nay vẫn chưa có kết luận cuối cùng về nguyên nhân cũng như thủ phạm vụ mất trộm này ! (theo VNNTX)

## Diễn Đàn Forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đổ

Imprimé par Point Concept, Vitry sur Seine

Dépôt légal: 178/91 \* Commission Paritaire: AS 73 324 \* Prix: 6 €

Địa chỉ bưu điện:

BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)

Địa chỉ điện tử (E-mail):

diendan@diendan.org

Trang nhà : <http://www.diendan.org>

Đại diện các nước: xin coi thể lệ mua báo (trang 3)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phông Unicode) ; hoặc qua E-mail (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)